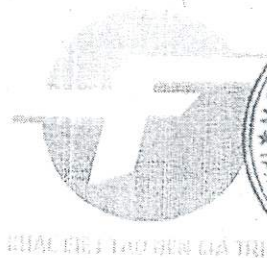


PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH KHÍ THẢI
NĂM 2024 VÀ NĂM 2025

Quy 5 / B01 2024



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kê, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678

Email: moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 03392/2024/PKQ.24.1502

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công ty Cổ phần giấy An Hòa
Địa chỉ	Thôn An Hòa, xã Vĩnh Lợi, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang
Địa điểm quan trắc	Nhà máy sản xuất bột giấy và giấy - Thôn An Hòa, xã Vĩnh Lợi, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang
Loại mẫu	Khí thải
Vị trí quan trắc	KT.01: Khí thải ống khói nồi nấu. Tọa độ: X=21.725248, Y=105.279722
Ngày quan trắc	15/04/2024
Ngày phân tích	15/04/2024 đến 23/04/2024
Ngày trả kết quả	23/04/2024

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT Cột B
				KT.01	
1	Lưu lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	5.188	-
2	Nhiệt độ	°C	SOP.QT.KT.01	71,0	-
3	SO ₂	mg/Nm ³	SOP/HT/K.24	KPH	500
4	Carbon oxit, CO	mg/Nm ³	SOP/HT/K.24	KPH	1.000
5	NO _x (Tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	SOP/HT/K.24	KPH	850
6	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	KPH (MDL=11)	200
7	Cl ₂	mg/Nm ³	US EPA Method 26A	KPH (MDL=0,1)	10
8	HCl	mg/Nm ³	US EPA Method 26A	KPH (MDL=0,07)	50

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- Cột B: Quy định nồng độ C làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả thấp hơn Giới hạn dưới của Dải đo của phương pháp đối với thông số hiện trường và thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp đối với thông số phân tích;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử. - (-): Không quy định.

Bắc Giang, ngày 23 tháng 04 năm 2024

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

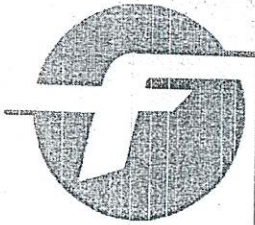
ĐẠI DIỆN CÔNG TY

Nguyễn Thị Cẩm Nhung

Lê Thị Khánh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi và hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy.

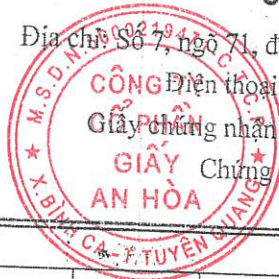
2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.



KHẮC GIẾT TẠO NỀN GIÁ TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn
Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279
Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Số: 11715/2024/PKQ.24.4893		
				Kết quả	QCVN 12-MT:2015/ BTNMT Cột A	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột A
				NT.01		
17	Đồng (Cu)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,025)	-	2
18	Kẽm (Zn)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,02)	-	3
19	Niken (Ni)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	<0,15		0,2
20	Chì (Pb)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,0005)	-	0,1
21	Cadimi (Cd)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,0002)	-	0,05
22	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3114B:2023	0,0024	-	0,05
23	Thủy ngân (Hg)	mg/L	SMEWW 3112B:2023	KPH (MDL=0,0005)	-	0,005
24	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	<2,4	-	5
25	Coliform	MPN/ 100 mL	SMEWW 9221B:2023	23	-	20-000
26	Crom (III)	mg/L	SMEWW 3113B:2023 + SMEWW 3500-Cr.B:2023	KPH (MDL=0,012)	-	0,2

Ghi chú:

- QCVN 12-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp giấy và bột giấy;
+ Cột A quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp giấy và bột giấy khi xả ra nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt;
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;
+ Cột A quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp;
MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- (-): Không quy định;
- (*): Thông số đã được công nhận Vilas.

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Cẩm Nhung

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

Lê Thị Khánh

Bắc Giang, ngày 20 tháng 11 năm 2024
ĐẠI DIỆN CÔNG TY



KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Phan Thị Oanh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;
2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Hotline: 02046 285 678

Email: moitruong@fec.com.vn

Tài liệu chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 03267/2024/PKQ/24.1391

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công ty cổ phần giấy An Hòa
Địa chỉ	Thôn An Hòa, Xã Vĩnh Lợi, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang
Địa điểm quan trắc	Nhà máy sản xuất bột giấy và giấy - Thôn An Hòa, Xã Vĩnh Lợi, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang
Loại mẫu	Khí thải
Vị trí quan trắc	KT.02: Khí thải ống khói chung bốc. Tọa độ: X=21.726021, Y=105.279373
Ngày quan trắc	09/04/2024
Ngày phân tích	09/04/2024 đến 19/04/2024
Ngày trả kết quả	19/04/2024

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT Cột B
				KT.02	
1	Lưu lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	2.137	-
2	Nhiệt độ	°C	SOP.QT.KT.01	88,0	-
3	SO ₂	mg/Nm ³	SOP/HT/K.24	KPH	500
4	Carbon oxit, CO	mg/Nm ³	SOP/HT/K.24	1,3	1.000
5	NO _x (Tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	SOP/HT/K.24	10,6	850
6	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	KPH (MDL=11)	200
7	Cl ₂	mg/Nm ³	US EPA Method 26A	<0,34	10
8	HCl	mg/Nm ³	US EPA Method 26A	32,4	50

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;

- Cột B: Quy định nồng độ C làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp;

- KPH: Không phát hiện. Kết quả thấp hơn Giới hạn dưới của Dải đo của phương pháp đối với thông số hiện trường và thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp đối với thông số phân tích;

- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;

- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;

- (-): Không quy định.

Bắc Giang, ngày 19 tháng 04 năm 2024

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

Nguyễn Thị Cẩm Nhung

Lê Thị Khánh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên nền thử nghiệm do khách hàng gửi tên hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;
2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kê, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn
Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 03268/2024/PKQ/24.1391

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công ty cổ phần giấy An Hòa
Địa chỉ	Thôn An Hòa, Xã Vĩnh Lợi, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang
Địa điểm quan trắc	Nhà máy sản xuất bột giấy và giấy - Thôn An Hòa, Xã Vĩnh Lợi, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang
Loại mẫu	Khí thải
Vị trí quan trắc	KT.03: Khí thải ống khói ClO ₂ , Toạ độ: X=21.724953, Y=105.279727
Ngày quan trắc	09/04/2024
Ngày phân tích	09/04/2024 đến 19/04/2024
Ngày tra kết quả	19/04/2024

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT Cột B	QCVN 21:2009/ BTNMT Cột B
				KT.03		
1	Lưu Lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	1.312	-	-
2	Nhiệt độ	°C	SOP.QT.KT.01	31,0	-	-
3	Cl ₂	mg/Nm ³	US EPA Method 26A	<0,34	10	

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- Cột B: Quy định nồng độ C làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp;
- QCVN 21:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Khí thải công nghiệp sản xuất phân bón hòa học;
- + Quy định nồng độ C của các thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp sản xuất phân hóa học làm cơ sở tính toán nồng độ tối đa cho phép đối với tất cả các nhà máy, cơ sở sản xuất phân bón hóa học;
- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp; - (-): Không quy định.

Bắc Giang, ngày 19 tháng 04 năm 2024

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

Nguyễn Thị Cẩm Nhung

Lê Thị Khánh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;
2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC



ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
Điện thoại: 02046 285 678 Email: moitruong@fec.com.vn
Công nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279
Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 03269/2024/PKQ/24.1391

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công ty cổ phần giấy An Hòa
Địa chỉ	Thôn An Hòa, Xã Vĩnh Lợi, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang
Địa điểm quan trắc	Nhà máy sản xuất bột giấy và giấy - Thôn An Hòa, Xã Vĩnh Lợi, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang
Loại mẫu	Khí thải
Vị trí quan trắc	KT.04: Khí thải ống khói lò vôi. Tọa độ: X=21.726515, Y=105.281410
Ngày quan trắc	09/04/2024
Ngày phân tích	09/04/2024 đến 19/04/2024
Ngày trả kết quả	19/04/2024

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT Cột B	QCVN 21:2009/ BTNMT Cột B
				KT.04		
1	Lưu Lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	39.663	-	-
2	Nhiệt độ	°C	SOP.QT.KT.01	33,0	-	-
3	SO ₂	mg/Nm ³	SOP/HT/K.24	KPH	500	500
4	Carbon oxit, CO	mg/Nm ³	SOP/HT/K.24	KPH	1.000	-
5	NO _x (Tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	SOP/HT/K.24	0,30	850	850
6	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	KPH (MDL=11)	200	200

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;

- Cột B: Quy định nồng độ C làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp;

- QCVN 21:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Khí thải công nghiệp sản xuất phân bón hóa học;

+ Quy định nồng độ C của các thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp sản xuất phân bón hóa học làm cơ sở tính toán nồng độ tối đa cho phép đối với tất cả các nhà máy, cơ sở sản xuất phân bón hóa học;

- KPH: Không phát hiện. Kết quả thấp hơn Giới hạn dưới của Dải đo của phương pháp đối với thông số hiện trường và thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp đối với thông số phân tích;

- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử; - (-): Không quy định.

Bắc Giang, ngày 19 tháng 04 năm 2024

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

Nguyễn Thị Cẩm Nhung

Lê Thị Khánh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên nền tảng nguồn do khách hàng gửi trả hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;
2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kê, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678

Email: moitruong@fec.com.vn

Đang nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 03270/2024/PKQ/24.1391

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công ty cổ phần giấy An Hòa
Địa chỉ	Thôn An Hòa, Xã Vĩnh Lợi, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang
Địa điểm quan trắc	Nhà máy sản xuất bột giấy và giấy - Thôn An Hòa, Xã Vĩnh Lợi, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang
Loại mẫu	Khí thải
Vị trí quan trắc	KT.05: Khí thải ống khói H ₂ SO ₄ Toa độ: X=21.724648, Y=105.279048
Ngày quan trắc	09/04/2024
Ngày phân tích	09/04/2024 đến 19/04/2024
Ngày trả kết quả	19/04/2024

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT Cột B	QCVN 21:2009/ BTNMT Cột B
				KT.05		
1	Lưu Lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	1.855	-	-
2	Nhiệt độ	°C	SOP.QT.KT.01	102,0	-	-
3	H ₂ SO ₄	mg/Nm ³	US EPA method 8	KPH (MDL=2)	50	50

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- Cột B: Quy định nồng độ C làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp;
- QCVN 21:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Khí thải công nghiệp sản xuất phân bón hóa học;
- Quy định nồng độ C của các thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp sản xuất phân hóa học làm cơ sở tính toán nồng độ tối đa cho phép đối với tất cả các nhà máy, cơ sở sản xuất phân bón hóa học;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- (-): Không quy định.

Bắc Giang, ngày 19 tháng 04 năm 2024

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

Nguyễn Thị Cẩm Nhung

Lê Thị Khánh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy.
2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

Bđ 2/2024



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Dĩnh Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678

Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC BIỆT TẠO NÉN TÀI TRÍ



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 06100/2024/PKQ/24.2109

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công ty cổ phần giấy An Hòa
Địa chỉ	Thôn An Hòa, Xã Vĩnh Lợi, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang
Địa điểm quan trắc	Nhà máy sản xuất bột giấy và giấy - Thôn An Hòa, Xã Vĩnh Lợi, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang
Loại mẫu	Khí thải
Vị trí quan trắc	KT.01: Khí thải ống khói nồi nấu. Tọa độ: X=21.725317, Y=105.279742
Ngày quan trắc	19/06/2024
Ngày phân tích	19/06/2024 đến 09/07/2024
Ngày trả kết quả	09/07/2024

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT Cột B
				KT.01	
1	Lưu Lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	5.981	-
2	Nhiệt độ	°C	SOP.QT.KT.01	68,0	-
3	SO ₂	mg/Nm ³	SOP/HT/K.24	KPH	500
4	Cacbon oxit, CO	mg/Nm ³	SOP/HT/K.24	238,1	1.000
5	NO _x (Tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	SOP/HT/K.24	4,80	850
6	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	<35	200
7	Cl ₂	mg/Nm ³	US EPA Method 26A	0,78	10
8	HCl	mg/Nm ³	US EPA Method 26A	0,42	50

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- Cột B: Quy định nồng độ C làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả đo thấp hơn Giới hạn dưới của Dải đo của phương pháp;
- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- (-): Không quy định.

Bắc Giang, ngày 09 tháng 07 năm 2024

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

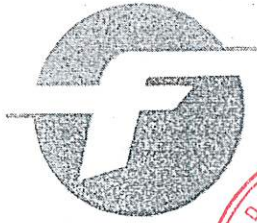
Nguyễn Thị Cẩm Nhung

Lê Thị Khánh



GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;
 2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi;
 3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;
- ĐM03.QT/CL09 - (LẤY): 01



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kê, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678

Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 06101/2024/PKQ/24.2109

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công ty cổ phần giấy An Hòa
Địa chỉ	Thôn An Hòa, Xã Vĩnh Lợi, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang
Địa điểm quan trắc	Nhà máy sản xuất bột giấy và giấy - Thôn An Hòa, Xã Vĩnh Lợi, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang
Loại mẫu	Khí thải
Vị trí quan trắc	KT.02: Khí thải ống khói chung bốc. Tọa độ: X=21.726147, Y=105.279315
Ngày quan trắc	19/06/2024
Ngày phân tích	19/06/2024 đến 09/07/2024
Ngày trả kết quả	09/07/2024

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT Cột B
				KT.02	
1	Lưu Lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	2.408	-
2	Nhiệt độ	°C	SOP.QT.KT.01	160,0	-
3	SO ₂	mg/Nm ³	SOP/HT/K.24	KPH	500
4	Cacbon oxit, CO	mg/Nm ³	SOP/HT/K.24	406,2	1.000
5	NO _x (Tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	SOP/HT/K.24	1,90	850
6	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	<35	200
7	Cl ₂	mg/Nm ³	US EPA Method 26A	KPH (MDL=0,1)	10
8	HCl	mg/Nm ³	US EPA Method 26A	KPH (MDL=0,07)	50

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;

- Cột B: Quy định nồng độ C làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp;

- KPH: Không phát hiện. Kết quả thấp hơn Giới hạn dưới của Dải đo của phương pháp đối với thông số hiện trường và thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp đối với thông số phân tích;

- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;

- "< ": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;

- (-): Không quy định.

Bắc Giang, ngày 09 tháng 07 năm 2024

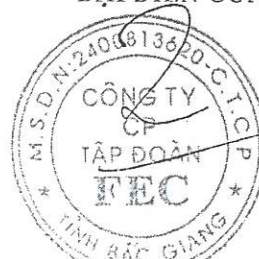
NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

Nguyễn Thị Cẩm Nhung

Lê Thị Khánh



1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC thu thập.

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giữ trách nhiệm, khiếu nại kết quả phân tích.

BM03.QT/CL09 - LBH: 01

NGƯỜI ĐÓNG DẤU ĐIỀU HÀNH

Nguyễn Minh Quang



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678

Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 06102/2024/PKQ/24.2109

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công ty cổ phần giấy An Hòa
Địa chỉ	Thôn An Hòa, Xã Vĩnh Lợi, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang
Địa điểm quan trắc	Nhà máy sản xuất bột giấy và giấy - Thôn An Hòa, Xã Vĩnh Lợi, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang
Loại mẫu	Khí thải
Vị trí quan trắc	KT.03: Khí thải ống khói H ₂ SO ₄ . Toạ độ: X=21.724566; Y=105.278924
Ngày quan trắc	18/06/2024
Ngày phân tích	18/06/2024 đến 09/07/2024
Ngày trả kết quả	09/07/2024

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT Cột B	QCVN 21:2009/ BTNMT Cột B
				KT.03		
1	Lưu Lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	1.676	-	-
2	Nhiệt độ	°C	SOP.QT.KT.01	104,0	-	-
3	H ₂ SO ₄	mg/Nm ³	US EPA method 8	KPH (MDL=2)	50	50

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;

+ Cột B: Quy định nồng độ C làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp;

- QCVN 21:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Khí thải công nghiệp sản xuất phân bón hóa học;

+ Cột B quy định nồng độ C của các thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp sản xuất phân hóa học làm cơ sở tính toán nồng độ tối đa cho phép đối với tất cả các nhà máy, cơ sở sản xuất phân bón hóa học;

- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp;

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử; - (-): Không quy định.

Bắc Giang, ngày 09 tháng 07 năm 2024

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

Nguyễn Thị Cẩm Nhung

Lê Thị Khánh



GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy mẫu.
2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.
3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích.

BM03.QT/CI.09 - LBH: 01



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kê, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678

Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS I315

KHẮC BIẾT TẠO NÊN GIÁ TRỊ



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 06103/2024/PKQ/24.2109

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công ty cổ phần giấy An Hòa
Địa chỉ	Thôn An Hòa, Xã Vĩnh Lợi, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang
Địa điểm quan trắc	Nhà máy sản xuất bột giấy và giấy - Thôn An Hòa, Xã Vĩnh Lợi, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang
Loại mẫu	Khí thải
Vị trí quan trắc	KT.04: Khí thải ống khói ClO ₂ . Toạ độ: X=21.724901, Y=105.279721
Ngày quan trắc	19/06/2024
Ngày phân tích	19/06/2024 đến 09/07/2024
Ngày trả kết quả	09/07/2024

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT Cột B	QCVN 21:2009/ BTNMT Cột B
				KT.04		
1	Lưu Lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	847,0	-	-
2	Nhiệt độ	°C	SOP.QT.KT.01	24,0	-	-
3	Ch ₂	mg/Nm ³	US EPA Method 26A	0,49	10	-

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- + Cột B: Quy định nồng độ C làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp;
- QCVN 21:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Khí thải công nghiệp sản xuất phân bón hóa học;
- + Cột B quy định nồng độ C của các thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp sản xuất phân hóa học làm cơ sở tính toán nồng độ tối đa cho phép đối với tất cả các nhà máy, cơ sở sản xuất phân bón hóa học;
- (-): Không quy định.

Bắc Giang, ngày 09 tháng 07 năm 2024

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

ĐẠI DIỆN CÔNG TY



Nguyễn Thị Cẩm Nhung

Lê Thị Khánh

GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy.

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích.

BM01.QT/CL09 - LBB: 01



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kê, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678

Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 06104/2024/PKQ/24.2109

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công ty cổ phần giấy An Hòa
Địa chỉ	Thôn An Hòa, Xã Vĩnh Lợi, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang
Địa điểm quan trắc	Nhà máy sản xuất bột giấy và giấy - Thôn An Hòa, Xã Vĩnh Lợi, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang
Loại mẫu	Khí thải
Vị trí quan trắc	KT.05: Khí thải ống khói lò vôi. Tọa độ: X=21.726480, Y=105.281413
Ngày quan trắc	18/06/2024
Ngày phân tích	18/06/2024 đến 09/07/2024
Ngày trả kết quả	09/07/2024

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT Cột B
				KT.05	
1	Lưu Lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	44.264	-
2	Nhiệt độ	°C	SOP.QT.KT.01	35,0	-
3	SO ₂	mg/Nm ³	SOP/HT/K.24	KPH	500
4	Cacbon oxit, CO	mg/Nm ³	SOP/HT/K.24	KPH	1.000
5	NO _x (Tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	SOP/HT/K.24	KPH	850
6	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	<35	200

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- Cột B: Quy định nồng độ C làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả đo thấp hơn Giới hạn dưới của Dải đo của phương pháp;
- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- (-): Không quy định.

Bắc Giang, ngày 09 tháng 07 năm 2024

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

ĐẠI DIỆN CÔNG TY



Nguyễn Thị Cẩm Nhung

Lê Thị Khánh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC thực hiện lấy.

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích.

BM03.QT/CL09 - L&H: 01

GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

Nguyễn Minh Quang

Quy/ S/2024 B01



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678

Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 09130/2024/PKQ/24.3721

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công ty cổ phần giấy An Hòa
Địa chỉ	Thôn An Hòa, Xã Vĩnh Lợi, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang
Địa điểm quan trắc	Nhà máy sản xuất bột giấy và giấy - Thôn An Hòa, Xã Vĩnh Lợi, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang
Loại mẫu	Khí thải
Vị trí quan trắc	KT.01: Khí thải ống khói nồi nấu. Tọa độ: X=21.725317, Y=105.279742
Ngày quan trắc	17/09/2024
Ngày phân tích	17/09/2024 đến 27/09/2024
Ngày trả kết quả	27/09/2024

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT Cột B
				KT.01	
1	Lưu Lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	6.060	-
2	Nhiệt độ	°C	SOP.QT.KT.01	71,2	-
3	SO ₂	mg/Nm ³	SOP/HT/K.24	KPH	500
4	Cacbon oxit, CO	mg/Nm ³	SOP/HT/K.24	KPH	1.000
5	NO _x (Tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	SOP/HT/K.24	KPH	850
6	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	<35	200
7	Cl ₂	mg/Nm ³	US EPA Method 26A	KPH (MDL=0,1)	10
8	HCl	mg/Nm ³	US EPA Method 26A	KPH (MDL=0,07)	50

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- Cột B: Quy định nồng độ C làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả thấp hơn Giới hạn dưới của Dải đo của phương pháp đối với thông số hiện trường và thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp đối với thông số phân tích;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp; (-): Không quy định.

Bắc Giang, ngày 27 tháng 09 năm 2024

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

ĐẠI DIỆN CÔNG TY



Dương Thu Hiền

Lê Thị Khánh

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

Phan Thị Thanh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC thu thập.
2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.
3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

BM03.QT/CL09 - LBH: 01



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678

Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 09131/2024/PKQ/24.3721

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công ty cổ phần giấy An Hòa
Địa chỉ	Thôn An Hòa, Xã Vĩnh Lợi, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang
Địa điểm quan trắc	Nhà máy sản xuất bột giấy và giấy - Thôn An Hòa, Xã Vĩnh Lợi, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang
Loại mẫu	Khí thải
Vị trí quan trắc	KT.02: Khí thải ống khói chung bốc. Tọa độ: X=21.726147, Y=105.279315
Ngày quan trắc	17/09/2024
Ngày phân tích	17/09/2024 đến 27/09/2024
Ngày trả kết quả	27/09/2024

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT Cột B
				KT.02	
1	Lưu Lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	2.265	-
2	Nhiệt độ	°C	SOP.QT.KT.01	65,1	-
3	SO ₂	mg/Nm ³	SOP/HT/K.24	KPH	500
4	Cacbon oxit, CO	mg/Nm ³	SOP/HT/K.24	KPH	1.000
5	NO _x (Tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	SOP/HT/K.24	KPH	850
6	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	<35	200
7	Cl ₂	mg/Nm ³	US EPA Method 26A	KPH (MDL=0,1)	10
8	HCl	mg/Nm ³	US EPA Method 26A	KPH (MDL=0,07)	50

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- Cột B: Quy định nồng độ C làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả thấp hơn Giới hạn dưới của Dải đo của phương pháp đối với thông số hiện trường và thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp đối với thông số phân tích;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp; (-): Không quy định.

Bắc Giang, ngày 27 tháng 09 năm 2024

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

Dương Thu Hiền

Lê Thị Khánh



KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

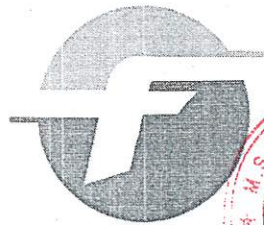
PHẠM THỊ ANH
Phạm Thị Anh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

BM03.QT/CL09 - LBH: 01



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678

Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 09132/2024/PKQ/24.3721

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công ty cổ phần giấy An Hòa
Địa chỉ	Thôn An Hòa, Xã Vĩnh Lợi, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang
Địa điểm quan trắc	Nhà máy sản xuất bột giấy và giấy - Thôn An Hòa, Xã Vĩnh Lợi, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang
Loại mẫu	Khí thải
Vị trí quan trắc	KT.03: Khí thải ống khói H ₂ SO ₄ . Tọa độ: X=21.724566, Y=105.278924
Ngày quan trắc	17/09/2024
Ngày phân tích	17/09/2024 đến 27/09/2024
Ngày trả kết quả	27/09/2024

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT Cột B	QCVN 21:2009/ BTNMT Cột B
				KT.03		
1	Lưu Lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	1.923	-	-
2	Nhiệt độ	°C	SOP.QT.KT.01	102,0	-	-
3	H ₂ SO ₄	mg/Nm ³	US EPA method 8	KPH (MDL=2)	50	50

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;

+ Cột B: Quy định nồng độ C làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp;

- QCVN 21:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Khí thải công nghiệp sản xuất phân bón hóa học;

+ Cột B: Quy định nồng độ C của các thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp sản xuất phân hóa học làm cơ sở tính toán nồng độ tối đa cho phép đối với tất cả các nhà máy, cơ sở sản xuất phân bón hóa học;

- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp;

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;

- (-): Không quy định.

Bắc Giang, ngày 27 tháng 09 năm 2024

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

Dương Thu Hiền

Lê Thị Khánh



KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Phan Thị Thanh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi;

3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

BM03.QT/CL09 - LBH: 01



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678

Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC BIỆT TẠO NÊN C



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 09133/2024/PKQ/24.3721

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công ty cổ phần giấy An Hòa
Địa chỉ	Thôn An Hòa, Xã Vĩnh Lợi, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang
Địa điểm quan trắc	Nhà máy sản xuất bột giấy và giấy - Thôn An Hòa, Xã Vĩnh Lợi, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang
Loại mẫu	Khí thải
Vị trí quan trắc	KT.04: Khí thải ống khói ClO ₂ . Toạ độ: X=21.724901, Y=105.279721
Ngày quan trắc	17/09/2024
Ngày phân tích	17/09/2024 đến 27/09/2024
Ngày trả kết quả	27/09/2024

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT Cột B	QCVN 21:2009/ BTNMT Cột B
				KT.04		
1	Lưu Lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	1.207	-	-
2	Nhiệt độ	°C	SOP.QT.KT.01	36,0	-	-
3	Cl ₂	mg/Nm ³	US EPA Method 26A	KPH (MDL=0,1)	10	-

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;

+ Cột B: Quy định nồng độ C làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp;

- QCVN 21:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Khí thải công nghiệp sản xuất phân bón hóa học;

+ Cột B: Quy định nồng độ C của các thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp sản xuất phân hóa học làm cơ sở tính toán nồng độ tối đa cho phép đối với tất cả các nhà máy, cơ sở sản xuất phân bón hóa học;

- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp;

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;

- (-): Không quy định.

NGƯỜI LẬP

Dương Thu Hiền

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

Lê Thị Khánh

Bắc Giang, ngày 27 tháng 09 năm 2024

ĐẠI DIỆN CÔNG TY



KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Phan Thị Oanh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

BM03.QT/CL09 - LBH: 01



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kê, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678

Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 09134/2024/PKQ/24.3721

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công ty cổ phần giấy An Hòa
Địa chỉ	Thôn An Hòa, Xã Vĩnh Lợi, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang
Địa điểm quan trắc	Nhà máy sản xuất bột giấy và giấy - Thôn An Hòa, Xã Vĩnh Lợi, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang
Loại mẫu	Khí thải
Vị trí quan trắc	KT.05: Khí thải ống khói lò vôi. Toạ độ: X=21.726480, Y=105.281413
Ngày quan trắc	17/09/2024
Ngày phân tích	17/09/2024 đến 27/09/2024
Ngày trả kết quả	27/09/2024

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT Cột B
				KT.05	
1	Lưu Lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	44.230	-
2	Nhiệt độ	°C	SOP.QT.KT.01	71,4	-
3	SO ₂	mg/Nm ³	SOP/HT/K.24	KPH	500
4	Cacbon oxit, CO	mg/Nm ³	SOP/HT/K.24	29,0	1.000
5	NO _x (Tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	SOP/HT/K.24	KPH	850
6	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	<35	200

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- Cột B: Quy định nồng độ C làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả đo thấp hơn Giới hạn dưới của Dải đo của phương pháp;
- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp; (-): Không quy định.

Bắc Giang, ngày 27 tháng 09 năm 2024

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

Dương Thu Hiền

Lê Thị Khánh



KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Phan Thị Anh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi;

3. Qua thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

BM03.QT/CL09 - LBH: 01

Quy IV/2024 BQT



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678

Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 11684/2024/PKQ.24.4877

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công ty cổ phần giấy An Hòa
Địa chỉ	Thôn An Hòa, Xã Vĩnh Lợi, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang
Địa điểm quan trắc	Nhà máy sản xuất bột giấy và giấy - Thôn An Hòa, Xã Vĩnh Lợi, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang
Loại mẫu	Khí thải
Vị trí quan trắc	KT.01: Khí thải ống khói nồi nấu. Tọa độ: X=21.725317, Y=105.279742 KT.02: Khí thải ống khói chưng bốc. Tọa độ: X=21.726147, Y=105.279315
Ngày quan trắc	02/11/2024
Ngày phân tích	02/11/2024 đến 19/11/2024
Ngày trả kết quả	19/11/2024

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		QCVN 19:2009/BTNMT Cột B
				KT.01	KT.02	
1	Lưu Lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	5.992	2.288	-
2	Nhiệt độ	°C	SOP.QT.KT.01	83,5	69,5	-
3	SO ₂	mg/Nm ³	SOP/HT/K.24	KPH	KPH	500
4	Cacbon oxit, CO	mg/Nm ³	SOP/HT/K.24	KPH	0,6	1.000
5	NO _x (Tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	SOP/HT/K.24	KPH	KPH	850
6	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	<35	KPH (MDL=11)	200
7	Cl ₂	mg/Nm ³	US EPA Method 26A	KPH (MDL=0,1)	KPH (MDL=0,1)	10
8	HCl	mg/Nm ³	US EPA Method 26A	KPH (MDL=0,07)	KPH (MDL=0,07)	50

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- Cột B: Quy định nồng độ C làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả thấp hơn Giới hạn dưới của Dải đo của phương pháp đối với thông số hiện trường và thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp đối với thông số phân tích;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- " < ": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- (-): Không quy định.

Bắc Giang, ngày 20 tháng 11 năm 2024

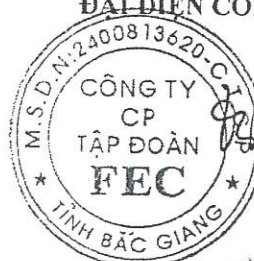
NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

Nguyễn Thị Cẩm Nhung

Lê Thị Khánh



KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Phan Thị Oanh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty có phân tập đoàn FEC trực tiếp lấy.
2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.
3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

BM03.QT/CL09 - LBH: 01



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678

Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 11685/2024/PKQ.24.4877

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công ty cổ phần giấy An Hòa
Địa chỉ	Thôn An Hòa, Xã Vĩnh Lợi, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang
Địa điểm quan trắc	Nhà máy sản xuất bột giấy và giấy - Thôn An Hòa, Xã Vĩnh Lợi, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang
Loại mẫu	Khí thải
Vị trí quan trắc	KT.03: Khí thải ống khói H_2SO_4 . Toạ độ: X=21.724566, Y=105.278924
Ngày quan trắc	02/11/2024
Ngày phân tích	02/11/2024 đến 19/11/2024
Ngày trả kết quả	19/11/2024

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT Cột B	QCVN 21:2009/ BTNMT Cột B
				KT.03		
1	Lưu Lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	1.753	-	-
2	Nhiệt độ	°C	SOP.QT.KT.01	70,2	-	-
3	H ₂ SO ₄	mg/Nm ³	US EPA method 8	KPH (MDL=2)	50	50

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;

+ Cột B: Quy định nồng độ C làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp;

- QCVN 21:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Khí thải công nghiệp sản xuất phân bón hóa học;

+ Cột B quy định nồng độ C của các thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp sản xuất phân hóa học làm cơ sở tính toán nồng độ tối đa cho phép đối với tất cả các nhà máy, cơ sở sản xuất phân bón hóa học;

- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp;

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử; - (-): Không quy định.

Bắc Giang, ngày 20 tháng 11 năm 2024

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

Nguyễn Thị Cẩm Nhung

Lê Thị Khánh



KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

Phan Thị Canh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC lấy mẫu thử nghiệm.

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

BM03.QT/CL09 - LBH: 01



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kê, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678

Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC BIỆT TẠO NÊN CHẤT LƯỢNG



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 11686/2024/PKQ.24.4877

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công ty cổ phần giấy An Hòa
Địa chỉ	Thôn An Hòa, Xã Vĩnh Lợi, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang
Địa điểm quan trắc	Nhà máy sản xuất bột giấy và giấy - Thôn An Hòa, Xã Vĩnh Lợi, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang
Loại mẫu	Khí thải
Vị trí quan trắc	KT.04: Khí thải ống khói ClO ₂ . Toạ độ: X=21.724901, Y=105.279721
Ngày quan trắc	02/11/2024
Ngày phân tích	02/11/2024 đến 19/11/2024
Ngày trả kết quả	19/11/2024

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT Cột B	QCVN 21:2009/ BTNMT Cột B
				KT.04		
1	Lưu Lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	1.160	-	-
2	Nhiệt độ	°C	SOP.QT.KT.01	35,0	-	-
3	Cl ₂	mg/Nm ³	US EPA Method 26A	KPH (MDL=0,1)	10	-

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;

+ Cột B: Quy định nồng độ C làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp;

- QCVN 21:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Khí thải công nghiệp sản xuất phân bón hóa học;

+ Cột B quy định nồng độ C của các thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp sản xuất phân hóa học làm cơ sở tính toán nồng độ tối đa cho phép đối với tất cả các nhà máy, cơ sở sản xuất phân bón hóa học;

- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp;

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử; - (-): Không quy định.

Bắc Giang, ngày 20 tháng 11 năm 2024

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

Nguyễn Thị Cẩm Nhung

Lê Thị Khánh



KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Phan Thị Oanh

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy.
- Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.
- Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích.

BM03.QT/CL09 - LBH: 01



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678

Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC BIỆT TẠO NÊN



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 11687/2024/PKQ.24.4877

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công ty cổ phần giấy An Hòa
Địa chỉ	Thôn An Hòa, Xã Vĩnh Lợi, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang
Địa điểm quan trắc	Nhà máy sản xuất bột giấy và giấy - Thôn An Hòa, Xã Vĩnh Lợi, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang
Loại mẫu	Khí thải
Vị trí quan trắc	KT.05: Khí thải ống khói lò vôi. Toạ độ: X=21.726480, Y=105.281413
Ngày quan trắc	02/11/2024
Ngày phân tích	02/11/2024 đến 19/11/2024
Ngày trả kết quả	19/11/2024

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT Cột B
				KT.05	
1	Lưu Lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	44.695	-
2	Nhiệt độ	°C	SOP.QT.KT.01	31,2	-
3	SO ₂	mg/Nm ³	SOP/HT/K.24	KPH	500
4	Cacbon oxit, CO	mg/Nm ³	SOP/HT/K.24	KPH	1.000
5	NO _x (Tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	SOP/HT/K.24	KPH	850
6	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	<35	200

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- Cột B: Quy định nồng độ C làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả đo thấp hơn Giới hạn dưới của Dải đo của phương pháp;
- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- (-): Không quy định.

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Cẩm Nhung

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

Lê Thị Khánh

Bắc Giang, ngày 20 tháng 11 năm 2024

ĐẠI DIỆN CÔNG TY



KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy.
2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.
3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

BM03.QT/CL09 - LBH: 01

Quyết định



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn
Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279
Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHAI BIẾT TẠO TIỀN GIÁ TRỊ



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 03363/2024/PKQ.24.1501

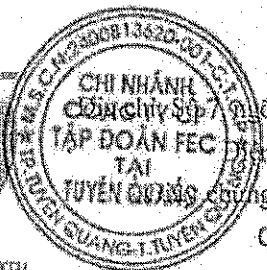
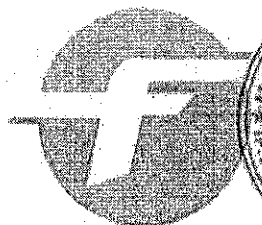
I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công ty cổ phần giấy An Hòa
Địa chỉ	Thôn An Hòa, xã Vĩnh Lợi, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang
Địa điểm quan trắc	Dây chuyền sản xuất giấy trắng phần - Thôn An Hòa, xã Vĩnh Lợi, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang
Loại mẫu	Khí thải
Vị trí quan trắc	KT.01: Khí thải ống khói lò than. Tọa độ: X=21.723385, Y=105.282842
Ngày quan trắc	15/04/2024
Ngày phân tích	15/04/2024 đến 22/04/2024
Ngày trả kết quả	22/04/2024

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT Cột B	QCVN 22:2009/ BTNMT Cột B - Sử dụng than có hàm lượng chất bốc >10%
				KT.01		
1	Lưu Lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	45.402	-	-
2	Nhiệt độ	°C	SOP.QT.KT.01	112,0	-	-
3	SO ₂	mg/Nm ³	SOP/HT/K.24	KPH	500	500
4	Carbon oxit, CO	mg/Nm ³	SOP/HT/K.24	185,1	1.000	-
5	NO _x (Tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	SOP/HT/K.24	27,6	850	650
6	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	<35	200	200

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy.
2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.
3. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị khi được sử dụng đúng theo quy định của phòng thí nghiệm.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678

Email: : moitruong@fec.com.vn

Chúng tôi nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chúng tôi cũng nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

Số: 03363/2024/PKQ.24.1501

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- + Cột B: Quy định nồng độ C làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp;
- QCVN 22:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải Công nghiệp nhiệt điện;
- + Cột B quy định nồng độ C làm cơ sở tính toán nồng độ tối đa cho phép các thông số ô nhiễm khí thải công nghiệp nhiệt điện;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả đo thấp hơn Giới hạn dưới của Dải đo của phương pháp;
- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- (-): Không quy định.

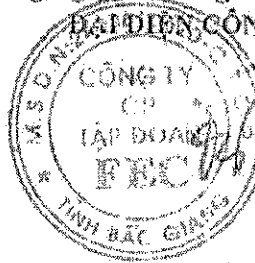
NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

Bắc Giang, ngày 22 tháng 04 năm 2024

Nguyễn Thị Cẩm Nhung

Lê Thị Khánh



KI. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Thị Ngọc

Ngày 21/2/2024

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kê, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678

Email: moitruong@fec.com.vn

Chứng chỉ nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC BIỆT TẠO NỀN GIÁ TRỊ



BIỂU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 06223/2024/PKQ.24.2108

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công ty cổ phần giấy An Hòa
Địa chỉ	Thôn An Hòa, Xã Vĩnh Lợi, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang
Địa điểm quan trắc	Dây chuyền sản xuất giấy trắng phần - Thôn An Hòa, Xã Vĩnh Lợi, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang
Loại mẫu	Khí thải
Vị trí quan trắc	KT.01: Khí thải ống khói lò than. Tọa độ: X=21.723334, Y=105.282809
Ngày quan trắc	19/06/2024
Ngày phân tích	19/06/2024 đến 11/07/2024
Ngày trả kết quả	11/07/2024

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT Cột B	QCVN 22:2009/ BTNMT Cột B - Sử dụng than có hàm lượng chất bốc >10%
				KT.01		
1	Lưu Lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	50.171	-	-
2	Nhiệt độ	°C	SOP.QT.KT.01	102,0	-	-
3	SO ₂	mg/Nm ³	SOP/HT/K.24	KPH	500	500
4	Carbon oxit, CO	mg/Nm ³	SOP/HT/K.24	69,7	1.000	-
5	NO _x (Tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	SOP/HT/K.24	54,3	850	650
6	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	<35	200	200
7	Asen (As)	mg/Nm ³	US EPA method 29	KPH (MDL=0.00009)	10	-
8	Cadimi và hợp chất, tính theo Cd	mg/Nm ³	US EPA method 29	KPH (MDL=0.0001)	5	-
9	Chì và hợp chất, tính theo Pb	mg/Nm ³	US EPA method 29	<0,0020	5	-



1. Phiên kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy.
2. Các kết quả ghi trong phiên này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.
3. Bản thử nghiệm này chỉ có giá trị khi được ký và đóng dấu của đơn vị thực hiện phân tích.

RM02.QT.CI.09 - L.BH: 01



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678

Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

Số: 06223/2024/PKQ.24.2108

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- + Cột B: Quy định nồng độ C làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp;
- QCVN 22:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải Công nghiệp nhiệt điện;
- + Cột B quy định nồng độ C làm cơ sở tính toán nồng độ tối đa cho phép các thông số ô nhiễm khí thải công nghiệp nhiệt điện;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả thấp hơn Giới hạn dưới của Dải đo của phương pháp đối với thông số hiện trường và thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp đối với thông số phân tích;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- (-): Không quy định.

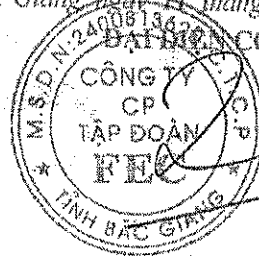
NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Cẩm Nhung

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

Lê Thị Khánh

Bắc Giang, ngày 11 tháng 07 năm 2024



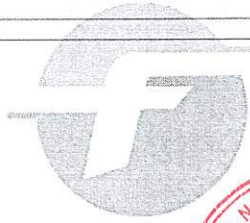
GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

Nguyễn Minh Quang



1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;
2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi;
3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

Ngày 3/2/2024 - Giấy



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678

Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC BIỆT TẠO NÊN



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 09093/2024/PKQ.24.3720

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công ty cổ phần giấy An Hòa
Địa chỉ	Thôn An Hòa, Xã Vĩnh Lợi, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang
Địa điểm quan trắc	Dây chuyền sản xuất giấy trắng phần - Thôn An Hòa, Xã Vĩnh Lợi, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang
Loại mẫu	Khí thải
Vị trí quan trắc	KT.01: Khí thải ống khói lò than. Tọa độ: X=21.723334, Y=105.282809
Ngày quan trắc	17/09/2024
Ngày phân tích	17/09/2024 đến 27/09/2024
Ngày trả kết quả	27/09/2024

II. KẾT QUẢ

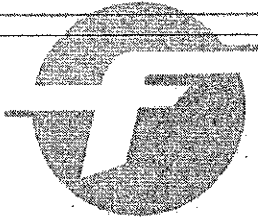
TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT Cột B	QCVN 22:2009/ BTNMT Cột B- Sử dụng than có hàm lượng chất bốc >10%
				KT.01		
1	Lưu Lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	29.277	-	-
2	Nhiệt độ	°C	SOP.QT.KT.01	70,1	-	-
3	SO ₂	mg/Nm ³	SOP/HT/K.24	KPH	500	500
4	Cacbon oxit, CO	mg/Nm ³	SOP/HT/K.24	157,6	1.000	-
5	NO _x (Tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	SOP/HT/K.24	7,50	850	650
6	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	<35	200	200

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi;

3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

BM03.QT/CL09 - LBH: 01



KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678

Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

Số: 09093/2024/PKQ.24.3720

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- + Cột B: Quy định nồng độ C làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp;
- QCVN 22:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải Công nghiệp nhiệt điện;
- + Cột B quy định nồng độ C làm cơ sở tính toán nồng độ tối đa cho phép các thông số ô nhiễm khí thải công nghiệp nhiệt điện;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả đo thấp hơn Giới hạn dưới của Dải đo của phương pháp;
- "< ": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- (-): Không quy định.

Bắc Giang, ngày 27 tháng 09 năm 2024

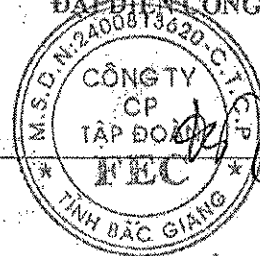
NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

Dương Thu Hiền

Lê Thị Khánh



KT, TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Phan Thị Vinh



1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi;

3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

BM03.QT/CL09 - LBH: 01

Quý 4/2026 này



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678

Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC BIỆT TẠO NỀN G



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 11689/2024/PKQ.24.4879

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công ty cổ phần giấy An Hòa
Địa chỉ	Thôn An Hòa, Xã Vĩnh Lợi, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang
Địa điểm quan trắc	Dây chuyền sản xuất giấy trắng phần - Thôn An Hòa, Xã Vĩnh Lợi, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang
Loại mẫu	Khí thải
Vị trí quan trắc	KT.01: Khí thải ống khói lò than. Toạ độ: X=21.723334, Y=105.282809
Ngày quan trắc	02/11/2024
Ngày phân tích	02/11/2024 đến 19/11/2024
Ngày trả kết quả	19/11/2024

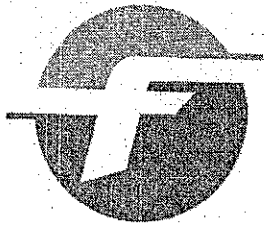
II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT Cột B	QCVN 22:2009/ BTNMT Cột B - Sử dụng than có hàm lượng chất bốc >10%
				KT.01		
1	Lưu Lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	50.500	-	-
2	Nhiệt độ	°C	SOP.QT.KT.01	128,8	-	-
3	SO ₂	mg/Nm ³	SOP/HT/K.24	KPH	500	500
4	Cacbon oxit, CO	mg/Nm ³	SOP/HT/K.24	18,4	1.000	-
5	NO _x (Tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	SOP/HT/K.24	0,50	850	650
6	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	<35	200	200
7	Asen (As)	mg/Nm ³	US EPA method 29	KPH (MDL=0,00009)	10	-
8	Cadimi và hợp chất, tính theo Cd	mg/Nm ³	US EPA method 29	KPH (MDL=0,0001)	5	-
9	Chì và hợp chất, tính theo Pb	mg/Nm ³	US EPA method 29	0,0039	5	-

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;
2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

BM03.QT/CL09 - LBH: 01



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Dĩnh Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678

Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

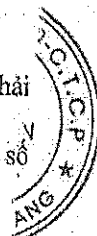
Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

Ghi chú:

Số: 11689/2024/PKQ.24.4879

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- + Cột B: Quy định nồng độ C làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp;
- QCVN 22:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải Công nghiệp nhiệt điện;
- + Cột B quy định nồng độ C làm cơ sở tính toán nồng độ tối đa cho phép các thông số ô nhiễm khí thải công nghiệp nhiệt điện;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả thấp hơn Giới hạn dưới của Dải đo của phương pháp đối với thông số hiện trường và thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp đối với thông số phân tích;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- (-): Không quy định.



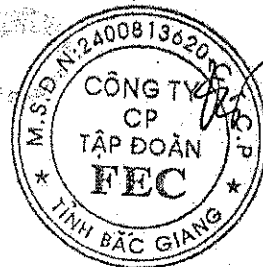
NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

Bắc Giang, ngày 20 tháng 11 năm 2024
ĐẠI DIỆN CÔNG TY


Nguyễn Thị Cẩm Nhung


Lê Thị Khánh



KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Phan Thị Oanh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;
2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.
3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

BM03.QT/CL.09 - LBH: 01



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM (VIMCERTS 236)

PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô B6, Khu đầu giá Quyền sử dụng đất Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Hà Nội

Điện thoại: 024.66512336

Email: idtechvn.info@gmail.com



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 169/2025/PKQ/25.17/KQTN

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Giấy An Hoà
Địa chỉ : Thôn An Hoà, xã Vĩnh Lợi, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang
Địa điểm quan trắc : Sơn Dương – Tuyên Quang
Loại mẫu : Khí thải
Ngày quan trắc : 25/04/2025
Số mẫu: 1
Ngày trả kết quả: 29/04/2025

TT	Tên thông số	Số hiệu phương pháp	Đơn vị	Kết quả phân tích	QCVN 19:2009/ BTNMT
				KT04	Cột B (Kp=1; Kv=1)
1	Carbon oxit, CO *	NG.QT.KT.04	mg/Nm3	4,18	1000
2	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂ *	NG.QT.KT.05	mg/Nm3	43,3173	500
3	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂)*	NG.QT.KT.03	mg/Nm3	20,6424	850

Ghi chú:

- Các thông số *: Thông số thầu phụ Công ty Cổ phần Nông nghiệp và Môi trường Nguyễn Gia
- Quy chuẩn so sánh:
 - + QCVN 19:2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ. Cột B: quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp.
- Vị trí lấy mẫu:
 - + KT04 : Khí thải (chung bốc)
 - + Toạ độ: 21,7260; 105,2793

Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2025

PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Trung Kiên



GIÁM ĐỐC

Phạm Hoa Cường

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến hoặc mẫu quan trắc, Công ty không chịu trách nhiệm việc lấy mẫu đối với các mẫu do khách hàng gửi đến.
2. Quá thời gian lưu mẫu 07 ngày, Công ty không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại từ khách hàng.
3. (-) Quy chuẩn về môi trường không quy định



CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG NGUYỄN GIA
Địa chỉ: Ô 02, Lô D47, Khu D KĐT Lê Trọng Tấn, P. Dương Nội, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội
Web: www.nguyengiaentech.com Email: nguyengia.ena@gmail.com
Hotline: 0338572255

VIMCERTS 251



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Testing Results

Số/No.: 02557/2025/PKQ (IDTECH/25.790)

I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG - Client Information

Khách hàng - Client	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
Địa chỉ - Address	Số 19, Ngõ 84 phố Yên Hoà, P. Yên Hoà, Q. Cầu Giấy, Hà Nội.
Địa điểm lấy mẫu - Sampling site:	CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY AN HÒA - Thôn An Hòa, Xã Vĩnh Lợi, huyện Sơn Dương, Tuyên Quang.
Loại mẫu - Type of Sample:	Khí thải KT04: Khí thải (chung bốc), tọa độ: 21,726047; 105,279315
Ngày quan trắc - Monitoring date:	25/04/2025
Ngày nhận mẫu - Sample receiving date:	25/04/2025

II. KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM - Testing results

Ngày thí nghiệm - Testing date: 26/04/2025 – 28/04/2025

Ngày trả kết quả - Results date: 28/04/2025

STT No.	Thông số Parameters	Phương pháp thử Testing methods	Đơn vị Unit	Giới hạn phát hiện MDL	Kết quả Testing result KT04
1	Cacbon oxit, CO ^(*)	NG.QT.KT.04 ^(a)	mg/Nm ³	-	4,18
2	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂ ^(*)	NG.QT.KT.05 ^(a)	mg/Nm ³	-	43,3173
3	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂) ^(*)	NG.QT.KT.03 ^(a)	mg/Nm ³	-	20,6424

Ghi chú - Remark:

- KT04: NG.EA.250425.02967;
- (*): Thông số đo nhanh tại hiện trường;
- (a): Phương pháp nội bộ;
- (-): Không quy định;
- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do Phòng Kỹ thuật & Dịch vụ môi trường lấy về;
- Quá thời hạn lưu mẫu 5 ngày kể từ ngày trả kết quả (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng), Công ty CP Nông nghiệp và Môi trường Nguyễn Gia không giải quyết việc khiếu nại.

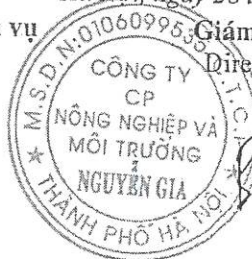
Quản lý chất lượng
QA/QC

Phan Ngọc Duyệt

Trưởng phòng kỹ thuật và dịch vụ
Supervised by

Phan Ngọc Duyệt

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2025



Giám đốc
Director

GIAM ĐỐC
Nguyễn Bảo Ngọc



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM (VIMCERTS 236)

PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô B6, Khu đấu giá Quyền sử dụng đất Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Hà Nội

Điện thoại: 024.66512336

Email: idtechvn.info@gmail.com



CÔNG TY
CỔ PHẦN
GIẤY AN HOÀ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 170 /2025/PKQ/25.17/KQTN

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Giấy An Hoà
Địa chỉ : Thôn An Hoà, xã Vĩnh Lợi, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang
Địa điểm quan trắc : Sơn Dương – Tuyên Quang
Loại mẫu : Khí thải
Ngày quan trắc : 08/04/2025
Số mẫu: 1
Ngày trả kết quả: 29/04/2025

TT	Tên thông số	Số hiệu phương pháp	Đơn vị	Kết quả phân tích	QCVN 19:2009/ BTNMT
				KT04	Cột B (Kp=1; Ky=1)
1	Nhiệt độ(*)	NG.QT.KT.01	°C	95	-
2	Lưu lượng(*)	US EPA Method 2	Nm ³ /h	3.348	-
3	Bụi tổng(*)	US EPA Method 5	mg/Nm ³	35,9	200
4	Clo(*)	US EPA Method 26	mg/Nm ³	KPH	10
5	Axit clohydric, HCl(*)	US EPA Method 26	mg/Nm ³	KPH	50

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện;
- Các thông số *: Thông số thầu phụ Công ty Cổ phần Nông nghiệp và Môi trường Nguyễn Gia
- Quy chuẩn so sánh:
 - + QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ. Cột B: quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp.
- Vị trí lấy mẫu:
 - + KT04 : Khí thải (chưng bốc)
 - + Toạ độ: 21,7261; 105,2793

PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH
CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Trung Kiên



GIAM ĐỐC

Phạm Hoa Cường

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến hoặc mẫu quan trắc, Công ty không chịu trách nhiệm việc lấy mẫu đối với các mẫu do khách hàng gửi đến.
2. Quá thời gian lưu mẫu 07 ngày, Công ty không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại từ khách hàng.
3. (-) Quy chuẩn về môi trường không quy định



CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG NGUYỄN GIA
Địa chỉ: Ô 02, Lô D47, Khu D KĐT Lê Trọng Tấn, P. Dương Nội, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội
Web: www.nguyengiaentech.com Email: nguyengia.ena@gmail.com
Hotline: 0338572255

VIMCERTS 251



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Testing Results

Số/No.: 02547/2025/PKQ (IDTECH/25.652)

I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG - Client Information

Khách hàng - Client	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
Địa chỉ - Address	Số 19, Ngõ 84 phố Yên Hoà, P. Yên Hoà, Q. Cầu Giấy, Hà Nội.
Địa điểm lấy mẫu - Sampling site:	CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY AN HÒA - Thôn An Hòa, Xã Vĩnh Lợi, huyện Sơn Dương, Tuyên Quang.
Loại mẫu - Type of Sample:	Khí thải KT04: Khí thải (chưng bốc), tọa độ: 21,726104; 105,279256
Ngày quan trắc - Monitoring date:	08/04/2025
Ngày nhận mẫu - Sample receiving date:	10/04/2025

II. KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM - Testing results

Ngày thí nghiệm - Testing date: 11/04/2025 - 26/04/2025

Ngày trả kết quả - Results date: 26/04/2025

STT No,	Thông số Parameters	Phương pháp thử Testing methods	Đơn vị Unit	Giới hạn phát hiện MDL	Kết quả Testing result
					KT04
1	Nhiệt độ(*)	NG.QT.KT.01 ^(a)	°C	-	95
2	Lưu lượng(*)	US EPA Method 2	Nm ³ /h	-	3.348
3	Bụi tổng	US EPA Method 5	mg/Nm ³	3	35,9
4	Clo	US EPA Method 26	mg/Nm ³	0,5	KPH
5	Axit clohydric, HCl	US EPA Method 26	mg/Nm ³	1	KPH

Ghi chú - Remark:

- KT04: NG.EA.100425.02581;
- (*): Thông số đo nhanh tại hiện trường;
- (a): Phương pháp nội bộ;
- (-): Không quy định;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do Phòng Kỹ thuật & Dịch vụ môi trường lấy về;
- Quá thời hạn lưu mẫu 5 ngày kể từ ngày trả kết quả (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vì sinh và mẫu dễ hư hỏng), Công ty CP Nông nghiệp và Môi trường Nguyễn Gia không giải quyết việc khiếu nại.

Quản lý chất lượng
QA/QC

Phạm Thị Vi

Trưởng phòng phân tích
Supervised by

Vũ Thị Thanh Nga

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2025

Giám đốc
Director



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Bảo Ngọc



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM (VIMCERTS 236)

PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô B6, Khu đấu giá Quyền sử dụng đất Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Hà Nội

Điện thoại: 024.66512336

Email: idtechvn.info@gmail.com



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 174/2025/PKQ/25.17/KQTN

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Giấy An Hoà
Địa chỉ : Thôn An Hoà, xã Vĩnh Lợi, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang
Địa điểm quan trắc : Sơn Dương – Tuyên Quang
Loại mẫu : Khí thải
Số mẫu: 1
Ngày quan trắc : 08/04/2025
Ngày trả kết quả: 29/04/2025

TT	Tên thông số	Số hiệu phương pháp	Đơn vị	Kết quả phân tích	QCVN 19:2009/ BTNMT Cột B (Kp=0,8; Kv=1)	QCVN 22:2009/ BTNMT Cột B (Kp=0,8; Kv=1)	QCVN 30:2012/ BTNMT Cột B
1	CO ₂ (*)	NG.QT.KT.07	%	6,786	-	-	-

Ghi chú:

- Các thông số *: Thông số thầu phụ Công ty Cổ phần Nông nghiệp và Môi trường Nguyễn Gia
- + QCVN 22:2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp nhiệt điện. Cột B: quy định nồng độ C làm cơ sở tính toán nồng độ tối đa cho phép các thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp nhiệt điện.
- + QCVN 19:2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ. Cột B: quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp.
- + QCVN 30:2012/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải công nghiệp. Cột B: áp dụng đối với tất cả các lò đốt CTCN kể từ ngày 01/01/2015.
- Quy chuẩn so sánh:
- Vị trí lấy mẫu:
 - + KT01 : Ống khói (Lò thu hồi, động lực ống khói 120 m)
 - + Toạ độ: 21,7267; 105,2797

PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Trung Kiên

Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2025

Giám đốc

Phạm Hoa Cường

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến hoặc mẫu quan trắc, Công ty không chịu trách nhiệm việc lấy mẫu đối với các mẫu do khách hàng gửi đến.
2. Quá thời gian lưu mẫu 07 ngày, Công ty không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại từ khách hàng.
3. (-) Quy chuẩn về môi trường không quy định



CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG NGUYỄN GIA
Địa chỉ: Ô 02, Lô D47, Khu D KĐT Lê Trọng Tấn, P. Dương Nội, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội
Web: www.nguyengiaentech.com Email: nguyengia.ena@gmail.com
Hotline: 0338572255

VIMCERTS 251



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Testing Results

Số/No.: 02545/2025/PKQ (IDTECH/25.652)

I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG – Client Information

Khách hàng - Client	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
Địa chỉ - Address	Số 19, Ngõ 84 phố Yên Hoà, P. Yên Hoà, Q. Cầu Giấy, Hà Nội.
Địa điểm lấy mẫu - Sampling site:	CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY AN HÒA - Thôn An Hòa, Xã Vĩnh Lợi, huyện Sơn Dương, Tuyên Quang.
Loại mẫu - Type of Sample:	Khí thải KT01: Ống khói (lò thu hồi, động lực ống khói 120m) Tọa độ: 21,726760; 105,279702
Ngày quan trắc – Monitoring date:	08/04/2025
Ngày nhận mẫu - Sample receiving date:	10/04/2025

II. KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM - Testing results

Ngày thí nghiệm - Testing date: 11/04/2025 – 26/04/2025

Ngày trả kết quả - Results date: 26/04/2025

STT No.	Thông số Parameters	Phương pháp thử Testing methods	Đơn vị Unit	Giới hạn phát hiện MDL	Kết quả Testing result
1	CO ₂ (*)	NG.QT.KT.07 ^(a)	%	-	KT01 6,786

Ghi chú – Remark:

- KT01: NG.EA.100425.02579;
- (*): Thông số đo nhanh tại hiện trường;
- (a): Phương pháp nội bộ;
- (-): Không quy định;
- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do Phòng Kỹ thuật & Dịch vụ môi trường lấy về;
- Quá thời hạn lưu mẫu 5 ngày kể từ ngày trả kết quả (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng), Công ty CP Nông nghiệp và Môi trường Nguyễn Gia không giải quyết việc khiếu nại.

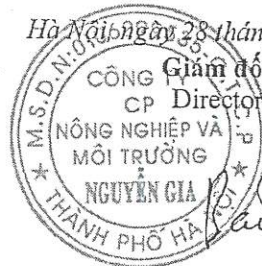
Quản lý chất lượng
QA/QC

Phan Ngọc Quyết

Trưởng phòng kỹ thuật và dịch vụ
Supervised by

Phan Ngọc Quyết

Hà Nội ngày 28 tháng 04 năm 2025



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Bảo Ngọc



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM (VIMCERTS 236)

Địa chỉ: Lô B6, Khu đầu giá Quyền sử dụng đất Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Hà Nội
Điện thoại: 024.66512336 Email: idtechvn.info@gmail.com



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 175 /2025/PKQ/25.17/KQTN

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Giấy An Hoà
Địa chỉ : Thôn An Hoà, xã Vĩnh Lợi, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang
Địa điểm quan trắc : Sơn Dương – Tuyên Quang
Loại mẫu : Khí thải
Ngày quan trắc : 05/04/2025
Số mẫu: 1
Ngày trả kết quả: 29/04/2025

TT	Tên thông số	Số hiệu phương pháp	Đơn vị	Kết quả phân tích	QCVN 19:2009/ BTNMT	QCVN 22:2009/ BTNMT	QCVN 30:2012/ BTNMT
				KT01	Cột B (Kp=0,8; Kv=1)	Cột B (Kp=0,8; Kv=1)	Cột B
1	Asen và hợp chất, tính theo As(*)	US EPA Method 29	mg/Nm ³	KPH	8	-	-
2	Cadmi và hợp chất, tính theo Cd(*)	US EPA Method 29	mg/Nm ³	KPH	4	-	0,16
3	Chì và hợp chất, tính theo Pb(*)	US EPA Method 29	mg/Nm ³	KPH	4	-	1,2
4	Clo(*)	US EPA Method 26	mg/Nm ³	KPH	8	-	-
5	Axit clohydric, HCl(*)	US EPA Method 26	mg/Nm ³	<3***	40	-	50
6	Hydro sunphua, H ₂ S(*)	JIS K 0108:2010	mg/Nm ³	KPH	6	-	-
7	Tổng Dioxin/Furan (tính theo TEQ) (*)	US EPA Method 23	ngTEQ/ Nm ³	0,1199	-	-	0,6
	2,3,7,8-TCDD(*)			0,0000	-	-	-
	2,3,7,8-TCDF(*)			0,0030	-	-	-
	1,2,3,7,8-PeCDD(*)			0,0246	-	-	-
	1,2,3,7,8-PeCDF(*)			0,0011	-	-	-



- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến hoặc mẫu quan trắc, Công ty không chịu trách nhiệm việc lấy mẫu đối với các mẫu do khách hàng gửi đến.
- Quá thời gian lưu mẫu 07 ngày, Công ty không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại từ khách hàng.
- (-) Quy chuẩn về môi trường không quy định



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP TÀI NGUYÊN VÀ MÔI
TRƯỜNG VIỆT NAM (VIMCERTS 236)

PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô B6, Khu đầu giá Quyền sử dụng đất Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Hà Nội

Điện thoại: 024.66512336

Email: idtechvn.info@gmail.com

+ QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ. Cột B: quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp.

+ QCVN 30:2012/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải công nghiệp. Cột B: áp dụng đối với tất cả các lò đốt CTCN kể từ ngày 01/01/2015.

- Vị trí lấy mẫu:

+ KT01 : Ống khói (lò thu hồi, động lực ống khói 120m)

+ Toạ độ: 21,7267; 105,2797

PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH
CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Trung Kiên

Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2025



GIÁM ĐỐC

Phạm Hoa Cường

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến hoặc mẫu quan trắc, Công ty không chịu trách nhiệm việc lấy mẫu đối với các mẫu do khách hàng gửi đến.
2. Quá thời gian lưu mẫu 07 ngày, Công ty không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại từ khách hàng.
3. (-) Quy chuẩn về môi trường không quy định



CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG NGUYỄN GIA
Địa chỉ: Ô 02, Lô D47, Khu D KĐT Lê Trọng Tấn, P. Dương Nội, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội
Web: www.nguyengiaentech.com Email: nguyengia.ena@gmail.com
Hotline: 0338572255

VIMCERTS 251



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Testing Results

Số/No.: 02493/2025/PKQ (IDTECH/25.637)

I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG – Client Information

Khách hàng - Client	: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
Địa chỉ - Address	: Số 19, Ngõ 84 phố Yên Hoà, P. Yên Hoà, Q. Cầu Giấy, Hà Nội.
Địa điểm lấy mẫu- Sampling site:	CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY AN HÒA - Thôn An Hòa, Xã Vĩnh Lợi, huyện Sơn Dương, Tuyên Quang.
Loại mẫu - Type of Sample:	Khí thải KT01: Ống khói (lò thu hồi, động lực ống khói 120m), tọa độ: 21,726760; 105,279702
Ngày quan trắc – Monitoring date:	05/04/2025
Ngày nhận mẫu - Sample receiving date:	08/04/2025

II. KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM - Testing results

Ngày thí nghiệm - Testing date: 09/04/2025 – 23/04/2025

Ngày trả kết quả - Results date: 23/04/2025

STT No.	Thông số Parameters	Phương pháp thử Testing methods	Đơn vị Unit	Giới hạn phát hiện MDL	Kết quả Testing result
					KT01
1	Asen và các hợp chất, tính theo As	US EPA Method 29	mg/Nm ³	0,05	KPH
2	Cadmi và hợp chất, tính theo Cd	US EPA Method 29	mg/Nm ³	0,06	KPH
3	Chì và hợp chất, tính theo Pb	US EPA Method 29	mg/Nm ³	0,05	KPH
4	Clo	US EPA Method 26	mg/Nm ³	0,5	KPH
5	Axit clohydric, HCl	US EPA Method 26	mg/Nm ³	1	<3***
6	Hydro sunphua, H ₂ S	JIS K 0108:2010	mg/Nm ³	0,3	KPH
7	2,3,7,8-TCDD	US EPA Method 23	ngTEQ/Nm ³	0,001	0,0000
8	2,3,7,8-TCDF			0,001	0,0030
9	1,2,3,7,8-PeCDD			0,001	0,0246
10	1,2,3,7,8-PeCDF			0,001	0,0011
11	2,3,4,7,8-PeCDF			0,001	0,0180
12	1,2,3,4,7,8-HxCDD			0,001	0,0022
13	1,2,3,6,7,8-HxCDD			0,001	0,0038
14	1,2,3,7,8,9-HxCDD			0,001	0,0036



CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG NGUYỄN GIA
Địa chỉ: Ô 02, Lô D47, Khu D KĐT Lê Trọng Tấn, P. Dương Nội, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội
Web: www.nguyengiaentech.com Email: nguyengia.ena@gmail.com
Hotline: 0338572255

VIMCERTS 251

Số/No.: 02493/2025/PKQ (IDTECH/25.637)

STT No.	Thông số Parameters	Phương pháp thử Testing methods	Đơn vị Unit	Giới hạn phát hiện MDL	Kết quả Testing result
					KT01
15	1,2,3,4,7,8-HxCDF	US EPA Method 23	ngTEQ/Nm ³	0,001	0,0084
16	1,2,3,6,7,8-HxCDF			0,001	0,0102
17	1,2,3,7,8,9-HxCDF			0,001	0,0231
18	2,3,4,6,7,8-HxCDF			0,001	0,0065
19	1,2,3,4,6,7,8-HpCDD			0,001	0,0054
20	1,2,3,4,6,7,8-HpCDF			0,001	0,0075
21	1,2,3,4,7,8,9-HpCDF			0,001	0,0020
22	OCDD			0,001	0,0002
23	OCDF			0,001	0,0003
24	Tổng Dioxin/Furan (tính theo TEQ)			-	0,1199

Ghi chú – Remark:

- KT01: NG.EA.080425.02411;
- (***): Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- (-): Không quy định;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- TEF: Hệ số độc tương đương (Toxic Equivalency Factor);
- TEQ: Hàm lượng độc tương đương (Toxic Equivalent), TEQ = TEF x Hàm lượng;
- Kết quả TEQ chỉ tính theo các đồng phân phát hiện được, các đồng phân PCDD/Fs không phát hiện được lấy giá trị bằng 0;
- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do Phòng Kỹ thuật & Dịch vụ môi trường lấy về;
- Quá thời hạn lưu mẫu 5 ngày kể từ ngày trả kết quả (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng), Công ty CP Nông nghiệp và Môi trường Nguyễn Gia không giải quyết việc khiếu nại.

Quản lý chất lượng
QA/QC

Phạm Thị Vi

Trưởng phòng phân tích
Supervised by

Vũ Thị Thanh Nga

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2025



Giám đốc
Director

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Bảo Ngọc

PHỤ LỤC 1

Hệ số độc tương đương của 17 đồng phân Dioxin/Furan theo WHO 2005

STT	Thông số	Hệ số độc tương đương (TEF-WHO 2005)
1	2,3,7,8-TetraCDD	1
2	2,3,7,8-TetraCDF	0,1
3	1,2,3,7,8-PentaCDD	1
4	1,2,3,7,8-PentaCDF	0,03
5	2,3,4,7,8-PentaCDF	0,3
6	1,2,3,4,7,8-HexaCDD	0,1
7	1,2,3,6,7,8-HexaCDD	0,1
8	1,2,3,7,8,9-HexaCDD	0,1
9	1,2,3,4,7,8-HexaCDF	0,1
10	1,2,3,6,7,8-HexaCDF	0,1
11	1,2,3,7,8,9-HexaCDF	0,1
12	2,3,4,6,7,8-HexaCDF	0,1
13	1,2,3,4,6,7,8-HeptaCDD	0,01
14	1,2,3,4,6,7,8-HeptaCDF	0,01
15	1,2,3,4,7,8,9-HeptaCDF	0,01
16	OctaCDD	0,0003
17	OctaCDF	0,0003

PHỤ LỤC 2

Hiệu suất thu hồi các chất chuẩn thêm vào trước khi lấy mẫu

STT	Thông số	Đơn vị tính (%)
1	37Cl-2378-TCDD	57
2	13C-123478-HxCDD	57
3	13C-23478-PeCDF	68
4	13C-123478-HxCDF	55
5	13C-1234789-HpCDF	68



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM (VIMCERTS 236)

PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: 10 B6, Khu đầu giá Quyền sử dụng đất Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Hà Nội

Điện thoại: 024.66512336

Email: idtechvn.info@gmail.com



CÔNG TY
CỔ PHẦN
GIẤY
AN HOÀ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 173/2025/PKQ/25.17/KQTN

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Giấy An Hoà
Địa chỉ : Thôn An Hoà, xã Vĩnh Lợi, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang
Địa điểm quan trắc : Sơn Dương – Tuyên Quang
Loại mẫu : Khí thải
Ngày quan trắc : 08/04/2025
Số mẫu: 1
Ngày trả kết quả: 29/04/2025

TT	Tên thông số	Số hiệu phương pháp	Đơn vị	Kết quả phân tích	QCVN 19:2009/ BTNMT
				KT03	Cột B (Kp=1; Kv=1)
1	Nhiệt độ(*)	NG.QT.KT.01	°C	66	-
2	Lưu lượng(*)	US EPA Method 2	Nm ³ /h	3.394	-
3	Bụi tổng(*)	US EPA Method 5	mg/Nm ³	< 9**	200
4	Cacbon oxit, CO(*)	NG.QT.KT.04	mg/Nm ³	603,87	1000
5	Clo(*)	US EPA Method 26	mg/Nm ³	KPH	10
6	Axit clohydric, HCl(*)	US EPA Method 26	mg/Nm ³	KPH	50
7	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂ (*)	NG.QT.KT.05	mg/Nm ³	<2,62**	500
8	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂)(*)	NG.QT.KT.03	mg/Nm ³	<1,88**	850

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện;
- (**): Kết quả đo thấp hơn Giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp đo;
- Các thông số *: Thông số tuân thủ Công ty Cổ phần Nông nghiệp và Môi trường Nguyễn Gia
- Quy chuẩn so sánh:
 - + QCVN 19:2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ. Cột B: quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp.
- Vị trí lấy mẫu:
 - + KT03 : Khí thải (nồi nấu)

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến hoặc mẫu quan trắc, Công ty không chịu trách nhiệm việc lấy mẫu đối với các mẫu do khách hàng gửi đến.
2. Quá thời gian lưu mẫu 07 ngày, Công ty không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại từ khách hàng.
3. (-) Quy chuẩn về môi trường không quy định



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI
TRƯỜNG VIỆT NAM (VIMCERTS 236)

PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô B6, Khu đấu giá Quyền sử dụng đất Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Hà Nội

Điện thoại: 024.66512336

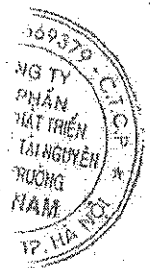
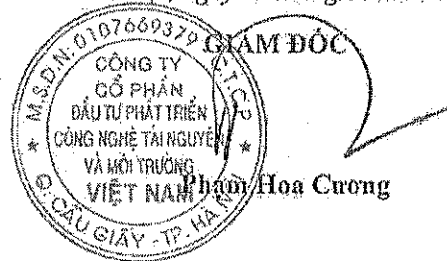
Email: idtechvn.info@gmail.com

+ Tọa độ: 21,7275; 105,2782

PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH
CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG


Nguyễn Trung Kiên

Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2025



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến hoặc mẫu quan trắc, Công ty không chịu trách nhiệm việc lấy mẫu đối với các mẫu do khách hàng gửi đến.
2. Quá thời gian lưu mẫu 07 ngày, Công ty không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại từ khách hàng.
3. (-) Quy chuẩn về môi trường không quy định



CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG NGUYỄN GIA
Địa chỉ: Ô 02, Lô D47, Khu D KĐT Lê Trọng Tấn, P. Dương Nội, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội
Web: www.nguyengiaentech.com Email: nguyengia.ena@gmail.com
Hotline: 0338572255

VIMCERTS 251



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Testing Results

Số/No.: 02546/2025/PKQ (IDTECH/25.652)

I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG – Client Information

Khách hàng - Client	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
Địa chỉ - Address	Số 19, Ngõ 84 phố Yên Hoà, P. Yên Hoà, Q. Cầu Giấy, Hà Nội.
Địa điểm lấy mẫu - Sampling site:	CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY AN HÒA - Thôn An Hòa, Xã Vĩnh Lợi, huyện Sơn Dương, Tuyên Quang.
Loại mẫu - Type of Sample:	Khí thải KT03: Khí thải (nồi nấu), tọa độ: 21,727488; 105,278181
Ngày quan trắc – Monitoring date:	08/04/2025
Ngày nhận mẫu - Sample receiving date:	10/04/2025

II. KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM – Testing results

Ngày thí nghiệm – Testing date: 11/04/2025 – 26/04/2025

Ngày trả kết quả – Results date: 26/04/2025

STT No.	Thông số Parameters	Phương pháp thử Testing methods	Đơn vị Unit	Giới hạn phát hiện MDL	Kết quả Testing result
					KT03
1	Nhiệt độ ^(*)	NG.QT.KT.01 ^(a)	°C	-	66
2	Lưu lượng ^(*)	US EPA Method 2	Nm ³ /h	-	3.394
3	Bụi tổng	US EPA Method 5	mg/Nm ³	3	<9**
4	Cacbon oxit, CO ^(*)	NG.QT.KT.04 ^(a)	mg/Nm ³	-	603,87
5	Clo	US EPA Method 26	mg/Nm ³	0,5	KPH
6	Axit clohydric, HCl	US EPA Method 26	mg/Nm ³	1	KPH
7	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂ ^(*)	NG.QT.KT.05 ^(a)	mg/Nm ³	-	<2,62**
8	Nitơ oxit, NOx (tính theo NO ₂) ^(*)	NG.QT.KT.03 ^(a)	mg/Nm ³	-	<1,88**

Ghi chú – Remark:

- KT03: NG.EA.100425.02580;
- (*): Thông số đo nhanh tại hiện trường;
- (**): Kết quả đo thấp hơn Giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp đo;
- (a): Phương pháp nội bộ;
- (-): Không quy định;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do Phòng Kỹ thuật & Dịch vụ môi trường lấy về;
- Quá thời hạn lưu mẫu 5 ngày kể từ ngày trả kết quả (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng), Công ty CP Nông nghiệp và Môi trường Nguyễn Gia không giải quyết việc khiếu nại.

Quản lý chất lượng
QA/QC

[Signature]

Phạm Thị Vi

Trưởng phòng phân tích
Supervised by

[Signature]

Vũ Thị Thanh Nga

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2025



Giám đốc
Director

[Signature]

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Bảo Ngọc



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM (VIMCERTS 236)

PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ: Lô B6, Khu dân cư Quyền sử dụng đất Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Hà Nội
Điện thoại: 024.66512336 Email: idtechvn.info@gmail.com



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 172/2025/PKQ/25.17/KQTN

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Giấy An Hoà
Địa chỉ : Thôn An Hoà, xã Vĩnh Lợi, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang
Địa điểm quan trắc : Sơn Dương – Tuyên Quang
Loại mẫu : Khí thải
Ngày quan trắc : 09/04/2025
Số mẫu: 1
Ngày trả kết quả: 29/04/2025

TT	Tên thông số	Số hiệu phương pháp	Đơn vị	Kết quả phân tích	QCVN 19:2009/ BTNMT	QCVN 22:2009/ BTNMT
				KT02	Cột B (Kp=0,8; Kv=1)	Cột B (Kp=0,8; Kv=1)
1	Nhiệt độ(*)	NG.QT.KT.01	°C	107	-	-
2	Lưu lượng(*)	US EPA Method 2	Nm ³ /h	190.252	-	-
3	Bụi tổng(*)	US EPA Method 5	mg/Nm ³	47,9	160	-
4	Asen và các hợp chất, tính theo As(*)	US EPA Method 29	mg/Nm ³	KPH	8	-
5	Cadmi và hợp chất, tính theo Cd(*)	US EPA Method 29	mg/Nm ³	KPH	4	-
6	Chì và hợp chất, tính theo Pb(*)	US EPA Method 29	mg/Nm ³	KPH	4	-
7	Cacbon oxit, CO(*)	NG.QT.KT.04	mg/Nm ³	777,632	800	-
8	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂ (*)	NG.QT.KT.05	mg/Nm ³	15,894	400	-
9	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂)(*)	NG.QT.KT.03	mg/Nm ³	52,176	800	-

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện
- Các thông số *: Thông số thầu phụ Công ty Cổ phần Nông nghiệp và Môi trường Nguyễn Gia
- Quy chuẩn so sánh:

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến hoặc mẫu quan trắc, Công ty không chịu trách nhiệm việc lấy mẫu đối với các mẫu do khách hàng gửi đến.
2. Quá thời gian lưu mẫu 07 ngày, Công ty không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại từ khách hàng.
3. (-) Quy chuẩn về môi trường không quy định



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM (VIMCERTS 236)

PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô B6, Khu đấu giá Quyền sử dụng đất Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Hà Nội

Điện thoại: 024.66512336

Email: idtechvn.info@gmail.com

+ QCVN 22:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp nhiệt điện. Cột B: quy định nồng độ C làm cơ sở tính toán nồng độ tối đa cho phép các thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp nhiệt điện.

+ QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ. Cột B: quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp.

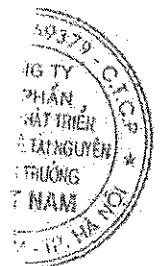
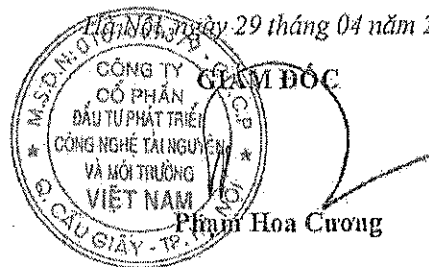
- Vị trí lấy mẫu:

+ KT02 : Ống khói (Lò than)

+ Toạ độ: 21,7233; 105,2828

**PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH
CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG**


Nguyễn Trung Kiên



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến hoặc mẫu quan trắc. Công ty không chịu trách nhiệm việc lấy mẫu đối với các mẫu do khách hàng gửi đến.
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Công ty không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại từ khách hàng.
3. (-) Quy chuẩn về môi trường không quy định



CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG NGUYỄN GIA
Địa chỉ: Ô 02, Lô D47, Khu D KĐT Lê Trọng Tấn, P. Dương Nội, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội
Web: www.nguyengiaentech.com Email: nguyengia.ena@gmail.com
Hotline: 0338572255

VIMCERTS 251



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Testing Results

Số/No.: 02544/2025/PKQ (IDTECH/25.653)

I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG – Client Information

Khách hàng - Client	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
Địa chỉ - Address	Số 19, Ngõ 84 phố Yên Hoà, P. Yên Hoà, Q. Cầu Giấy, Hà Nội.
Địa điểm lấy mẫu - Sampling site:	CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY AN HÒA - Thôn An Hòa, Xã Vĩnh Lợi, huyện Sơn Dương, Tuyên Quang.
Loại mẫu - Type of Sample:	Khí thải KT02: Ống khói (lò than), tọa độ: 2,723292; 105,282778
Ngày quan trắc – Monitoring date:	09/04/2025
Ngày nhận mẫu - Sample receiving date:	10/04/2025

II. KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM - Testing results

Ngày thí nghiệm - Testing date: 11/04/2025 – 26/04/2025

Ngày trả kết quả - Results date: 26/04/2025

STT No.	Thông số Parameters	Phương pháp thử Testing methods	Đơn vị Unit	Giới hạn phát hiện MDL	Kết quả Testing result
					KT02
1	Nhiệt độ ^(*)	NG.QT.KT.01 ^(a)	°C	-	107
2	Lưu lượng ^(*)	US EPA Method 2	Nm ³ /h	-	190.252
3	Bụi tổng	US EPA Method 5	mg/Nm ³	3	47,9
4	Asen và các hợp chất, tính theo As	US EPA Method 29	mg/Nm ³	0,05	KPH
5	Cadmi và hợp chất, tính theo Cd	US EPA Method 29	mg/Nm ³	0,06	KPH
6	Chì và hợp chất, tính theo Pb	US EPA Method 29	mg/Nm ³	0,05	KPH
7	Cacbon oxit, CO ^(*)	NG.QT.KT.04 ^(a)	mg/Nm ³	-	777,632
8	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂ ^(*)	NG.QT.KT.05 ^(a)	mg/Nm ³	-	15,894
9	Nitơ oxit, NOx (tính theo NO ₂) ^(*)	NG.QT.KT.03 ^(a)	mg/Nm ³	-	52,176

Ghi chú – Remark:

- KT02: NG.EA.100425.02584;
- (*): Thông số đo nhanh tại hiện trường;
- (a): Phương pháp nội bộ;
- (-): Không quy định;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do Phòng Kỹ thuật & Dịch vụ môi trường lấy về;
- Quá thời hạn lưu mẫu 5 ngày kể từ ngày trả kết quả (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng), Công ty CP Nông nghiệp và Môi trường Nguyễn Gia không giải quyết việc khiếu nại.

Quản lý chất lượng
QA/QC

[Signature]

Nguyễn Thị Vi

Trưởng phòng phân tích
Supervised by

[Signature]

Vũ Thị Thanh Nga

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2025



Giám đốc
Director

GIAM ĐOC

Nguyễn Bảo Ngọc
Trang: 1/1



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM (VIMCERTS 236)

PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô B6, Khu đầu giá Quyền sử dụng đất Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Hà Nội

Điện thoại: 024.66512336

Email: idtechvn.info@gmail.com



CÔNG TY
CỔ PHẦN
GIẤY
AN HOÀ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 171/2025/PKQ/25.17/KQTN

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Giấy An Hoà
Địa chỉ : Thôn An Hoà, xã Vĩnh Lợi, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang
Địa điểm quan trắc : Sơn Dương – Tuyên Quang
Loại mẫu : Khí thải Số mẫu: 1
Ngày quan trắc : 08/04/2025 Ngày trả kết quả: 29/04/2025

TT	Tên thông số	Số hiệu phương pháp	Đơn vị	Kết quả phân tích	QCVN 19:2009/BTNMT	QCVN 21:2009/BTNMT
				KT05	Cột B (Kp=1; Kv=1)	Cột B (Kp=1; Kv=1)
1	Nhiệt độ(*)	NG.QT.KT.01	°C	26	-	-
2	Lưu lượng(*)	US EPA Method 2	Nm ³ /h	729	-	-
3	Clo(*)	US EPA Method 26	mg/Nm ³	KPH	10	-
4	Hơi H ₂ SO ₄ hoặc SO ₃ , tính theo SO ₃ (*)	US EPA Method 8	mg/Nm ³	66,3	50	50

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện;

- Các thông số *: Thông số thuê phụ Công ty Cổ phần Nông nghiệp và Môi trường Nguyễn Gia

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 21:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp sản xuất phân bón hoá học. Cột B: quy định nồng độ C của các thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp sản xuất phân bón hoá học làm cơ sở tính toán nồng độ tối đa cho phép.

+ QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ. Cột B: quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp.

- Vị trí lấy mẫu:

+ KT05 : Khí thải (H₂SO₄)

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến hoặc mẫu quan trắc, Công ty không chịu trách nhiệm việc lấy mẫu đối với các mẫu do khách hàng gửi đến.

2. Quá thời gian lưu mẫu 07 ngày, Công ty không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại từ khách hàng.

3. (-) Quy chuẩn về môi trường không quy định



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM (VIMCERTS 236)

PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô B6, Khu đấu giá Quyền sử dụng đất Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Hà Nội

Điện thoại: 024.66512336

Email: idtechvn.info@gmail.com

+ Tọa độ: 21,7246; 105,2790

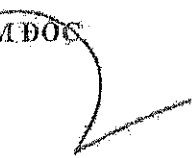
**PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH
CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG**

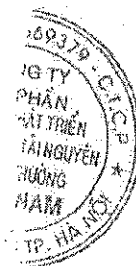

Nguyễn Trung Kiên



Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2025

GIAM ĐỐC


Phạm Hoa Cường



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến hoặc mẫu quan trắc, Công ty không chịu trách nhiệm việc lấy mẫu đối với các mẫu do khách hàng gửi đến.
2. Quá thời gian lưu mẫu 07 ngày, Công ty không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại từ khách hàng.
3. (-) Quy chuẩn về môi trường không quy định



CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG NGUYỄN GIA
Địa chỉ: Ô 02, Lô D47, Khu D KĐT Lê Trọng Tấn, P. Dương Nội, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội
Web: www.nguyengiaentech.com Email: nguyengia.ena@gmail.com
Hotline: 0338572255

VIMCERTS 251



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Testing Results

Số/No.: 02548/2025/PKQ (IDTECH/25.652)

I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG – Client Information

Khách hàng - Client	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
Địa chỉ - Address	Số 19, Ngõ 84 phố Yên Hoà, P. Yên Hoà, Q. Cầu Giấy, Hà Nội.
Địa điểm lấy mẫu - Sampling site:	CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY AN HÒA - Thôn An Hòa, Xã Vĩnh Lợi, huyện Sơn Dương, Tuyên Quang.
Loại mẫu - Type of Sample:	Khí thải KT05: Khí thải (H ₂ SO ₄), tọa độ: 21,724593; 105,278986
Ngày quan trắc – Monitoring date:	08/04/2025
Ngày nhận mẫu - Sample receiving date:	10/04/2025

II. KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM - Testing results

Ngày thí nghiệm - Testing date: 11/04/2025 – 26/04/2025

Ngày trả kết quả - Results date: 26/04/2025

STT No.	Thông số Parameters	Phương pháp thử Testing methods	Đơn vị Unit	Giới hạn phát hiện MDL	Kết quả Testing result
					KT05
1	Nhiệt độ ^(*)	NG.QT.KT.01 ^(a)	°C	-	26
2	Lưu lượng ^(*)	US EPA Method 2	Nm ³ /h	-	729
3	Clo	US EPA Method 26	mg/Nm ³	0,5	KPH
4	Hơi H ₂ SO ₄ hoặc SO ₃ , tính theo SO ₃	US EPA Method 8	mg/Nm ³	2	66,3

Ghi chú – Remark:

- KT05: NG.EA.100425.02582;
- (*): Thông số đo nhanh tại hiện trường;
- (a): Phương pháp nội bộ;
- (-): Không quy định;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do Phòng Kỹ thuật & Dịch vụ môi trường lấy về;
- Quá thời hạn lưu mẫu 5 ngày kể từ ngày trả kết quả (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng), Công ty CP Nông nghiệp và Môi trường Nguyễn Gia không giải quyết việc khiếu nại.

Quản lý chất lượng
QA/QC

[Signature]

Phạm Thị Vi

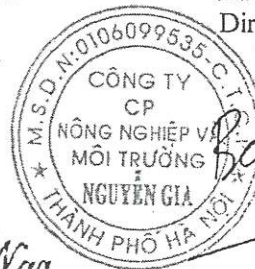
Trưởng phòng phân tích
Supervised by

[Signature]

Vũ Thị Thanh Nga

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2025

Giám đốc
Director



[Signature]

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Bảo Ngọc



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM (VIMCERTS 236)

PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ: Lô B6, Khu đấu giá Quyền sử dụng đất Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Hà Nội
Điện thoại: 024.66512336 Email: idtechvn.info@gmail.com



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 176/2025/PKQ/25.17/KQTN

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Giấy An Hoà
Địa chỉ : Thôn An Hoà, xã Vĩnh Lợi, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang
Địa điểm quan trắc : Sơn Dương – Tuyên Quang
Loại mẫu : Khí thải Số mẫu: 1
Ngày quan trắc : 09/04/2025 Ngày trả kết quả: 29/04/2025

TT	Tên thông số	Số hiệu phương pháp	Đơn vị	Kết quả phân tích	QCVN 19:2009/BTNMT
				KT07	Cột B (Kp=0,8; Kv=1)
1	Nhiệt độ(*)	NG.QT.KT.01	°C	27	-
2	Lưu lượng(*)	US EPA Method 2	Nm³/h	5.869	-
3	Bụi tổng	US EPA Method 5	mg/Nm³	11,8	160
4	Cacbon oxit, CO(*)	NG.QT.KT.04	mg/Nm³	<1,14	800
5	Lưu huỳnh đioxit, SO₂(*)	NG.QT.KT.05	mg/Nm³	2,62	400
6	Nitơ oxit, NOₓ (tính theo NO₂)(*)	NG.QT.KT.03	mg/Nm³	<1,88	680

Ghi chú:

- Các thông số *: Thông số thầu phụ Công ty Cổ phần Nông nghiệp và Môi trường Nguyễn Gia
- Quy chuẩn so sánh:
 - + QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ. Cột B: quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp.
- Vị trí lấy mẫu:
 - + KT07 : Ống khói (Lò vôi)
 - + Toạ độ: 21,7264; 105,2813

PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Trung Kiên



Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2025

GIÁM ĐỐC

Phạm Hoa Cường

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến hoặc mẫu quan trắc, Công ty không chịu trách nhiệm việc lấy mẫu đối với các mẫu do khách hàng gửi đến.
2. Quá thời gian lưu mẫu 07 ngày, Công ty không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại từ khách hàng.
3. (-) Quy chuẩn về môi trường không quy định



VIMCERTS 251

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG NGUYỄN GIA
Địa chỉ: Ô 02, Lô D47, Khu D KĐT Lê Trọng Tấn, P. Dương Nội, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội
Web: www.nguyengiaentech.com Email: nguyengia.ena@gmail.com
Hotline: 0338572255



GIẤY KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Testing Results

Số/No.: 02543/2025/PKQ (IDTECH/25.653)

I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG – Client Information

Khách hàng - Client	: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
Địa chỉ - Address	: Số 19, Ngõ 84 phố Yên Hoà, P. Yên Hoà, Q. Cầu Giấy, Hà Nội.
Địa điểm lấy mẫu - Sampling site:	CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY AN HÒA - Thôn An Hòa, Xã Vĩnh Lợi, huyện Sơn Dương, Tuyên Quang.
Loại mẫu - Type of Sample:	Khí thải KT07: Ống khói (lò vôi), tọa độ: 21,726396; 105,281333
Ngày quan trắc – Monitoring date:	09/04/2025
Ngày nhận mẫu - Sample receiving date:	10/04/2025

II. KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM - Testing results

Ngày thí nghiệm - Testing date: 11/04/2025 – 26/04/2025

Ngày trả kết quả - Results date: 26/04/2025

STT No,	Thông số Parameters	Phương pháp thử Testing methods	Đơn vị Unit	Giới hạn phát hiện MDL	Kết quả Testing result
					KT07
1	Nhiệt độ ^(*)	NG.QT.KT.01 ^(a)	°C	-	27
2	Lưu lượng ^(*)	US EPA Method 2	Nm ³ /h	-	5.869
3	Bụi tổng	US EPA Method 5	mg/Nm ³	3	11,8
4	Cacbon oxit, CO ^(*)	NG.QT.KT.04 ^(a)	mg/Nm ³	-	<1,14**
5	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂ ^(*)	NG.QT.KT.05 ^(a)	mg/Nm ³	-	2,62
6	Nitơ oxit, NOx (tính theo NO ₂) ^(*)	NG.QT.KT.03 ^(a)	mg/Nm ³	-	<1,88**

Ghi chú – Remark:

- KT07: NG.EA.100425.02583;
- (*): Thông số đo nhanh tại hiện trường;
- (**): Kết quả đo thấp hơn Giới hạn (IDL) của thiết bị đo;
- (-): Không quy định;
- (a): Phương pháp nội bộ;
- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do Phòng Kỹ thuật & Dịch vụ môi trường lấy về;
- Quá thời hạn lưu mẫu 5 ngày kể từ ngày trả kết quả (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng), Công ty CP Nông nghiệp và Môi trường Nguyễn Gia không giải quyết việc khiếu nại.

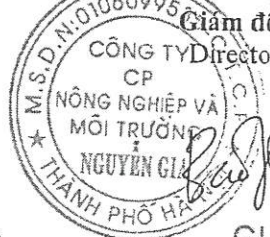
Quản lý chất lượng
QA/QC

Phạm Thị Vi

Trưởng phòng phân tích
Supervised by

Vũ Thị Thanh Nga

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2025

Giám đốc
Director
GIÁM ĐỐC
Nguyễn Bảo Ngọc



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆT NAM (VIMCERT 236)

Phòng quan trắc và phân tích chất lượng môi trường
Địa chỉ trụ sở chính: Số 19C, ngõ 84, phố Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Địa chỉ phòng thí nghiệm: Lô B6 Khu dân cư Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024.66512336

E-mail: idtechvn.info@gmail.com



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 312 /2025/PKQ/25.47/KQTN

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Giấy An Hòa
Địa chỉ : Thôn An Hòa, xã Bình Ca, tỉnh Tuyên Quang
Địa điểm quan trắc : Tuyên Quang
Loại mẫu : Khí thải
Ngày quan trắc : 17/09/2025
Số mẫu: 1
Ngày trả kết quả: 23/10/2025

STT	Tên thông số	Số hiệu phương pháp	Đơn vị	Kết quả phân tích	QCVN 19:2009/ BTNMT	QCVN 19:2024/ BTNMT
				KT04	Cột B (Kp=1; Kv=1)	Cột B
1	Cacbon oxit, CO *	NG.QT.KT.04	mg/Nm ³	18,24	1000	<400
2	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂ *	NG.QT.KT.05	mg/Nm ³	<2,62(**)	500	<300
3	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂) *	NG.QT.KT.03	mg/Nm ³	<1,88(**)	850	<400
4	Nhiệt độ *	NG.QT.KT.01	°C	38	-	-
5	Lưu lượng *	US EPA Method 2	m ³ /h	1.364	-	-
6	Bụi tổng *	US EPA Method 5	mg/Nm ³	KPH	200	<80
7	Clorua *	US EPA Method 26A	mg/Nm ³	0,32	10	<5
8	Axit clohydric, HCl *	US EPA Method 26A	mg/Nm ³	2,3	50	<15



Ghi chú:

- Các thông số *: Thông số thầu phụ Công ty Cổ phần Nông nghiệp và Môi trường Nguyễn Gia

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Công ty
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Quá thời hạn lưu mẫu phòng phân tích chất lượng môi trường không giải quyết việc khiếu nại

- Các thông số đánh dấu (*) chưa được công nhận Vincent
- (-): không quy định



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆT NAM (VIMCERT 236)

Phòng quan trắc và phân tích chất lượng môi trường
Địa chỉ trụ sở chính: Số 19C, ngõ 84, phố Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Lô B6 Khu đấu giá Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024.66512336

E-mail: idtechvn.info@gmail.com

- (**): Kết quả đo thấp hơn giới hạn (IDL) của thiết bị đo;

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ. Cột B: quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp.

+ QCVN 19:2024/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải. Cột B quy định giá trị giới hạn cho phép của thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp của cơ sở xả khí thải công nghiệp có địa điểm hoạt động nằm trong vùng hạn chế phát thải.

- Vị trí lấy mẫu:

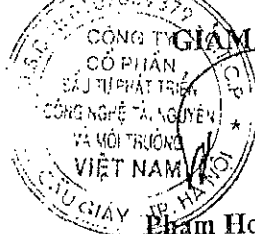
+ KT04 : Khí thải (chưng bốc)

+ Tọa độ: 21,7263; 105,2793

PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH
CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

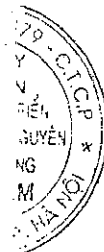
Nguyễn Phương Hiền

Hà Nội, ngày 23 tháng 10 năm 2025



GIÁM ĐỐC

Phạm Hoa Cường



- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Công ty

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Quá thời hạn lưu mẫu phòng phân tích chất lượng môi trường không giải quyết việc khiếu nại

- Các thông số đánh dấu (*) chưa được công nhận Vimecert

- (-): không quy định



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆT NAM (VIMCERT 236)

Phòng quan trắc và phân tích chất lượng môi trường
Địa chỉ trụ sở chính: Số 19C, ngõ 84, phố Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Địa chỉ phòng thí nghiệm: Lô B6 Khu đầu giá Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024.66512336

E-mail: jdtechvn.info@gmail.com



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 313 /2025/PKQ/25.47/KQTN

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Giấy An Hoà
Địa chỉ : Thôn An Hòa, xã Bình Ca, tỉnh Tuyên Quang
Địa điểm quan trắc : Tuyên Quang
Loại mẫu : Khí thải
Ngày quan trắc : 18/09/2025
Số mẫu: 1
Ngày trả kết quả: 23/10/2025

ST	Tên thông số	Số hiệu phương pháp	Đơn vị	Kết quả phân tích	QCVN 19:2009/ BTNMT	QCVN 21:2009/ BTNMT	QCVN 19:2024/ BTNMT
				KT05	Cột B (Kp=1; Ky=1)	Cột B (Kp=1; Ky=1)	Cột B
1	Nhiệt độ(*)	NG.QT.KT.01	°C	30	-	-	-
2	Lưu lượng(*)	US EPA Method 2	m ³ /h	710	-	-	-
3	Cl ₂ (*)	US EPA Method 26	mg/Nm ³	KPH	10	-	<5
4	Hơi H ₂ SO ₄ hoặc SO ₃ , tính theo SO ₃ (*)	US EPA Method 8	mg/Nm ³	8,8	50	50	<30

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện;

- Các thông số *: Thông số thầu phụ Công ty Cổ phần Nông nghiệp và Môi trường Nguyễn Gia

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 21:2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp sản xuất phân bón hoá học. Cột B: quy định nồng độ C của các thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp sản xuất phân bón hoá học làm cơ sở tính toán nồng độ tối đa cho phép.

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm

- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Công ty

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Quá thời hạn lưu mẫu phòng phân tích chất lượng môi trường không giải quyết việc khiếu nại

- Các thông số đánh dấu (*) chưa được công nhận Vimecert

- (-): không quy định





CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆT NAM (VIMCERT 236)

Phòng quan trắc và phân tích chất lượng môi trường
Địa chỉ trụ sở chính: Số 19C, ngõ 84, phố Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Địa chỉ phòng thí nghiệm: Lô B6 Khu đấu giá Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024.66512336

E-mail: idthevn.info@gmail.com

+ **QCVN 19:2009/BTNMT**: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ. Cột B: quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp.

+ **QCVN 19:2024/BTNMT**: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải. Cột B quy định giá trị giới hạn cho phép của thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp của cơ sở xả khí thải công nghiệp có địa điểm hoạt động nằm trong vùng hạn chế phát thải.

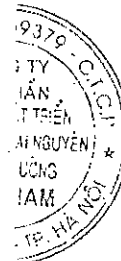
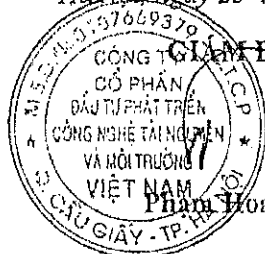
- **Vị trí lấy mẫu:**

- + KT05 : Khí thải (H_2SO_4)
- + Toạ độ: 21,7245; 105,2790

PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH
CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Phương Hiền

Hà Nội, ngày 23 tháng 10 năm 2025



- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Công ty
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Quá thời hạn lưu mẫu phòng phân tích chất lượng môi trường không giải quyết việc khiếu nại
- Các thông số đánh dấu (*) chưa được công nhận Vimcert
- (-): không quy định



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆT NAM (VIMCERT 236)

Phòng quan trắc và phân tích chất lượng môi trường
Địa chỉ trụ sở chính: Số 19C, ngõ 84, phố Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Địa chỉ phòng thí nghiệm: Lô B6 Khu đầu giá Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024.66512336

E-mail: jdtechvn.info@gmail.com



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số: 314/2025/PKQ/25.47/KQTN

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Giấy An Hoà
Địa chỉ : Thôn An Hòa, xã Bình Ca, tỉnh Tuyên Quang
Địa điểm quan trắc : Tuyên Quang
Loại mẫu : Khí thải
Ngày quan trắc : 16/09/2025
Số mẫu: 1
Ngày trả kết quả: 23/10/2025

TT	Tên thông số	Số hiệu phương pháp	Đơn vị	Kết quả phân tích	QCVN 19:2009/ BTNMT	QCVN 22:2009/ BTNMT	QCVN 19:2024/ BTNMT
				KT02	Cột B (Kp=0,8; Kv=1)	Cột B (Kp=0,8; Kv=1)	Cột B
1	Nhiệt độ(*)	NG.QT.KT.01	°C	103	-	-	-
2	Lưu lượng(*)	US EPA Method 2	Nm³/h	512.010	-	-	-
3	Bụi tổng(*)	US EPA Method 5	mg/Nm³	35	160	-	<50
4	Asen và các hợp chất, tính theo As(*)	US EPA Method 29	mg/Nm³	KPH	8	-	<3
5	Cadmi và hợp chất, tính theo Cd(*)	US EPA Method 29	mg/Nm³	KPH	4	-	<0,2
6	Chì và hợp chất, tính theo Pb(*)	US EPA Method 29	mg/Nm³	KPH	4	-	<1
7	Cacbon oxit, CO(*)	NG.QT.KT.04	mg/Nm³	<1,44(**)	800	-	<350



- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Công ty
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Quá thời hạn lưu mẫu phòng phân tích chất lượng môi trường không giải quyết việc khiếu nại
- Các thông số đánh dấu (*) chưa được công nhận VIMCERT
- (-): không quy định



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆT NAM (VTMCERT 236)

Phòng quan trắc và phân tích chất lượng môi trường
Địa chỉ trụ sở chính: Số 19C, ngõ 84, phố Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Lô B6 Khu đấu giá Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024.66512336

E-mail: idthevn.info@gmail.com

TT	Tên thông số	Số hiệu phương pháp	Đơn vị	Kết quả phân tích KT02	QCVN 19:2009/ BTNMT	QCVN 22:2009/ BTNMT	QCVN 19:2024/ BTNMT
					Cột B (Kp=0,8; Kv=1)	Cột B (Kp=0,8; Kv=1)	Cột B
8	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂ (*)	NG.QT.KT.05	mg/Nm ³	<2,62(**)	400	-	<300
9	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂)(*)	NG.QT.KT.03	mg/Nm ³	<1,44(**)	800	-	<300

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện

- Các thông số *: Thông số thầu phụ Công ty Cổ phần Nông nghiệp và Môi trường Nguyễn Gia

- Kết quả **: kết quả đo thấp hơn giới hạn (IDL) của thiết bị đo;

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 22:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp nhiệt điện. Cột B: quy định nồng độ C làm cơ sở tính toán nồng độ tối đa cho phép các thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp nhiệt điện.

+ QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ. Cột B: quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp.

+ QCVN 19:2024/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải. Cột B quy định giá trị giới hạn cho phép của thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp của cơ sở xả khí thải công nghiệp có địa điểm hoạt động nằm trong vùng hạn chế phát thải.

- Vị trí lấy mẫu:

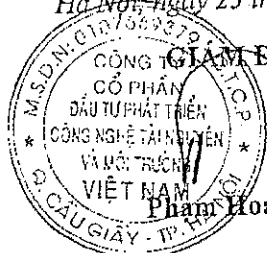
+ KT02 : Ống khói (Lò than)

+ Toạ độ: 21,7233; 105,2825

PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH
CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Phương Hiền

Hà Nội, ngày 23 tháng 10 năm 2025



Phạm Hoa Cường

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm.

- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Công ty

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Quá thời hạn lưu mẫu phòng phân tích chất lượng môi trường không giải quyết việc khiếu nại

- Các thông số đánh dấu (*) chưa được công nhận Vincert

- (-): không quy định



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆT NAM (VIMCERT 236)

Phòng quan trắc và phân tích chất lượng môi trường

Địa chỉ trụ sở chính: Số 19C, ngõ 84, phố Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy,

Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Lô B6 Khu đấu giá Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông,

Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024.66512336

E-mail: idtechvn.info@gmail.com



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 315 /2025/PKQ/25.47/KQTN

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Giấy An Hoà
Địa chỉ : Thôn An Hòa, xã Bình Ca, tỉnh Tuyên Quang
Địa điểm quan trắc : Tuyên Quang
Loại mẫu : Khí thải
Ngày quan trắc : 15/09/2025
Số mẫu: 1
Ngày trả kết quả: 23/10/2025

TT	Tên thông số	Số hiệu phương pháp	Đơn vị	Kết quả phân tích KT01	QCVN 19:2009/ BTNMT Cột B (Kp=0,8; Kv=1)	QCVN 22:2009/ BTNMT Cột B (Kp=0,8; Kv=1)	QCVN 30:2012/ BTNMT Cột B	QCVN 19:2024/ BTNMT Cột B
1	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	358.657	-	-	-	-
2	Asen và các hợp chất, tính theo As(*)	US EPA Method 29	mg/Nm ³	KPH	8	-	-	<0,5
3	Cadmi và hợp chất, tính theo Cd(*)	US EPA Method 29	mg/Nm ³	KPH	4	-	0,16	<0,05
4	Chì và hợp chất, tính theo Pb(*)	US EPA Method 29	mg/Nm ³	KPH	4	-	1,2	<0,5
5	Clo(*)	US EPA Method 26	mg/Nm ³	17,08	8	-	-	<5

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Công ty.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Quá thời hạn lưu mẫu phòng phân tích chất lượng môi trường không giải quyết việc khiếu nại.
- Các thông số đánh dấu (*) chưa được công nhận Vimcert.
- (-): không quy định.



IDTECH
VIỆT NAM

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆT NAM (VIMCERT 236)**

Phòng quan trắc và phân tích chất lượng môi trường

Địa chỉ trụ sở chính: Số 19C, ngõ 84, phố Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy,

Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Lô B6 Khu đầu giá Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông,

Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024.66512336

E-mail: idtechvn.info@gmail.com

TT	Tên thông số	Số hiệu phương pháp	Đơn vị	Kết quả phân tích KT01	QCVN 19:2009/ BTNMT Cột B (Kp=0,8; Kv=1)	QCVN 22:2009/ BTNMT Cột B (Kp=0,8; Kv=1)	QCVN 30:2012/ BTNMT Cột B	QCVN 19:2024/ BTNMT Cột B
6	Axit clohydric, HCl(*)	US EPA Method 26	mg/Nm ³	63,9	40	-	50	<15
7	Hydro sunphua, H ₂ S(*)	JIS K 0108:201 0	mg/Nm ³	67,96	6	-	-	<7
8	Tổng Dioxin/Furan (tính theo TEQ) (*)	US EPA Method 23	ngTEQ/ Nm ³	0,0009	-	-	0,6	<0,3
	2,3,7,8- TCDD(*)			0,0000	-	-	-	-
	2,3,7,8- TCDF(*)			0,0001	-	-	-	-
	1,2,3,7,8- PeCDD(*)			0,0000	-	-	-	-
	1,2,3,7,8- PeCDF(*)			0,0000	-	-	-	-
	2,3,4,7,8- PeCDF(*)			0,0004	-	-	-	-
	1,2,3,4,7,8- HxCDD(*)			0,0000	-	-	-	-
	1,2,3,6,7,8-Hx CD D(*)			0,0000	-	-	-	-
	1,2,3,7,8,9- HxCDD(*)			0,0000	-	-	-	-
	1,2,3,4,7,8- HxCDF			0,0002	-	-	-	-
	1,2,3,6,7,8- HxCDF			0,0002	-	-	-	-

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm

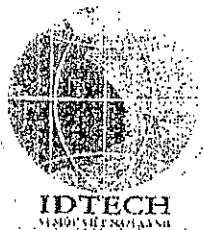
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Công ty

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Quá thời hạn lưu mẫu phòng phân tích chất lượng môi trường không giải quyết việc khiếu nại

- Các thông số đánh dấu (*) chưa được công nhận Vimecert

- (-): không quy định



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆT NAM (VIMCERT 236)**

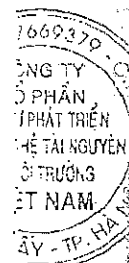
Phòng quan trắc và phân tích chất lượng môi trường
Địa chỉ trụ sở chính: Số 19C, ngõ 84, phố Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Lô B6 Khu đấu giá Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024.66512336

E-mail: idthechvn.info@gmail.com

TT	Tên thông số	Số hiệu phương pháp	Đơn vị	Kết quả phân tích	QCVN 19:2009/BTNMT Cột B (Kp=0,8; Kv=1)	QCVN 22:2009/BTNMT Cột B (Kp=0,8; Kv=1)	QCVN 30:2012/BTNMT Cột B	QCVN 19:2024/BTNMT Cột B
	1,2,3,7,8,9-HxCDF(*)			0,0000	-	-	-	-
	2,3,4,6,7,8-HxCDF(*)			0,0000	-	-	-	-
	1,2,3,4,6,7,8 - HpCDD(*)			0,0000	-	-	-	-
	1,2,3,4,6,7,8 - HpCDF(*)			0,0001	-	-	-	-
	1,2,3,4,7,8,9 - HpCDF(*)			0,0000	-	-	-	-
	OCDD(*)			0,0000	-	-	-	-
	OCDF(*)			0,0000	-	-	-	-



Ghi chú:

- **KPH:** Không phát hiện;

- **Các thông số *:** Thông số thầu phụ Công ty Cổ phần Nông nghiệp và Môi trường Nguyễn Gia

- **Quy chuẩn so sánh:**

+ **QCVN 22:2009/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp nhiệt điện. Cột B: quy định nồng độ C làm cơ sở tính toán nồng độ tối đa cho phép các thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp nhiệt điện.

+ **QCVN 19:2009/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ. Cột B: quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp.

+ **QCVN 30:2012/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải công nghiệp. Cột B: áp dụng đối với tất cả các lò đốt CTCN kể từ ngày 01/01/2015.

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Công ty

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Quá thời hạn lưu mẫu phòng phân tích chất lượng môi trường không giải quyết việc khiếu nại

- Các thông số đánh dấu (*) chưa được công nhận Vimcert

- (-): không quy định



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆT NAM (VIMCERT 236)**

Phòng quan trắc và phân tích chất lượng môi trường

Địa chỉ trụ sở chính: Số 19C, ngõ 84, phố Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Lô B6 Khu đấu giá Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024.66512336

E-mail: jdteechvn.info@gmail.com

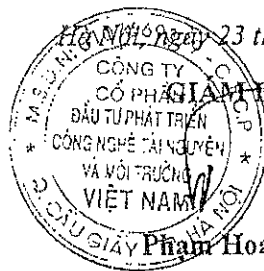
+ **QCVN 19:2024/BTNMT**: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải. Cột B quy định giá trị giới hạn cho phép của thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp của cơ sở xả khí thải công nghiệp có địa điểm hoạt động nằm trong vùng hạn chế phát thải.

- **Vị trí lấy mẫu:**

- + KT01 : Ống khói (lò thu hồi, động lực ống khói 120m)
- + Tọa độ: 21,7266; 105,2795

**PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH
CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG**

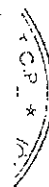
Nguyễn Phương Hiên



Hà Nội, ngày 23 tháng 10 năm 2025

GIÁM ĐỐC

Phạm Hoa Cường



- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Công ty.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Quá thời hạn lưu mẫu phòng phân tích chất lượng môi trường không giải quyết việc khiếu nại.
- Các thông số đánh dấu (*) chưa được công nhận Vincert.
- (-): không quy định.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆT NAM (VIMCERT 236)

Phòng quan trắc và phân tích chất lượng môi trường

Địa chỉ trụ sở chính: Số 19C, ngõ 84, phố Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy,

Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Lô B6 Khu đấu giá Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông,

Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024.66512336

E-mail: ldtechvn.info@gmail.com



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 316 /2025/PKQ/25.47/KQTN

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Giấy An Hòa
Địa chỉ : Thôn An Hòa, xã Bình Ca, tỉnh Tuyên Quang
Địa điểm quan trắc : Tuyên Quang
Loại mẫu : Khí thải
Ngày quan trắc : 16/09/2025
Số mẫu: 1
Ngày trả kết quả: 23/10/2025

TT	Tên thông số	Số hiệu phương pháp	Đơn vị	Kết quả phân tích	QCVN 19:2009/ BTNMT	QCVN 19:2024/ BTNMT
				KT07	Cột B (Kp=0.8; Kv=1)	Cột B
1	Nhiệt độ(*)	NG.QT.KT.01	°C	32	-	-
2	Lưu lượng(*)	US EPA Method 2	m ³ /h	22.498	-	-
3	Bụi tổng	US EPA Method 5	mg/Nm ³	<3(**)	160	<25
4	Cacbon oxit, CO(*)	NG.QT.KT.04	mg/Nm ³	1.262,208	800	<250
5	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂ (*)	NG.QT.KT.05	mg/Nm ³	49,78	400	<100
6	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂)(*)	NG.QT.KT.03	mg/Nm ³	44,03	680	<350

Ghi chú:

- Các thông số *: Thông số thầu phụ Công ty Cổ phần Nông nghiệp và Môi trường Nguyễn Gia

- Kết quả (**): Kết quả đo thấp hơn giới hạn (IDL) của thiết bị đo

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ. Cột B: quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp.

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Công ty

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Quá thời hạn lưu mẫu phòng phân tích chất lượng môi trường không giải quyết việc khiếu nại

- Các thông số đánh dấu (*) chưa được công nhận Vimecert

- (-): không quy định



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆT NAM (VIMCERT 236)

Phòng quan trắc và phân tích chất lượng môi trường
Địa chỉ trụ sở chính: Số 19C, ngõ 84, phố Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Lô B6 Khu đấu giá Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024.66512336

E-mail: jdtechvn.info@gmail.com

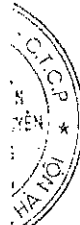
+ **QCVN 19:2024/BTNMT**: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải. Cột B quy định giá trị giới hạn cho phép của thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp của cơ sở xả khí thải công nghiệp có địa điểm hoạt động nằm trong vùng hạn chế phát thải.

- **Vị trí lấy mẫu:**

- + KT07 : Ống khói (Lò vôi)
- + Tọa độ: 21,7264; 105,2814

PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH
CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Phương Hiền



- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Công ty
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Quá thời hạn lưu mẫu phòng phân tích chất lượng môi trường không giải quyết việc khiếu nại
- Các thông số đánh dấu (*) chưa được công nhận VIMCERT
- (-): không quy định



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆT NAM (VIMCERT 236)

Phòng quan trắc và phân tích chất lượng môi trường
Địa chỉ trụ sở chính: Số 19C, ngõ 84, phố Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Lô B6 Khu đấu giá Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024.66512336

E-mail: idechvn.info@gmail.com



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 317 /2025/PKQ/25.47/KQTN

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Giấy An Hoà
Địa chỉ : Thôn An Hòa, xã Bình Ca, tỉnh Tuyên Quang
Địa điểm quan trắc : Tuyên Quang
Loại mẫu : Khí thải
Ngày quan trắc : 17/09/2025
Số mẫu: 1
Ngày trả kết quả: 23/10/2025

TT	Tên thông số	Số hiệu phương pháp	Đơn vị	Kết quả phân tích	QCVN 19:2009/ BTNMT	QCVN 19:2024/ BTNMT
				KT03	Cột B (Kp=1; Kv=1)	Cột B
1	Nhiệt độ(*)	NG.QT.KT.01	°C	66	-	-
2	Lưu lượng(*)	US EPA Method 2	m ³ /h	3.513	-	-
3	Bụi tổng(*)	US EPA Method 5	mg/Nm ³	KPH	200	<80
4	Cacbon oxit, CO(*)	NG.QT.KT.04	mg/Nm ³	481,08	1000	<400
5	Clo(*)	US EPA Method 26	mg/Nm ³	0,39	10	<5
6	Axit clohydric, HCl(*)	US EPA Method 26	mg/Nm ³	2,8	50	<15
7	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂ (*)	NG.QT.KT.05	mg/Nm ³	<2,62(**)	500	<300
8	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂)(*)	NG.QT.KT.03	mg/Nm ³	<1,88(**)	850	<400



Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện;

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Công ty.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Quá thời hạn lưu mẫu phòng phân tích chất lượng môi trường không giải quyết việc khiếu nại.
- Các thông số đánh dấu (*) chưa được công nhận Vimecert.
- (-): không quy định.



**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆT NAM (VIMCERT 236)**

Phòng quan trắc và phân tích chất lượng môi trường

Địa chỉ trụ sở chính: Số 19C, ngõ 84, phố Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy,

Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Lô B6 Khu đấu giá Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông,

Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024.66512336

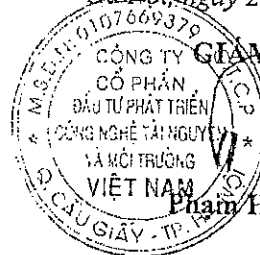
E-mail: idtechvn.info@gmail.com

- (**): Kết quả đo thấp hơn Giới hạn phát hiện (IDL) của thiết bị đo;
- Các thông số *: Thông số thầu phụ Công ty Cổ phần Nông nghiệp và Môi trường Nguyễn Gia
- Quy chuẩn so sánh:
 - + QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ. Cột B: quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp.
 - + QCVN 19:2024/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải. Cột B quy định giá trị giới hạn cho phép của thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp của cơ sở xả khí thải công nghiệp có địa điểm hoạt động nằm trong vùng hạn chế phát thải.
- Vị trí lấy mẫu:
 - + KT03 : Khí thải (nồi nấu)
 - + Tọa độ: 21,7254; 105,2797

**PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH
CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG**

Nguyễn Phương Hiền

Hà Nội, ngày 23 tháng 10 năm 2025



GIÁM ĐỐC

Phạm Hoa Cường



- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Công ty
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Quá thời hạn lưu mẫu phòng phân tích chất lượng môi trường không giải quyết việc khiếu nại
- Các thông số đánh dấu (*) chưa được công nhận Vimecert
- (-): không quy định



CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG NGUYỄN GIA

Địa chỉ: Ô 02, Lô D47, Khu D KĐT Lê Trọng Tấn, P. Dương Nội, TP. Hà Nội

Web: www.nguyengiaena.com

Email: nguyengia.ena@gmail.com

Hotline: 0338572255

VIMCERTS 251



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Testing Results

Số/No.: 05741/2025/PKQ (IDTECH/25.1516)

I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG – Client Information

Khách hàng - Client	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
Địa chỉ - Address	Số 19C, Ngõ 84, phố Yên Hòa, Phường Yên Hòa, TP Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu- Sampling site:	CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY AN HÒA - Thôn An Hòa, Bình Ca, tỉnh Tuyên Quang.
Loại mẫu - Type of Sample:	Khí thải KT01: Ống khói (lò thu hồi, động lực ống khói 120m) Tọa độ: 21,726588; 105,279472
Ngày quan trắc – Monitoring date:	15/09/2025
Ngày nhận mẫu - Sample receiving date:	19/09/2025

II. KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM - Testing results

Ngày thí nghiệm - Testing date: 20/09/2025 – 10/10/2025

Ngày trả kết quả - Results date: 10/10/2025

STT No.	Thông số Parameters	Phương pháp thử Testing methods	Đơn vị Unit	Giới hạn phát hiện MDL	Kết quả Testing result
					KT01
1	Lưu lượng(*)	US EPA Method 2	Nm ³ /h	-	358.657
2	Asen và các hợp chất, tính theo As	US EPA 29 + SMEWW 3113B:2023	mg/Nm ³	0,005	KPH
3	Cadmi và hợp chất, tính theo Cd	US EPA 29 + SMEWW 3111B:2023	mg/Nm ³	0,01	KPH
4	Chì và hợp chất, tính theo Pb	US EPA 29 + SMEWW 3111B:2023	mg/Nm ³	0,05	KPH
5	Clo	US EPA Method 26	mg/Nm ³	0,05	17,08
6	Axit clohydric, HCl	JIS K 0107:2012	mg/Nm ³	0,05	63,9
7	Hydro sunphua, H ₂ S	JIS K 0108:2010	mg/Nm ³	0,3	67,96
8	2,3,7,8-TCDD	US EPA (40 CFR) 23	ngTEQ/Nm ³	-	0,0000
9	2,3,7,8-TCDF			-	0,0001
10	1,2,3,7,8-PeCDD			-	0,0000
11	1,2,3,7,8-PeCDF			-	0,0000
12	2,3,4,7,8-PeCDF			-	0,0004
13	1,2,3,4,7,8-HxCDD			-	0,0000





NGUYEN GIA

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG NGUYỄN GIA

Địa chỉ: Ô 02, Lô D47, Khu D KĐT Lê Trọng Tấn, P. Dương Nội, TP. Hà Nội

Web: www.nguyengiaena.com

Email: nguyengia.ena@gmail.com

Hotline: 0338572255

VIMCERTS 251

STT No.	Thông số Parameters	Phương pháp thử Testing methods	Đơn vị Unit	Giới hạn phát hiện MDL	Kết quả Testing result
					KT01
14	1,2,3,6,7,8-HxCDD	US EPA (40 CFR) 23	ngTEQ/Nm ³	-	0,0000
15	1,2,3,7,8,9-HxCDD			-	0,0000
16	1,2,3,4,7,8-HxCDF			-	0,0002
17	1,2,3,6,7,8-HxCDF			-	0,0002
18	1,2,3,7,8,9-HxCDF			-	0,0000
19	2,3,4,6,7,8-HxCDF			-	0,0000
20	1,2,3,4,6,7,8-HpCDD			-	0,0000
21	1,2,3,4,6,7,8-HpCDF			-	0,0001
22	1,2,3,4,7,8,9-HpCDF			-	0,0000
23	OCDD			-	0,0000
24	OCDF			-	0,0000
25	Tổng Dioxin/Furan (tính theo TEQ)			-	0,0009

Ghi chú – Remark:

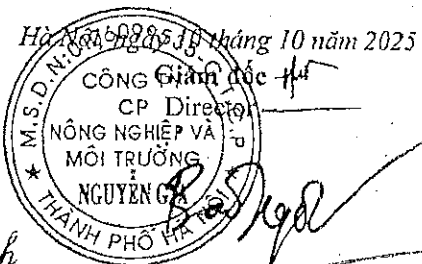
- KT01: NG.EA.190925.06126;
- (*): Thông số đo nhanh tại hiện trường;
- (-): Không quy định;
- KPH: Không phát hiện, Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- TEF: Hệ số độc tương đương (Toxic Equivalency Factor);
- TEQ: Hàm lượng độc tương đương (Toxic Equivalent), $TEQ = TEF \times \text{Hàm lượng}$;
- Kết quả TEQ chỉ tính theo các đồng phân phát hiện được, các đồng phân PCDD/Fs không phát hiện được lấy giá trị bằng 0;
- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do Phòng Kỹ thuật & Dịch vụ môi trường lấy về;
- Quá thời hạn lưu mẫu 5 ngày kể từ ngày trả kết quả (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vì sinh và mẫu dễ hư hỏng), Công ty CP Nông nghiệp và Môi trường Nguyễn Gia không giải quyết việc khiếu nại.

Quản lý chất lượng
QA/QC

Trưởng phòng phân tích
Supervised by

Nguyễn Thế Lâm

Hoàng Thị Hồng Anh



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Bắc Ngọc



CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG NGUYỄN GIA

Địa chỉ: Ô 02, Lô D47, Khu D KĐT Lê Trọng Tấn, P. Dương Nội, TP. Hà Nội

Web: www.nguyengiaena.com

Email: nguyengia.ena@gmail.com

Hotline: 0338572255

VIMCERTS 251

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Hệ số độc tương đương của 17 đồng phân Dioxin/Furan theo WHO 2005

STT	Thông số	Hệ số độc tương đương (TEF-WHO 2005)
1	2,3,7,8-TetraCDD	1
2	2,3,7,8-TetraCDF	0,1
3	1,2,3,7,8-PentaCDD	1
4	1,2,3,7,8-PentaCDF	0,03
5	2,3,4,7,8-PentaCDF	0,3
6	1,2,3,4,7,8-HexaCDD	0,1
7	1,2,3,6,7,8-HexaCDD	0,1
8	1,2,3,7,8,9-HexaCDD	0,1
9	1,2,3,4,7,8-HexaCDF	0,1
10	1,2,3,6,7,8-HexaCDF	0,1
11	1,2,3,7,8,9-HexaCDF	0,1
12	2,3,4,6,7,8-HexaCDF	0,1
13	1,2,3,4,6,7,8-HeptaCDD	0,01
14	1,2,3,4,6,7,8-HeptaCDF	0,01
15	1,2,3,4,7,8,9-HeptaCDF	0,01
16	OctaCDD	0,0003
17	OctaCDF	0,0003

Phụ lục 2: Hiệu suất thu hồi các chất chuẩn thêm vào trước khi lấy mẫu

EA 190925 06126		
STT	Tên chất	Đơn vị tính (%)
1	37Cl-2378-TCDD	51
2	13C-123478-HxCDD	64
3	13C-23478-PeCDF	40
4	13C-123478-HxCDF	98
5	13C-1234789-HpCDF	71

CÔNG TY CP GIẤY AN HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

Số: 17/2025/NQ-ĐHĐCĐ

Tuyên Quang, ngày 01 tháng 9 năm 2025



NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY AN HÒA

GIÁM ĐỐC HÀNH CHÍNH NHÂN SỰ
Cấp cứ:
Hoàng Minh Sơn

- Luật Doanh nghiệp năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ của Công ty Cổ phần Giấy An Hòa;
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Giấy An Hòa số: 24./2025/BBH-ĐHĐCĐ ngày 01 tháng 9 năm 2025.

QUYẾT NGHỊ:

ĐIỀU 1. Miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị Công ty.

Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Giấy An Hòa tiến hành miễn nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị đối với bà Nguyễn Thị Huyền.

ĐIỀU 2. Bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị Công ty.

Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Giấy An Hòa bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị đối với ông Nguyễn Quốc Hưng.

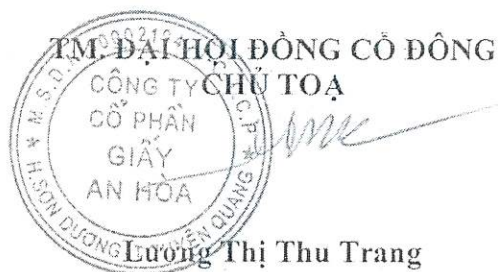
ĐIỀU 3. Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Người đại diện theo pháp luật, các phòng ban và các cá nhân liên quan trong Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

ĐIỀU 4. Giao cho Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Công ty tổ chức triển khai thực hiện các nội dung đã thông qua tại Đại hội phù hợp với Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật hiện hành.

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, HCNS.



TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TOẠ
Lương Thị Thu Trang

Số: 24./2025/BBH-ĐHĐCĐ

Tuyên Quang, Ngày 24 tháng 9 năm 2025



GIÁM ĐỐC HÀNH CHÍNH NHÂN SỰ

Hoàng Minh Sơn

BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY AN HÒA

Mã số doanh nghiệp: 5000219471

Địa chỉ trụ sở chính: Thôn An Hòa, xã Bình Ca, tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Giấy An Hòa họp Đại hội đồng Cổ đông (sau đây viết tắt là *DHĐCĐ*) Công ty theo triệu tập của Hội đồng Quản trị với nội dung như sau:

- Thời gian: Hồi 08 giờ 00 phút, ngày 24... tháng 9... năm 2025;
- Địa điểm họp: Thôn An Hòa, xã Bình Ca, tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam.
- Thành phần dự họp: Các cổ đông Công ty:
- Có mặt: Đủ 09/09 cổ đông
- Vắng mặt: 0
- Danh sách cổ đông dự họp:

TT	Họ tên cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị vốn góp theo mệnh giá (VNĐ)	Số phiếu có quyền biểu quyết (1 cổ phần tương ứng 1 phiếu biểu quyết)	Tỷ lệ (%)
1	Công ty CP Chứng khoán An Bình	418.423	41.842.300.000	418.423	0,93
2	Công ty cổ phần đầu tư tổng hợp Hà Nội (SHN)	1.252.825	125.282.500.000	125.282	2,78
3	Công ty TNHH Phát triển Cosmo	20.223.215	2.022.321.500.000	20.223.215	44,94
4	Nguyễn Thị Thu Hường	14.328.370	1.432.837.000.000	14.328.370	31,84
5	Công ty CP H2H Hà Nội	109.577	10.957.45.000.000	109.577	0,24
6	Công ty CP Sapa Vân Tảo	140.000	14.000.000.000	140.000	0,31
7	Công ty CP Đầu tư BĐS An Bình	2.453.980	245.398.000.000	2.453.980	5,45
8	Công ty CP Mai Trang Linh	2.760.730	276.073.000.000	2.760.730	6,13
9	Công ty CP Đầu tư Thương mại Hà Sơn	3.312.880	331.288.000.000	3.312.880	7,36
Tổng cộng		45.000.000	4.500.000.000.000	45.000.000	100

- Mục đích, chương trình họp: Miễn nhiệm và bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Giấy An Hoà.

PHẦN 1. THỦ TỤC KHAI MẠC

I. Thành phần tham dự, kiểm tra tư cách cổ đông :

1. Sau khi kiểm tra xác nhận tư cách cổ đông tham dự họp Đại hội đồng cổ đông, tổ thư ký báo cáo kết quả kiểm tra xác nhận tư cách cổ đông và đại diện cổ đông dự họp như sau:
2. Căn cứ danh sách cổ đông của Công ty, Công ty có 09 cổ đông nắm giữ 45.000.000 cổ phần. Số cổ đông và đại diện cổ đông thực tế dự họp vào thời điểm công bố công bố kết quả kiểm tra xác nhận tư cách cổ đông và đại diện cổ đông dự họp là 09 người, sở hữu 45.000.000 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết hiện tại của Công ty. Cổ đông không dự họp và không ủy quyền dự họp là 0 cổ đông, chiếm 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Như vậy, theo quy định của Điều lệ Công ty, Luật doanh nghiệp năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành, cuộc họp ĐHĐCĐ đã hội đủ các điều kiện để tiến hành.

II. Bầu Chủ tọa, thư ký cuộc họp ĐHĐCĐ

1. Theo quy định tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp, cuộc họp ĐHĐCĐ nhất trí bầu bà Lương Thị Thu Trang - Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa cuộc họp.
Chủ tọa cuộc họp giới thiệu thư ký cuộc họp là bà **Nguyễn Thị Thu Hương**
2. Đại hội đồng cổ đông Công ty nhất trí thông qua nhân sự là chủ tịch, thư ký cuộc họp với tỷ lệ nhất trí 100%.

III. Khai mạc Đại hội

Chủ tọa cuộc họp phát biểu khai mạc.

PHẦN 2. CÁC NỘI DUNG ĐƯỢC ĐHĐCĐ THẢO LUẬN VÀ BIỂU QUYẾT THÔNG QUA

Sau khi nghe ý kiến đề xuất của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông đã thảo luận và thông qua các nội dung sau:

I. Các nội dung được ĐHĐCĐ thảo luận

1. Miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Giấy An Hòa.

Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Giấy An Hòa tiến hành miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị đối với bà **Nguyễn Thị Huyền**. Thông tin chi tiết như sau:

Họ và tên: **NGUYỄN THỊ HUYỀN** Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 14/07/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

CCCD số : 034184014783 do Bộ Công an cấp ngày 18/7/2024.

Địa chỉ thường trú: Số 19 tổ 21, Nghĩa Tân, Cầu Giấy, Hà Nội.

Địa chỉ liên lạc: Số 19 tổ 21, Nghĩa Tân, Cầu Giấy, Hà Nội.

2. Bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Giấy An Hòa.

Các cổ đông dự họp thảo luận việc bầu ông **Nguyễn Quốc Hưng** – Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính kế toán Công ty CP Giấy An Hòa là người có trình độ và kinh nghiệm trong công tác quản lý, điều hành doanh nghiệp, và không thuộc trường hợp bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam, làm thành viên Hội đồng quản trị Công ty với nhiệm kỳ 05 năm từ ngày 01/9/2025 đến 01/09/2030. Thông tin chi

tiết như sau:

Họ và tên: **NGUYỄN QUỐC HÙNG**

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 11/08/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

CCCD số : 001082005035 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 01/11/2021.

Địa chỉ thường trú: Thôn Hội Xá, xã Hương Sơn, Thành phố Hà Nội.

Địa chỉ liên lạc: Thôn Hội Xá, xã Hương Sơn, Thành phố Hà Nội.

*** Thành viên Hội đồng quản trị sau khi miễn nhiệm và bổ nhiệm như sau:**

+ Ông Nguyễn Quốc Hùng

+ Bà Nguyễn Thị Thu Hương

+ Bà Lương Thị Thu Trang

II. Biểu quyết thông qua các quyết định của ĐHĐCĐ

Cuộc họp đã tiến hành biểu quyết theo hình thức bỏ phiếu trực tiếp. Kết quả như sau:

1. Biểu quyết việc Miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị đối với bà Nguyễn Thị Huyền với tỷ lệ biểu quyết như sau:

- Tổng số phiếu hợp lệ: 45.000.000 phiếu.
- Tỷ lệ số phiếu hợp lệ trên tổng số phiếu có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp: $45.000.000 / 45.000.000$ phiếu, đạt tỷ lệ 100% so với tổng số phiếu biểu quyết.
- Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu.
- Tỷ lệ số phiếu không hợp lệ trên tổng số phiếu có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp: $0 / 45.000.000$ phiếu, đạt tỷ lệ 0% so với tổng số phiếu biểu quyết.
- Tổng số phiếu biểu quyết tán thành: 45.000.000 phiếu.
- Tỷ lệ số phiếu biểu quyết tán thành trên tổng số phiếu có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp: $45.000.000 / 45.000.000$ phiếu, đạt tỷ lệ 100% so với tổng số phiếu biểu quyết.
- Tổng số phiếu biểu quyết không tán thành: 0 phiếu.
- Tỷ lệ số phiếu biểu quyết không tán thành trên tổng số phiếu có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp: $0 / 45.000.000$ phiếu, đạt tỷ lệ 0% so với tổng số phiếu biểu quyết.
- Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu.
- Tỷ lệ số phiếu không có ý kiến trên tổng số phiếu có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp: $0 / 45.000.000$ phiếu, đạt tỷ lệ 0% so với tổng số phiếu biểu quyết.

2. Biểu quyết về việc bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị đối với ông Nguyễn Quốc Hùng, với tỷ lệ biểu quyết như sau:

- Tổng số phiếu hợp lệ: 45.000.000 phiếu.
- Tỷ lệ số phiếu hợp lệ trên tổng số phiếu có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp: $45.000.000 / 45.000.000$ phiếu, đạt tỷ lệ 100% so với tổng số phiếu biểu quyết.
- Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu.
- Tỷ lệ số phiếu không hợp lệ trên tổng số phiếu có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp: $0 / 45.000.000$ phiếu, đạt tỷ lệ 0% so với tổng số phiếu biểu quyết.

- Tổng số phiếu biểu quyết tán thành: 45.000.000 phiếu.
- Tỷ lệ số phiếu biểu quyết tán thành trên tổng số phiếu có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp: $45.000.000/45.000.000$ phiếu, đạt tỷ lệ 100% so với tổng số phiếu biểu quyết.
- Tổng số phiếu biểu quyết không tán thành: 0 phiếu.
- Tỷ lệ số phiếu biểu quyết không tán thành trên tổng số phiếu có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp: $0/45.000.000$ phiếu, đạt tỷ lệ 0% so với tổng số phiếu biểu quyết.
- Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu.
- Tỷ lệ số phiếu không có ý kiến trên tổng số phiếu có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp: $0/45.000.000$ phiếu, đạt tỷ lệ 0% so với tổng số phiếu biểu quyết.

PHẦN 3. CÁC QUYẾT ĐỊNH ĐƯỢC THÔNG QUA VÀ TỶ LỆ PHIẾU BIỂU QUYẾT THÔNG QUA TƯƠNG ƯNG

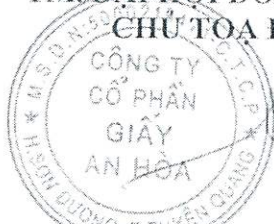
Đại hội đã biểu quyết thông qua Nghị quyết của Đại hội:

1. Thông qua việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của Công ty đối với bà Nguyễn Thị Huyền: Tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng là 100%.
2. Thông qua việc bầu bổ sung Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty đối với ông Nguyễn Quốc Hưng: Tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng là 100%.

PHẦN 4. KẾT THÚC CUỘC HỌP

1. Đại hội đồng cổ đông Công ty nhất trí giao cho Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc tổ chức triển khai thực hiện các nội dung đã được ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua.
2. Thư ký cuộc họp đọc Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ và các cổ đông nhất trí 100% các nội dung trong biên bản. Biên bản này được lập thành 01 (một) bản.
3. Cuộc họp kết thúc vào hồi 10 giờ 00 phút cùng ngày.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI

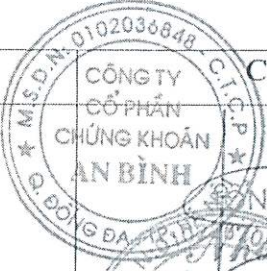
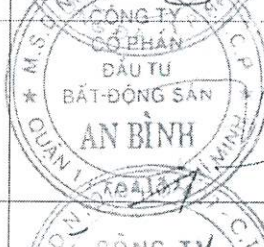


LƯƠNG THỊ THU TRANG

THƯ KÝ

NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG

CHỮ KÝ CỦA CÁC CỔ ĐÔNG THAM GIA DỰ HỌP

STT	CÔNG ĐÔNG	CHỮ KÝ
1	Công ty CP Chứng khoán An Bình	 TỔNG GIÁM ĐỐC Hà Hải
2	Công ty CP Đầu tư Tổng hợp Hà Nội	 TỔNG GIÁM ĐỐC Hà Hải
3	Công ty TNHH Phát triển Cosmo	 GIÁM ĐỐC Nguyễn Hoài Phương
4	Nguyễn Thị Thu Hương	
5	Công ty CP H2H Hà Nội	 TỔNG GIÁM ĐỐC Trần Phi Hùng
6	Công ty CP Sapa Vân Tảo	 TỔNG GIÁM ĐỐC Đỗ Trọng Cường
7	Công ty CP Đầu tư BDS An Bình	 TỔNG GIÁM ĐỐC Tạ Xuân Thu
8	Công ty CP Mai Trang Linh	 TỔNG GIÁM ĐỐC Nguyễn Quốc Hùng
9	Công ty CP Đầu tư Thương mại Hà Sơn	 TỔNG GIÁM ĐỐC Trần Nam Trung



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Testing Results

Số/No.: 05436/2025/PKQ (IDTECH/25.1535)

I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG – Client Information

Khách hàng - Client	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
Địa chỉ - Address	Số 19C, Ngõ 84, phố Yên Hòa, Phường Yên Hòa, TP Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu- Sampling site:	CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY AN HÒA - Thôn An Hòa, Bình Ca, tỉnh Tuyên Quang.
Loại mẫu - Type of Sample:	Khí thải KT02: Ống khói (lò than) Tọa độ: 21,723293; 105,282520
Ngày quan trắc – Monitoring date:	16/09/2025
Ngày nhận mẫu - Sample receiving date:	19/09/2025

II. KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM - Testing results

Ngày thí nghiệm - Testing date: 20/09/2025 – 01/10/2025

Ngày trả kết quả - Results date: 01/10/2025

STT No.	Thông số Parameters	Phương pháp thử Testing methods	Đơn vị Unit	Giới hạn phát hiện MDL	Kết quả Testing result
					KT02
1	Nhiệt độ(*)	NG.QT.KT.01 ^(a)	°C	-	103
2	Lưu lượng(*)	US EPA Method 2	Nm ³ /h	-	512.010
3	Bụi tổng	US EPA Method 5	mg/Nm ³	3	35
4	Asen và các hợp chất, tính theo As	US EPA 29 + SMEWW 3113B:2023	mg/Nm ³	0,005	KPH
5	Cadmi và hợp chất, tính theo Cd	US EPA 29 + SMEWW 3111B:2023	mg/Nm ³	0,01	KPH
6	Chì và hợp chất, tính theo Pb	US EPA 29 + SMEWW 3111B:2023	mg/Nm ³	0,05	KPH
7	Cacbon oxit, CO(*)	NG.QT.KT.04 ^(a)	mg/Nm ³	-	1.262,208
8	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂ (*)	NG.QT.KT.05 ^(a)	mg/Nm ³	-	49,78
9	Nitơ oxit, NOx (tính theo NO ₂)(*)	NG.QT.KT.03 ^(a)	mg/Nm ³	-	44,03



Ghi chú – Remark:

- KT02: NG.EA.190925.06218;
- (*): Thông số đo nhanh tại hiện trường;
- (-): Không quy định;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện của phương pháp;



CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG NGUYỄN GIA

Địa chỉ: Ô 02, Lô D47, Khu D KĐT Lê Trọng Tấn, P. Dương Nội, TP. Hà Nội

Web: www.nguyengiaena.com

Email: nguyengia.ena@gmail.com

Hotline: 0338572255

VIMCERTS 251

Số/No.: 05436/2025/PKQ (IDTECH/25.1535)

- (a): Phương pháp nội bộ;
- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do Phòng Kỹ thuật & Dịch vụ môi trường lấy về;
- Quá thời hạn lưu mẫu 5 ngày kể từ ngày trả kết quả (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng), Công ty CP Nông nghiệp và Môi trường Nguyễn Gia không giải quyết việc khiếu nại.

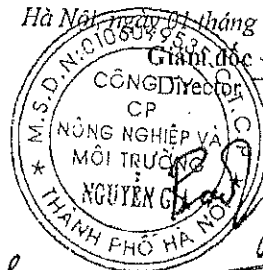
Quản lý chất lượng
QA/QC

Phạm Thị Vi

Trưởng phòng phân tích
Supervised by

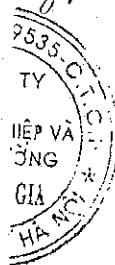
Hoàng Thị Hồng Anh

Hà Nội, ngày 01 tháng 10 năm 2025



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Bảo Ngọc





CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG NGUYỄN GIA

Địa chỉ: Ô 02, Lô D47, Khu D KĐT Lê Trọng Tấn, P. Dương Nội, TP. Hà Nội

Web: www.nguyengiaena.com

Email: nguyengia.ena@gmail.com

Hotline: 0338572255

VIMCERTS 251



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Testing Results

Số/No.: 05283/2025/PKQ (IDTECH/25.1546)

I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG – Client Information

Khách hàng - Client	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
Địa chỉ - Address	Lô B6, Khu đấu giá Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Nội.
Địa điểm lấy mẫu - Sampling site:	CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY AN HÒA - Thôn An Hòa, Xã Vĩnh Lợi, huyện Sơn Dương, Tuyên Quang.
Loại mẫu - Type of Sample:	Khí thải KT03: Khí thải (nồi nấu) Tọa độ: 21,725432; 105,279727
Ngày quan trắc – Monitoring date:	17/09/2025
Ngày nhận mẫu - Sample receiving date:	19/09/2025

II. KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM - Testing results

Ngày thí nghiệm - Testing date: 20/09/2025 – 29/09/2025

Ngày trả kết quả - Results date: 29/09/2025

STT No.	Thông số Parameters	Phương pháp thử Testing methods	Đơn vị Unit	Giới hạn phát hiện MDL	Kết quả Testing result
					KT03
1	Nhiệt độ(*)	NG.QT.KT.01 ^(a)	°C	-	66
2	Lưu lượng(*)	US EPA Method 2	Nm ³ /h	-	3.513
3	Bụi tổng	US EPA Method 5	mg/Nm ³	3	KPH
4	Cacbon oxit, CO(*)	NG.QT.KT.04 ^(a)	mg/Nm ³	-	481,08
5	Clo	US EPA Method 26A	mg/Nm ³	0,05	0,39
6	Axit clohydric, HCl	JIS K 0107:2012	mg/Nm ³	0,05	2,8
7	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂ (*)	NG.QT.KT.05 ^(a)	mg/Nm ³	-	<2,62(**)
8	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂)(*)	NG.QT.KT.03 ^(a)	mg/Nm ³	-	<1,88(**)

Ghi chú – Remark:

- KT03: NG.EA.190925.06269;
- (*): Thông số đo nhanh tại hiện trường;
- (a): Phương pháp nội bộ;
- (**): Kết quả đo thấp hơn Giới hạn (IDL) của thiết bị đo;
- (-): Không quy định;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do Phòng Kỹ thuật & Dịch vụ môi trường lấy về;



CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG NGUYỄN GIA

Địa chỉ: Ô 02, Lô D47, Khu D KĐT Lê Trọng Tấn, P. Dương Nội, TP. Hà Nội

Web: www.nguyengiaena.com

Email: nguyengia.ena@gmail.com

Hotline: 0338572255

VIMCERTS 251

Số/No.: 05283/2025/PKQ (IDTECH/25.1546)

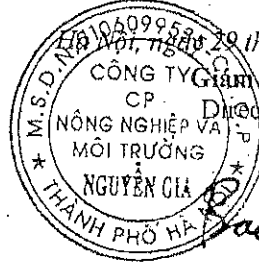
- Quá thời hạn lưu mẫu 5 ngày kể từ ngày trả kết quả (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng), Công ty CP Nông nghiệp và Môi trường Nguyễn Gia không giải quyết việc khiếu nại.

Quản lý chất lượng
QA/QC

Phạm Thị Vi

Trưởng phòng phân tích
Supervised by

Hoàng Thị Hồng Anh



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Bảo Ngọc



**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG NGUYỄN GIA**

Địa chỉ: Ô 02, Lô D47, Khu D KĐT Lê Trọng Tấn, P. Dương Nội, TP. Hà Nội

Web: www.nguyengiaena.comEmail: nguyengia.ena@gmail.com

Hotline: 0338572255

VIMCERTS 251

**KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM**

Testing Results

Số/No.: 05282/2025/PKQ (IDTECH/25.1546)

I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG – Client Information

Khách hàng - Client	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
Địa chỉ - Address	Lô B6, Khu đấu giá Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Nội.
Địa điểm lấy mẫu - Sampling site:	CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY AN HÒA - Thôn An Hòa, Xã Vĩnh Lợi, huyện Sơn Dương, Tuyên Quang.
Loại mẫu - Type of Sample:	Khí thải KT04: Khí thải (chưng bốc) Tọa độ: 21,726312; 105,279329
Ngày quan trắc – Monitoring date:	17/09/2025
Ngày nhận mẫu - Sample receiving date:	19/09/2025

II. KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM - Testing results

Ngày thí nghiệm - Testing date: 20/09/2025 – 29/09/2025

Ngày trả kết quả - Results date: 29/09/2025

STT No.	Thông số Parameters	Phương pháp thử Testing methods	Đơn vị Unit	Giới hạn phát hiện MDL	Kết quả Testing result
					KT04
1	Nhiệt độ(*)	NG.QT.KT.01 ^(a)	°C	-	38
2	Lưu lượng(**)	US EPA Method 2	Nm ³ /h	-	1.364
3	Bụi tổng	US EPA Method 5	mg/Nm ³	3	KPH
4	Cacbon oxit, CO(*)	NG.QT.KT.04 ^(a)	mg/Nm ³	-	17,784
5	Clo	US EPA Method 26A	mg/Nm ³	0,05	0,32
6	Axit clohydric, HCl	JIS K 0107:2012	mg/Nm ³	0,05	2,3
7	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂ (**)	NG.QT.KT.05 ^(a)	mg/Nm ³	-	<2,62(**)
8	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂)(**)	NG.QT.KT.03 ^(a)	mg/Nm ³	-	<1,88(**)

Ghi chú – Remark:

- KT04: NG.EA.190925.06268;
- (*): Thông số đo nhanh tại hiện trường;
- (**): Kết quả đo thấp hơn Giới hạn (IDL) của thiết bị đo;
- (a): Phương pháp nội bộ;
- (-): Không quy định;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do Phòng Kỹ thuật & Dịch vụ môi trường lấy về;



Chữ ký



CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG NGUYỄN GIA

Địa chỉ: Ô 02, Lô D47, Khu D KĐT Lê Trọng Tấn, P. Dương Nội, TP. Hà Nội

Web: www.nguyengiaena.com

Email: nguyengia.ena@gmail.com

Hotline: 0338572255

VIMCERTS 251

Số/No.: 05282/2025/PKQ (IDTECH/25.1546)

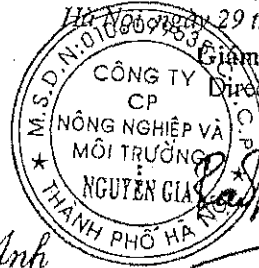
- Quá thời hạn lưu mẫu 5 ngày kể từ ngày trả kết quả (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng), Công ty CP Nông nghiệp và Môi trường Nguyễn Gia không giải quyết việc khiếu nại.

Quản lý chất lượng
QA/QC

Phạm Thị V

Trưởng phòng phân tích
Supervised by

Hoàng Thị Hồng Anh



Hà Nội ngày 29 tháng 09 năm 2025

Giám đốc

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Bảo Ngọc





VIMCERTS 251

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG NGUYỄN GIA

Địa chỉ: Ô 02, Lô D47, Khu D KĐT Lê Trọng Tấn, P. Dương Nội, TP. Hà Nội

Web: www.nguyengiaena.comEmail: nguyengia.ena@gmail.com

Hotline: 0338572255



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Testing Results

Số/No.: 05435/2025/PKQ (IDTECH/25.1547)

I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG – Client Information

Khách hàng - Client	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
Địa chỉ - Address	Số 19C, Ngõ 84, phố Yên Hòa, Phường Yên Hòa, TP Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu - Sampling site:	CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY AN HÒA - Thôn An Hòa, Bình Ca, tỉnh Tuyên Quang.
Loại mẫu - Type of Sample:	Khí thải KT05: Khí thải (H ₂ SO ₄) Tọa độ: 21,724635; 105,279033
Ngày quan trắc – Monitoring date:	18/09/2025
Ngày nhận mẫu - Sample receiving date:	19/09/2025

II. KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM - Testing results

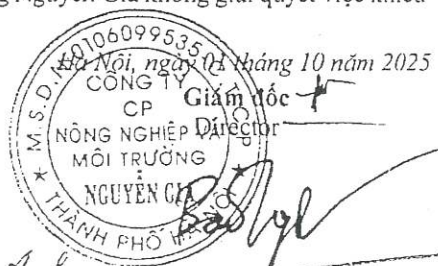
Ngày thí nghiệm - Testing date: 20/09/2025 – 01/10/2025

Ngày trả kết quả - Results date: 01/10/2025

STT No.	Thông số Parameters	Phương pháp thử Testing methods	Đơn vị Unit	Giới hạn phát hiện MDL	Kết quả Testing result
					KT05
1	Nhiệt độ(*)	NG.QT.KT.01 ^(a)	°C	-	30
2	Lưu lượng(**)	US EPA Method 2	Nm ³ /h	-	710
3	Clo	US EPA Method 26A	mg/Nm ³	0,05	KPH
4	Hơi H ₂ SO ₄ hoặc SO ₃ , tính theo SO ₃	US EPA Method 8	mg/Nm ³	2	8,8

Ghi chú – Remark:

- KT05: NG.EA.190925.06271;
- (*): Thông số đo nhanh tại hiện trường;
- (a): Phương pháp nội bộ;
- (-): Không quy định;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do Phòng Kỹ thuật & Dịch vụ môi trường lấy về;
- Quá thời hạn lưu mẫu 5 ngày kể từ ngày trả kết quả (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng), Công ty CP Nông nghiệp và Môi trường Nguyễn Gia không giải quyết việc khiếu nại.

Quản lý chất lượng
QA/QCTrưởng phòng phân tích
Supervised by
Hàng Thị Hồng Anh

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Bình Ngọc



CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG NGUYỄN GIA

Địa chỉ: Ô 02, Lô D47, Khu D KĐT Lê Trọng Tấn, P. Dương Nội, TP. Hà Nội

Web: www.nguyengiaena.com

Email: nguyengia.ena@gmail.com

Hotline: 0338572255

VIMCERTS 251



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Testing Results

Số/No.: 05437/2025/PKQ (IDTECH/25.1535)

I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG – Client Information

Khách hàng - Client	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
Địa chỉ - Address	Số 19C, Ngõ 84, phố Yên Hòa, Phường Yên Hòa, TP Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu - Sampling site:	CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY AN HÒA - Thôn An Hòa, Bình Ca, tỉnh Tuyên Quang.
Loại mẫu - Type of Sample:	Khí thải KT07: Ống khói (lò vôi) Tọa độ: 21,726446; 105,281440
Ngày quan trắc – Monitoring date:	16/09/2025
Ngày nhận mẫu - Sample receiving date:	19/09/2025

II. KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM - Testing results

Ngày thí nghiệm - Testing date: 20/09/2025 – 01/10/2025

Ngày trả kết quả - Results date: 01/10/2025

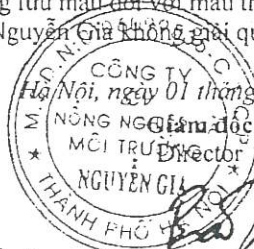
STT No.	Thông số Parameters	Phương pháp thử Testing methods	Đơn vị Unit	Giới hạn phát hiện MDL	Kết quả Testing result
					KT07
1	Nhiệt độ(*)	NG.QT.KT.01 ^(a)	°C	-	32
2	Lưu lượng(*)	US EPA Method 2	Nm ³ /h	-	22.498
3	Bụi tổng	US EPA Method 5	mg/Nm ³	3	KPH
4	Cacbon oxit, CO(*)	NG.QT.KT.04 ^(a)	mg/Nm ³	-	<1,44(**)
5	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂ (*)	NG.QT.KT.05 ^(a)	mg/Nm ³	-	<2,62(**)
6	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂)(*)	NG.QT.KT.03 ^(a)	mg/Nm ³	-	<1,44(**)

Ghi chú – Remark:

- KT07: NG.EA.190925.06219;
- (*): Thông số đo nhanh tại hiện trường;
- (**): Kết quả đo thấp hơn Giới hạn (IDL) của thiết bị đo;
- (a): Phương pháp nội bộ;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- (-): Không quy định;
- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do Phòng Kỹ thuật & Dịch vụ môi trường lấy về;
- Quá thời hạn lưu mẫu 5 ngày kể từ ngày trả kết quả (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng), Công ty CP Nông nghiệp và Môi trường Nguyễn Gia không giải quyết việc khiếu nại.

Quản lý chất lượng
QA/QC

Trưởng phòng phân tích
Supervised by



Nguyễn Thị Việt

Hoàng Thị Hồng Anh

Nguyễn Bảo Ngọc
GIÁM ĐỐC



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆT NAM (VIMCERT 236)

Phòng quan trắc và phân tích chất lượng môi trường

Địa chỉ trụ sở chính: Số 19C, ngõ 84, phố Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy,

Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Lô B6 Khu đấu giá Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông,

Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024.66512336

E-mail: idtechvn.info@gmail.com



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 226 /2025/PKQ/25.30/KQTN

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Giấy An Hoà
Địa chỉ : Thôn An Hòa, xã Bình Ca, tỉnh Tuyên Quang
Địa điểm quan trắc : Tuyên Quang
Loại mẫu : Khí thải
Ngày quan trắc : 16/06/2025
Số mẫu: 1
Ngày trả kết quả: 04/09/2025

TT	Tên thông số	Số hiệu phương pháp	Đơn vị	Kết quả phân tích	QCVN 19:2009/ BTNMT	QCVN 21:2009/ BTNMT
				KT05	Cột B (Kp=1; Kv=1)	Cột B (Kp=1; Kv=1)
1	Nhiệt độ(*)	NG.QT.KT.01	°C	28	-	-
2	Lưu lượng(*)	US EPA Method 2	m ³ /h	2.213	-	-
3	Clo(*)	US EPA Method 26	mg/Nm ³	KPH	10	-
4	Hơi H ₂ SO ₄ hoặc SO ₃ , tính theo SO ₃ (*)	US EPA Method 8	mg/Nm ³	KPH	50	50

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện;

- Các thông số *: Thông số thầu phụ Công ty Cổ phần Nông nghiệp và Môi trường Nguyễn Gia

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 21:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp sản xuất phân bón hoá học. Cột B: quy định nồng độ C của các thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp sản xuất phân bón hoá học làm cơ sở tính toán nồng độ tối đa cho phép.

+ QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ. Cột B: quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp.

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Công ty
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Quá thời hạn lưu mẫu phòng phân tích chất lượng môi trường không giải quyết việc khiếu nại
- Các thông số đánh dấu (*) chưa được công nhận Vimec
- (-): không quy định



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆT NAM (VIMCERT 236)

Phòng quan trắc và phân tích chất lượng môi trường

Địa chỉ trụ sở chính: Số 19C, ngõ 84, phố Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy,

Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Lô B6 Khu đấu giá Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông,

Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024.66512336

E-mail: idthevn.info@gmail.com

- Vị trí lấy mẫu:

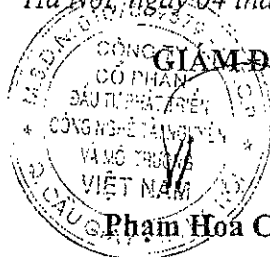
+ KT05 : Khí thải (H_2SO_4)

+ Toạ độ: 21,7245; 105,2790

PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH
CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Phương Hiền

Hà Nội, ngày 04 tháng 09 năm 2025



Phạm Hoa Cường



- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Công ty.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Quá thời hạn lưu mẫu phòng phân tích chất lượng môi trường không giải quyết việc khiếu nại.
- Các thông số đánh dấu (*) chưa được công nhận Vimecert.
- t-1: không quy định.



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆT NAM (VIMCERT 236)

Phòng quan trắc và phân tích chất lượng môi trường

Địa chỉ trụ sở chính: Số 19C, ngõ 84, phố Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy,

Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Lô B6 Khu đầu giá Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông,

Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024.66512336

E-mail: idthechvn.info@gmail.com



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 227/2025/PKQ/25.30/KQTN

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Giấy An Hoà
Địa chỉ : Thôn An Hòa, xã Bình Ca, tỉnh Tuyên Quang
Địa điểm quan trắc : Tuyên Quang
Loại mẫu : Khí thải
Ngày quan trắc : 14/06/2025
Số mẫu: 1
Ngày trả kết quả: 04/09/2025

TT	Tên thông số	Số hiệu phương pháp	Đơn vị	Kết quả phân tích	QCVN 19:2009/ BTNMT
				KT04	Cột B (Kp=1; Kv=1)
1	Cacbon oxit, CO *	NG.QT.KT.04	mg/Nm ³	6,384	1000
2	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂ *	NG.QT.KT.05	mg/Nm ³	<2,62(**)	500
3	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂)*	NG.QT.KT.03	mg/Nm ³	<1,88(**)	850
4	Nhiệt độ*	NG.QT.KT.01	°C	95	-
5	Lưu lượng*	US EPA Method 2	m ³ /h	1.537	-
6	Bụi tổng*	US EPA Method 5	mg/Nm ³	30,7	200
7	Clorua*	US EPA Method 26A	mg/Nm ³	KPH	10
8	Axit clohydric, HCl*	US EPA Method 26A	mg/Nm ³	KPH	50

Ghi chú:

- Các thông số *: Thông số thầu phụ Công ty Cổ phần Nông nghiệp và Môi trường Nguyễn Gia
- (**): Kết quả đo thấp hơn giới hạn (IDL) của thiết bị đo;
- Quy chuẩn so sánh:

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Công ty
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Quá thời hạn lưu mẫu phòng phân tích chất lượng môi trường không giải quyết việc khiếu nại
- Các thông số đánh dấu (*) chưa được công nhận Vimecert
- (-): không quy định



**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆT NAM (VIMCERT 236)**

Phòng quan trắc và phân tích chất lượng môi trường

Địa chỉ trụ sở chính: Số 19C, ngõ 84, phố Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Lô B6 Khu đấu giá Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024.66512336

E-mail: idechvn.info@gmail.com

+ **QCVN 19:2009/BTNMT**: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ. Cột B: quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp.

- **Vị trí lấy mẫu:**

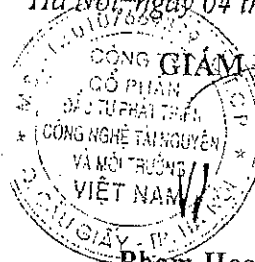
+ KT04 : Khí thải (chung bốc)

+ Tọa độ: 21,7262; 105,2792

**PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH
CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG**

Nguyễn Phương Hiền

Hà Nội, ngày 04 tháng 09 năm 2025



Phạm Hoa Cường



- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Công ty
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Quá thời hạn lưu mẫu phòng phân tích chất lượng môi trường không giải quyết việc khiếu nại
- Các thông số đánh dấu (*) chưa được công nhận Vimecert
- (-): không quy định



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆT NAM (VIMCERT 236)

Phòng quan trắc và phân tích chất lượng môi trường

Địa chỉ trụ sở chính: Số 19C, ngõ 84, phố Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy,

Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Lô B6 Khu đấu giá Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông,

Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024.66512336

E-mail: idgethvn.info@gmail.com



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 228/2025/PKQ/25.30/KQTN

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Giấy An Hoà
Địa chỉ : Thôn An Hòa, xã Bình Ca, tỉnh Tuyên Quang
Địa điểm quan trắc : Tuyên Quang
Loại mẫu : Khí thải
Ngày quan trắc : 15/06/2025

Số mẫu: 1

Ngày trả kết quả: 04/09/2025

TT	Tên thông số	Số hiệu phương pháp	Đơn vị	Kết quả phân tích	QCVN 19:2009/ BTNMT	QCVN 22:2009/ BTNMT
				KT02	Cột B (Kp=0,8; Kv=1)	Cột B (Kp=0,8; Kv=1)
1	Nhiệt độ(*)	NG.QT.KT.01	°C	107	-	-
2	Lưu lượng(*)	US EPA Method 2	Nm ³ /h	495.739	-	-
3	Bụi tổng(*)	US EPA Method 5	mg/Nm ³	36,4	160	-
4	Asen và hợp chất, tính theo As(*)	US EPA Method 29	mg/Nm ³	KPH	8	-
5	Cadmi và hợp chất, tính theo Cd(*)	US EPA Method 29	mg/Nm ³	KPH	4	-
6	Chì và hợp chất, tính theo Pb(*)	US EPA Method 29	mg/Nm ³	<0,15(**)	4	-
7	Cacbon oxit, CO(*)	NG.QT.KT.04	mg/Nm ³	952.052	800	-
8	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂ (*)	NG.QT.KT.05	mg/Nm ³	315,448	400	-
9	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂)(*)	NG.QT.KT.03	mg/Nm ³	18,925	800	-

Ghi chú:

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Công ty
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Quá thời hạn hai mẫu phòng phân tích chất lượng môi trường không giải quyết việc khiếu nại
- Các thông số đánh dấu (*) chưa được công nhận Vimec
- (-): không quy định



IDTECH
VIỆT NAM

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆT NAM (VIMCERT 236)

Phòng quan trắc và phân tích chất lượng môi trường

Địa chỉ trụ sở chính: Số 19C, ngõ 84, phố Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy,

Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Lô B6 Khu đấu giá Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông,

Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024.66512336

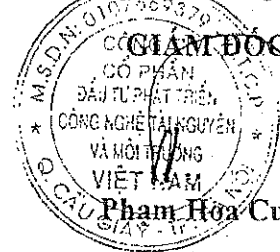
E-mail: idthechvn.info@gmail.com

- Các thông số *: Thông số thầu phụ Công ty Cổ phần Nông nghiệp và Môi trường Nguyễn Gia
- Kết quả **: kết quả đo thấp hơn giới hạn (IDL) của thiết bị đo;
- Quy chuẩn so sánh:
 - + QCVN 22:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp nhiệt điện. Cột B: quy định nồng độ C làm cơ sở tính toán nồng độ tối đa cho phép các thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp nhiệt điện.
 - + QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ. Cột B: quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp.
- Vị trí lấy mẫu:
 - + KT02 : Ống khói (Lò than)
 - + Toạ độ: 21,7234; 105,2826

PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH
CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Phương Hiền

Hà Nội, ngày 04 tháng 09 năm 2025



Phạm Hòa Cường

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Công ty
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Quá thời hạn hai mẫu phòng phân tích chất lượng môi trường không giải quyết việc khiếu nại
- Các thông số đánh dấu (*) chưa được công nhận Vĩmcen
- t-1: không quy định



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆT NAM (VIMCERT 236)

Phòng quan trắc và phân tích chất lượng môi trường

Địa chỉ trụ sở chính: Số 19C, ngõ 84, phố Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy.

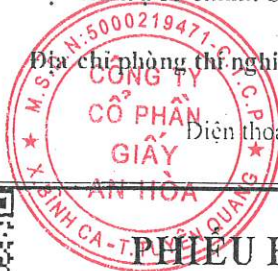
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Lô B6 Khu đầu giá Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông.

Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024.66512336

E-mail: idthevn.info@gmail.com



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 229 /2025/PKQ/25.30/KQTN

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Giấy An Hoà
Địa chỉ : Thôn An Hòa, xã Bình Ca, tỉnh Tuyên Quang
Địa điểm quan trắc : Tuyên Quang
Loại mẫu : Khí thải
Số mẫu: 1
Ngày quan trắc : 14/06/2025
Ngày trả kết quả: 04/09/2025

TT	Tên thông số	Số hiệu phương pháp	Đơn vị	Kết quả phân tích	QCVN 19:2009/ BTNMT
				KT03	Cột B (Kp=1; Kv=1)
1	Nhiệt độ(*)	NG.QT.KT.01	°C	71	-
2	Lưu lượng(*)	US EPA Method 2	m ³ /h	3.488	-
3	Bụi tổng(*)	US EPA Method 5	mg/Nm ³	9,6	200
4	Cacbon oxit, CO(*)	NG.QT.KT.04	mg/Nm ³	585,656	1000
5	Clo(*)	US EPA Method 26	mg/Nm ³	KPH	10
6	Axit clohydric, HCl(*)	US EPA Method 26	mg/Nm ³	1,64	50
7	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂ (*)	NG.QT.KT.05	mg/Nm ³	<2,62(**)	500
8	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂)(*)	NG.QT.KT.03	mg/Nm ³	<1,88(**)	850

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện;
- (**): Kết quả đo thấp hơn Giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp đo;
- Các thông số *: Thông số thầu phụ Công ty Cổ phần Nông nghiệp và Môi trường Nguyễn Gia
- Quy chuẩn so sánh:
 - + QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ. Cột B: quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp.

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Công ty
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Quá thời hạn lưu mẫu phòng phân tích chất lượng môi trường không giải quyết việc khiếu nại
- Các thông số đánh dấu (*) chưa được công nhận Vimec
- (-): không quy định



IDTECH
VIỆT NAM

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆT NAM (VIMCERT 236)**

Phòng quan trắc và phân tích chất lượng môi trường

Địa chỉ trụ sở chính: Số 19C, ngõ 84, phố Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy.

Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Lô B6 Khu đấu giá Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông.

Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024.66512336

E-mail: idtechvn.info@gmail.com

- Vị trí lấy mẫu:

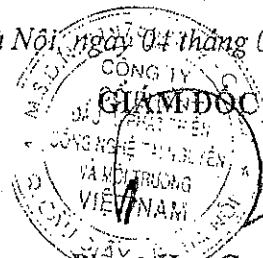
+ KT03 : *Khí thải (nồi nấu)*

+ Toạ độ: 21,7254; 105,2797

**PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH
CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG**

Nguyễn Phương Hiền

Hà Nội, ngày 04 tháng 09 năm 2025



Phạm Hoa Cường



- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Công ty.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Quá thời hạn lưu mẫu phòng phân tích chất lượng môi trường không giải quyết việc khiếu nại.
- Các thông số đánh dấu (*) chưa được công nhận Vimcert.
- (-): không quy định.



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆT NAM (VIMCERT 236)

Phòng quan trắc và phân tích chất lượng môi trường

Địa chỉ trụ sở chính: Số 19C, ngõ 84, phố Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy,

Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Lô B6 Khu đầu giá Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông,

Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024.66512336

E-mail: idthevn.info@gmail.com



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 230/2025/PKQ/25.17/KQTN

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Giấy An Hoà
Địa chỉ : Thôn An Hòa, xã Bình Ca, tỉnh Tuyên Quang
Địa điểm quan trắc : Tuyên Quang
Loại mẫu : Khí thải
Ngày quan trắc : 13/06/2025

Số mẫu: 1

Ngày trả kết quả: 04/09/2025

TT	Tên thông số	Số hiệu phương pháp	Đơn vị	Kết quả phân tích	QCVN 19:2009/ BTNMT	QCVN 22:2009/ BTNMT	QCVN 30:2012/ BTNMT
				KT01	Cột B (Kp=0,8; Kv=1)	Cột B (Kp=0,8; Kv=1)	Cột B
1	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	354.633	-	-	-
2	Asen và các hợp chất, tính theo As(*)	US EPA Method 29	mg/Nm ³	KPH	8	-	-
3	Cadmi và hợp chất, tính theo Cd(*)	US EPA Method 29	mg/Nm ³	KPH	4	-	0,16
4	Chì và hợp chất, tính theo Pb(*)	US EPA Method 29	mg/Nm ³	KPH	4	-	1,2
5	Clo(*)	US EPA Method 26	mg/Nm ³	KPH	8	-	-
6	Axit clohydric, HCl(*)	US EPA Method 26	mg/Nm ³	KPH	40	-	50
7	Hydro sunphua, H ₂ S(*)	JIS K 0108:2010	mg/Nm ³	KPH	6	-	-
8	Tổng Dioxin/Furan (tính theo TEQ) (*)	US EPA Method 23	ngTEQ/ Nm ³	0,5266	-	-	0,6
	2,3,7,8-TCDD(*)			0,0693	-	-	-
	2,3,7,8-TCDF(*)			0,0115	-	-	-
					-	-	-

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm

- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Công ty

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Quá thời hạn lưu mẫu phòng phân tích chất lượng môi trường không giải quyết việc khiếu nại

- Các thông số đánh dấu (*) chưa được công nhận Vincert

- (-): không quy định



**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆT NAM (VIMCERT 236)**

Phòng quan trắc và phân tích chất lượng môi trường

Địa chỉ trụ sở chính: Số 19C, ngõ 84, phố Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Lô B6 Khu đấu giá Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024.66512336

E-mail: jdtechvn.info@gmail.com

TT	Tên thông số	Số hiệu phương pháp	Đơn vị	Kết quả phân tích	QCVN 19:2009/ BTNMT	QCVN 22:2009/ BTNMT	QCVN 30:2012/ BTNMT
				KT01	Cột B (Kp=0,8; Kv=1)	Cột B (Kp=0,8; Kv=1)	Cột B
	1,2,3,7,8- PeCDD(*)			0,2024	-	-	-
	1,2,3,7,8-PeCDF(*)			0,0159	-	-	-
	2,3,4,7,8-PeCDF(*)			0,0410	-	-	-
	1,2,3,4,7,8- HxCDD(*)			0,0322	-	-	-
	1,2,3,6,7,8_HxCDD D(*)			0,0142	-	-	-
	1,2,3,7,8,9- HxCDD(*)			0,0192	-	-	-
	1,2,3,4,7,8-HxCDF			0,0457	-	-	-
	1,2,3,6,7,8-HxCDF			0,0449	-	-	-
	1,2,3,7,8,9- HxCDF(*)			0,0000	-	-	-
	2,3,4,6,7,8- HxCDF(*)			0,0055	-	-	-
	1,2,3,4,6,7,8 - HpCDD(*)			0,0098	-	-	-
	1,2,3,4,6,7,8 - HpCDF(*)			0,0136	-	-	-
	1,2,3,4,7,8,9 - HpCDF(*)			0,0010	-	-	-
	OCDD(*)			0,0003	-	-	-
	OCDF(*)			0,0001	-	-	-

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện;
- (***): Kết quả phân tích mẫu thấp hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp
- Các thông số *: Thông số thầu phụ Công ty Cổ phần Nông nghiệp và Môi trường Nguyễn Gia
- Quy chuẩn so sánh:

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Công ty
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Quá thời hạn hai mẫu phòng phân tích chất lượng môi trường không giải quyết việc khiếu nại
- Các thông số đánh dấu (*) chưa được công nhận Vimecert
- (-): không quy định



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆT NAM (VIMCERT 236)

Phòng quan trắc và phân tích chất lượng môi trường

Địa chỉ trụ sở chính: Số 19C, ngõ 84, phố Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy,

Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Lô B6 Khu đấu giá Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông,

Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024.66512336

E-mail: idtechvn.info@gmail.com

+ QCVN 22:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp nhiệt điện. Cột B: quy định nồng độ C làm cơ sở tính toán nồng độ tối đa cho phép các thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp nhiệt điện.

+ QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ. Cột B: quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp.

+ QCVN 30:2012/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải công nghiệp. Cột B: áp dụng đối với tất cả các lò đốt CTCN kể từ ngày 01/01/2015.

- Vị trí lấy mẫu:

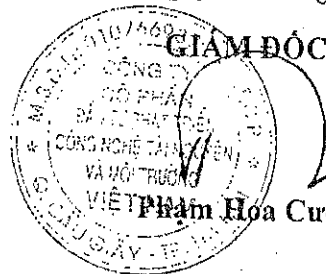
+ KT01 : Ống khói (lò thu hồi, động lực ống khói 120m)

+ Tọa độ: 21,7373; 105,2798

PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH
CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Phương Hiền

Hà Nội, ngày 04 tháng 09 năm 2025



- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Công ty

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Quá thời hạn lưu mẫu phòng phân tích chất lượng môi trường không giải quyết việc khiếu nại

- Các thông số đánh dấu (*) chưa được công nhận Vimec

- (-): không quy định



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆT NAM (VIMCERT 236)

Phòng quan trắc và phân tích chất lượng môi trường

Địa chỉ trụ sở chính: Số 19C, ngõ 84, phố Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy,

Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Lô B6 Khu đầu giá Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông,

Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024.66512336

E-mail: idthevn.info@gmail.com



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 231/2025/PKQ/25.30/KQTN

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Giấy An Hòa
Địa chỉ : Thôn An Hòa, xã Bình Ca, tỉnh Tuyên Quang
Địa điểm quan trắc : Tuyên Quang
Loại mẫu : Khí thải
Ngày quan trắc : 15/06/2025
Số mẫu: 1
Ngày trả kết quả: 04/09/2025

TT	Tên thông số	Số hiệu phương pháp	Đơn vị	Kết quả phân tích	QCVN 19:2009/ BTNMT
				KT07	Cột B (Kp=0,8; Kv=1)
1	Nhiệt độ(*)	NG.QT.KT.01	°C	27	-
2	Lưu lượng(*)	US EPA Method 2	m ³ /h	5.869	-
3	Bụi tổng	US EPA Method 5	mg/Nm ³	10,8	160
4	Cacbon oxit, CO(*)	NG.QT.KT.04	mg/Nm ³	<1,14(**)	800
5	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂ (*)	NG.QT.KT.05	mg/Nm ³	<2,62(**)	400
6	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂)(*)	NG.QT.KT.03	mg/Nm ³	<1,88(**)	680

Ghi chú:

- Các thông số *: Thông số thầu phụ Công ty Cổ phần Nông nghiệp và Môi trường Nguyễn Gia
- Kết quả (**): Kết quả đo thấp hơn giới hạn (IDL) của thiết bị đo
- Quy chuẩn so sánh:
+ QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ. Cột B: quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp.

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Công ty
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Quá thời hạn lưu mẫu phòng phân tích chất lượng môi trường không giải quyết việc khiếu nại
- Các thông số đánh dấu (*) chưa được công nhận Vimec
- (-): không quy định



**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆT NAM (VIMCERT 236)**

Phòng quan trắc và phân tích chất lượng môi trường

Địa chỉ trụ sở chính: Số 19C, ngõ 84, phố Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy,

Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Lô B6 Khu đầu giá Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông,

Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024.66512336

E-mail: idgethvn.info@gmail.com

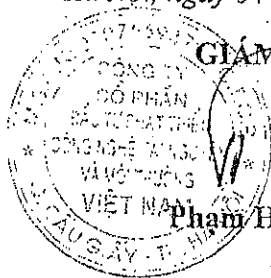
- Vị trí lấy mẫu:

- + KT07 : Ống khói (Lò vôi)
- + Tọa độ: 21,7266; 105,2813

**PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH
CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG**

Nguyễn Phương Hiền

Hà Nội, ngày 04 tháng 09 năm 2025



GIÁM ĐỐC

Phạm Hoa Cường

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Công ty
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Quá thời hạn lưu mẫu phòng phân tích chất lượng môi trường không giải quyết việc khiếu nại
- Các thông số đánh dấu (*) chưa được công nhận Vimecert
- (-): không quy định



CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG NGUYỄN GIA

Địa chỉ: Ô 02, Lô D47, Khu D KĐT Lê Trọng Tấn, P. Dương Nội, TP. Hà Nội

Web: www.nguyengiaena.com

Email: nguyengia.ena@gmail.com

Hotline: 0338572255

VIMCERTS 251



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Testing Results

Số/No.: 04475/2025/PKQ (IDTECH/25.1143)

I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG – Client Information

Khách hàng - Client	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
Địa chỉ - Address	Lô B6, Khu đầu giá Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Nội.
Địa điểm lấy mẫu - Sampling site:	CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY AN HÒA - Thôn An Hòa, Xã Vĩnh Lợi, huyện Sơn Dương, Tuyên Quang.
Loại mẫu - Type of Sample:	Khí thải KT01: Ống khói (lò thu hồi, động lực ống khói 120m) Tọa độ: 21,727336; 105,279810
Ngày quan trắc – Monitoring date:	13/06/2025
Ngày nhận mẫu - Sample receiving date:	17/06/2025

II. KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM - Testing results

Ngày trả kết quả - Results date: 25/08/2025

STT No.	Thông số Parameters	Phương pháp thử Testing methods	Đơn vị Unit	Giới hạn phát hiện MDL	Kết quả Testing result
					KT01
1	Lưu lượng ^(*)	US EPA Method 2	m ³ /h	-	354.633
2	Asen và các hợp chất, tính theo As	US EPA Method 29	mg/Nm ³	0,05	KPH
3	Cadmi và hợp chất, tính theo Cd	US EPA Method 29	mg/Nm ³	0,06	KPH
4	Chì và hợp chất, tính theo Pb	US EPA Method 29	mg/Nm ³	0,05	KPH
5	Clo	US EPA Method 26	mg/Nm ³	0,05	KPH
6	Hydro sunphua, H ₂ S	JIS K 0108:2010	mg/Nm ³	0,3	KPH
7	2,3,7,8-TCDD	US EPA METHOD 23	ng/Nm ³	-	0,0693
8	2,3,7,8-TCDF			-	0,0115
9	1,2,3,7,8-PeCDD			-	0,2024
10	1,2,3,7,8-PeCDF			-	0,0159
11	2,3,4,7,8-PeCDF			-	0,0410
12	1,2,3,4,7,8-HxCDD			-	0,0322
13	1,2,3,6,7,8-HxCDD			-	0,0142
14	1,2,3,7,8,9-HxCDD			-	0,0192



CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG NGUYỄN GIA

Địa chỉ: Ô 02, Lô D47, Khu D KĐT Lê Trọng Tấn, P. Dương Nội, TP. Hà Nội

Web: www.nguyengiaena.com

Email: nguyengia.ena@gmail.com

Hotline: 0338572255

VIMCERTS 251

Số/No.: 04475/2025/PKQ (IDTECH/25.1143)

STT No.	Thông số Parameters	Phương pháp thử Testing methods	Đơn vị Unit	Giới hạn phát hiện MDL	Kết quả Testing result
					KT01
15	1,2,3,4,7,8-HxCDF	US EPA METHOD 23	ng/Nm ³	-	0,0457
16	1,2,3,6,7,8-HxCDF			-	0,0449
17	1,2,3,7,8,9-HxCDF			-	0,0000
18	2,3,4,6,7,8-HxCDF			-	0,0055
19	1,2,3,4,6,7,8-HpCDD			-	0,0098
20	1,2,3,4,6,7,8-HpCDF			-	0,0136
21	1,2,3,4,7,8,9-HpCDF			-	0,0010
22	OCDD			-	0,0003
23	OCDF			-	0,0001
24	Tổng Dioxin/Furan (tính theo TEQ)		ngTEQ/Nm ³	-	0,5266
25	Acid hydrochloric (HCl)	US EPA Method 26	mg/Nm ³	0,05	KPH

Ghi chú – Remark:

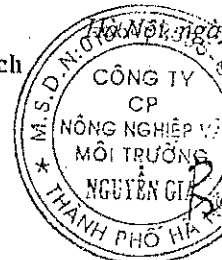
- KT01: NG.EA.170625.04427;
- (*): Thông số đo nhanh tại hiện trường;
- (-): Không quy định;
- TEF: Hệ số độc tương đương (Toxic Equivalency Factor);
- TEQ: Hàm lượng độc tương đương (Toxic Equivalent), TEQ = TEF x Hàm lượng;
- Kết quả TEQ chỉ tính theo các đồng phân phát hiện được, các đồng phân PCDD/Fs không phát hiện được lấy giá trị bằng 0;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do Phòng Kỹ thuật & Dịch vụ môi trường lấy về;
- Quá thời hạn lưu mẫu 5 ngày kể từ ngày trả kết quả (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vì sinh và mẫu dễ hư hỏng), Công ty CP Nông nghiệp và Môi trường Nguyễn Gia không giải quyết việc khiếu nại.

Quản lý chất lượng
QA/QC

Phạm Thị Vi

Trưởng phòng phân tích
Supervised by

Hoàng Thị Hồng Anh



Giám đốc
Director

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Bảo Ngọc



NGUYEN GIA

VIMCERTS 251

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG NGUYỄN GIA

Địa chỉ: Ô 02, Lô D47, Khu D KĐT Lê Trọng Tấn, P. Dương Nội, TP. Hà Nội

Web: www.nguyengiaena.comEmail: nguyengia.ena@gmail.com

Hotline: 0338572255

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Hệ số độc tương đương của 17 đồng phân Dioxin/Furan theo WHO 2005

STT	Thông số	Hệ số độc tương đương (TEF-WHO 2005)
1	2,3,7,8-TetraCDD	1
2	2,3,7,8-TetraCDF	0,1
3	1,2,3,7,8-PentaCDD	1
4	1,2,3,7,8-PentaCDF	0,03
5	2,3,4,7,8-PentaCDF	0,3
6	1,2,3,4,7,8-HexaCDD	0,1
7	1,2,3,6,7,8-HexaCDD	0,1
8	1,2,3,7,8,9-HexaCDD	0,1
9	1,2,3,4,7,8-HexaCDF	0,1
10	1,2,3,6,7,8-HexaCDF	0,1
11	1,2,3,7,8,9-HexaCDF	0,1
12	2,3,4,6,7,8-HexaCDF	0,1
13	1,2,3,4,6,7,8-HeptaCDD	0,01
14	1,2,3,4,6,7,8-HeptaCDF	0,01
15	1,2,3,4,7,8,9-HeptaCDF	0,01
16	OctaCDD	0,0003
17	OctaCDF	0,0003

Phụ lục 2: Hiệu suất thu hồi các chất chuẩn thêm vào trước khi lấy mẫu

STT	Thông số	Đơn vị tính (%)
1	37Cl-2378-TCDD	123
2	13C-123478-HxCDD	66
3	13C-23478-PeCDF	66
4	13C-123478-HxCDF	83
5	13C-1234789-HpCDF	76



NGUYEN GIA

VIMCERTS 251

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG NGUYỄN GIA

Địa chỉ: Ô 02, Lô D47, Khu D KĐT Lê Trọng Tấn, P. Dương Nội, TP. Hà Nội

Web: www.nguyengiaena.comEmail: nguyengia.ena@gmail.com

Hotline: 0338572255



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Testing Results

Số/No.: 04433/2025/PKQ (IDTECH/25.1145)

I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG – Client Information

Khách hàng - Client	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
Địa chỉ - Address	Lô B6, Khu đầu giá Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Nội.
Địa điểm lấy mẫu - Sampling site:	CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY AN HÒA - Thôn An Hòa, Xã Vĩnh Lợi, huyện Sơn Dương, Tuyên Quang.
Loại mẫu - Type of Sample:	Khí thải KT02: Ống khói (lò than) Tọa độ: 21,723356; 105,282560
Ngày quan trắc – Monitoring date:	15/06/2025
Ngày nhận mẫu - Sample receiving date:	17/06/2025

II. KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM - Testing results

Ngày thí nghiệm - Testing date: 18/06/2025 – 25/06/2025

Ngày trả kết quả - Results date: 27/06/2025

STT No.	Thông số Parameters	Phương pháp thử Testing methods	Đơn vị Unit	Giới hạn phát hiện MDL	Kết quả Testing result
					KT02
1	Nhiệt độ(*)	NG.QT.KT.01 ^(a)	°C	-	107
2	Lưu lượng(*)	US EPA Method 2	m ³ /h	-	495,739
3	Bụi tổng	US EPA Method 5	mg/Nm ³	3	36,4
4	Asen và các hợp chất, tính theo As	US EPA Method 29	mg/Nm ³	0,05	KPH
5	Cadmi và hợp chất, tính theo Cd	US EPA Method 29	mg/Nm ³	0,06	KPH
6	Chì và hợp chất, tính theo Pb	US EPA Method 29	mg/Nm ³	0,05	<0,15 ^(**)
7	Cacbon oxit, CO(*)	NG.QT.KT.04 ^(a)	mg/Nm ³	-	952,052
8	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂ (*)	NG.QT.KT.05 ^(a)	mg/Nm ³	-	315,448
9	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂)(*)	NG.QT.KT.03 ^(a)	mg/Nm ³	-	18,925

Ghi chú – Remark:

- KT02: NG.EA.170625.04638;
- (*): Thông số đo nhanh tại hiện trường;
- (**): Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- (a): Phương pháp nội bộ;
- (-): Không quy định;



CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG NGUYỄN GIA

Địa chỉ: Ô 02, Lô D47, Khu D KĐT Lê Trọng Tấn, P. Dương Nội, TP. Hà Nội

Web: www.nguyengiaena.com

Email: nguyengia.ena@gmail.com

Hotline: 0338572255

VIMCERTS 251

Số/No.: 04433/2025/PKQ (IDTECH/25.1145)

- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do Phòng Kỹ thuật & Dịch vụ môi trường lấy về;
- Quá thời hạn lưu mẫu 5 ngày kể từ ngày trả kết quả (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng), Công ty CP Nông nghiệp và Môi trường Nguyễn Gia không giải quyết việc khiếu nại.

Quản lý chất lượng
QA/QC

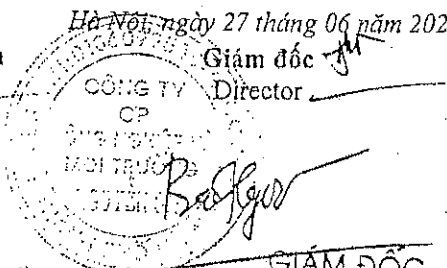
Phạm Thị Vi

K.T. Trưởng phòng phân tích
Supervised by

Nguyễn Thế Lâm

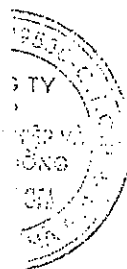
Hà Nội, ngày 27 tháng 06 năm 2025

Giám đốc
Director



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Bảo Ngọc





CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG NGUYỄN GIA
Địa chỉ: Ô 02, Lô D47, Khu D KĐT Lê Trọng Tấn, P. Dương Nội, TP. Hà Nội
Web: www.nguyengiaena.com Email: nguyengia.ena@gmail.com
Hotline: 0338572255

VIMCERTS 251



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Testing Results

Số/No.: 04429/2025/PKQ (IDTECH/25.1144)

I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG – Client Information

Khách hàng - Client	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
Địa chỉ - Address	Lô B6, Khu đấu giá Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Nội.
Địa điểm lấy mẫu - Sampling site:	CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY AN HÒA - Thôn An Hòa, Xã Vĩnh Lợi, huyện Sơn Dương, Tuyên Quang.
Loại mẫu - Type of Sample:	Khí thải KT03: Khí thải (nồi nấu) Tọa độ: 21,725390; 105,279731
Ngày quan trắc – Monitoring date:	14/06/2025
Ngày nhận mẫu - Sample receiving date:	17/06/2025

II. KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM - Testing results

Ngày thí nghiệm - Testing date: 18/06/2025 – 25/06/2025

Ngày trả kết quả - Results date: 27/06/2025

STT No.	Thông số Parameters	Phương pháp thử Testing methods	Đơn vị Unit	Giới hạn phát hiện MDL	Kết quả Testing result
					KT03
1	Nhiệt độ(*)	NG.QT.KT.01 ^(a)	°C	-	71
2	Lưu lượng(*)	US EPA Method 2	m ³ /h	-	3.488
3	Bụi tổng	US EPA Method 5	mg/Nm ³	3	9,6
4	Cacbon oxit, CO(*)	NG.QT.KT.04 ^(a)	mg/Nm ³	-	585,656
5	Clo	US EPA Method 26	mg/Nm ³	0,05	KPH
6	Axit clohydric, HCl	US EPA Method 26A	mg/Nm ³	0,05	1,64
7	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂ (*)	NG.QT.KT.05 ^(a)	mg/Nm ³	-	<2,62(**)
8	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂)(*)	NG.QT.KT.03 ^(a)	mg/Nm ³	-	<1,88(**)

Ghi chú – Remark:

- KT03: NG.EA.170625.04429;
- (*): Thông số đo nhanh tại hiện trường;
- (**): Kết quả đo thấp hơn Giới hạn (IDL) của thiết bị đo;
- (a): Phương pháp nội bộ;
- (-): Không quy định;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do Phòng Kỹ thuật & Dịch vụ môi trường lấy về;



CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG NGUYỄN GIA

Địa chỉ: Ô 02, Lô D47, Khu D KĐT Lê Trọng Tấn, P. Dương Nội, TP. Hà Nội

Web: www.nguyengiaena.com

Email: nguyengia.ena@gmail.com

Hotline: 0338572255

VIMCERTS 251

Số/No.: 04429/2025/PKQ (IDTECH/25.1144)

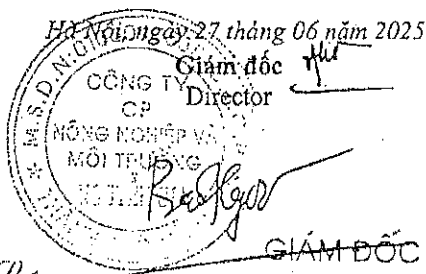
- Quá thời hạn lưu mẫu 5 ngày kể từ ngày trả kết quả (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng), Công ty CP Nông nghiệp và Môi trường Nguyễn Gia không giải quyết việc khiếu nại.

Quản lý chất lượng
QA/QC

Phạm Thị Vi

KT Trưởng phòng phân tích
Supervised by

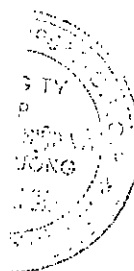
Nguyễn Thế Lâm



Giám đốc
Director

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Bảo Ngọc





CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG NGUYỄN GIA
Địa chỉ: Ô 02, Lô D47, Khu D KĐT Lê Trọng Tấn, P. Dương Nội, TP. Hà Nội
Web: www.nguyengiaena.com Email: nguyengia.ena@gmail.com
Hotline: 0338572255

VIMCERTS 251



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Testing Results

Số/No.: 04430/2025/PKQ (IDTECH/25.1144)

I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG – Client Information

Khách hàng - Client	: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
Địa chỉ - Address	: Lô B6, Khu đấu giá Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Nội.
Địa điểm lấy mẫu - Sampling site:	CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY AN HÒA - Thôn An Hòa, Xã Vĩnh Lợi, huyện Sơn Dương, Tuyên Quang.
Loại mẫu - Type of Sample:	Khí thải KT04: Khí thải (chung bốc) Tọa độ: 21,726173; 105,279196
Ngày quan trắc – Monitoring date:	14/06/2025
Ngày nhận mẫu - Sample receiving date:	17/06/2025

II. KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM - Testing results

Ngày thí nghiệm - Testing date: 18/06/2025 – 25/06/2025

Ngày trả kết quả - Results date: 27/06/2025

STT No.	Thông số Parameters	Phương pháp thử Testing methods	Đơn vị Unit	Giới hạn phát hiện MDL	Kết quả Testing result
					KT04
1	Nhiệt độ(*)	NG.QT.KT.01 ^(a)	°C	-	95
2	Lưu lượng(*)	US EPA Method 2	m ³ /h	-	1.537
3	Bụi tổng	US EPA Method 5	mg/Nm ³	3	30,7
4	Cacbon oxit, CO(*)	NG.QT.KT.04 ^(a)	mg/Nm ³	-	6,384
5	Clor	US EPA Method 26A	mg/Nm ³	0,05	KPH
6	Axit clohydric, HCl	US EPA Method 26A	mg/Nm ³	0,05	KPH
7	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂ (*)	NG.QT.KT.05 ^(a)	mg/Nm ³	-	<2,62(**)
8	Nitơ oxit, NOx (tính theo NO ₂)(*)	NG.QT.KT.03 ^(a)	mg/Nm ³	-	<1,88(**)

Ghi chú – Remark:

- KT04: NG.EA.170625.04586;
- (*): Thông số đo nhanh tại hiện trường;
- (a): Phương pháp nội bộ;
- (**): Kết quả đo thấp hơn Giới hạn (IDL) của thiết bị đo;
- (-): Không quy định;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do Phòng Kỹ thuật & Dịch vụ môi trường lấy về;



CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG NGUYỄN GIA

Địa chỉ: Ô 02, Lô D47, Khu D KĐT Lê Trọng Tấn, P. Dương Nội, TP. Hà Nội

Web: www.nguyengiaena.com

Email: nguyengia.ena@gmail.com

Hotline: 0338572255

VIMCERTS 251

Số/No.: 04430/2025/PKQ (IDTECH/25.1144)

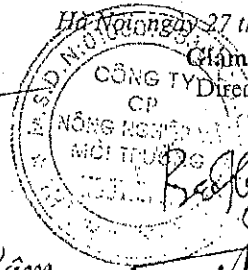
- Quá thời hạn lưu mẫu 5 ngày kể từ ngày trả kết quả (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng), Công ty CP Nông nghiệp và Môi trường Nguyễn Gia không giải quyết việc khiếu nại.

Quản lý chất lượng
QA/QC

Phạm Thị Vi

Trưởng phòng phân tích
Supervised by

Nguyễn Thế Lâm

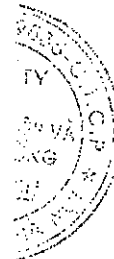


Hà Nội ngày 27 tháng 06 năm 2025

Giám đốc
Director

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Bắc Ngọc





CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG NGUYỄN GIA

Địa chỉ: Ô 02, Lô D47, Khu D KĐT Lê Trọng Tấn, P. Dương Nội, TP. Hà Nội

Web: www.nguyengiaena.com

Email: nguyengia.ena@gmail.com

Hotline: 0338572255

VIMCERTS 251



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Testing Results

Số/No.: 04435/2025/PKQ (IDTECH/25.1146)

I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG – Client Information

Khách hàng - Client	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
Địa chỉ - Address	Lô B6, Khu đấu giá Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Nội.
Địa điểm lấy mẫu - Sampling site:	CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY AN HÒA - Thôn An Hòa, Xã Vĩnh Lợi, huyện Sơn Dương, Tuyên Quang.
Loại mẫu - Type of Sample:	Khí thải KT05: Khí thải (H ₂ SO ₄) Tọa độ: 21,724494; 105,278984
Ngày quan trắc – Monitoring date:	16/06/2025
Ngày nhận mẫu - Sample receiving date:	17/06/2025

II. KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM - Testing results

Ngày thí nghiệm – Testing date: 18/06/2025 – 25/06/2025

Ngày trả kết quả - Results date: 27/06/2025

STT No.	Thông số Parameters	Phương pháp thử Testing methods	Đơn vị Unit	Giới hạn phát hiện MDL	Kết quả Testing result
					KT05
1	Nhiệt độ(*)	NG.QT.KT.01 ^(a)	°C	-	28
2	Lưu lượng(*)	US EPA Method 2	m ³ /h	-	2.213
3	Clo	US EPA Method 26	mg/Nm ³	0,05	KPH
4	Hơi H ₂ SO ₄ hoặc SO ₃ , tính theo SO ₃	US EPA Method 8	mg/Nm ³	2	KPH

Ghi chú – Remark:

- KT05: NG.EA.170625.04438;
- (*): Thông số đo nhanh tại hiện trường;
- (-): Không quy định;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do Phòng Kỹ thuật & Dịch vụ môi trường lấy về;
- Quá thời hạn lưu mẫu 5 ngày kể từ ngày trả kết quả (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng), Công ty CP Nông nghiệp và Môi trường Nguyễn Gia không giải quyết việc khiếu nại.

Quản lý chất lượng
QA/QC

Phạm Thị Vi

Trưởng phòng phân tích
Supervised by

Hoàng Thị Hồng Anh

Hà Nội, ngày 27 tháng 06 năm 2025



Giám đốc
Director

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Bảo Ngọc



CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG NGUYỄN GIA

Địa chỉ: Ô 02, Lô D47, Khu D KĐT Lê Trọng Tấn, P. Dương Nội, TP. Hà Nội

Web: www.nguyengiaena.com

Email: nguyengia.ena@gmail.com

Hotline: 0338572255

VIMCERTS 251

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Testing Results

Số/No.: 04432/2025/PKQ (IDTECH/25.1145)

I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG – Client Information

Khách hàng - Client	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
Địa chỉ - Address	Lô B6, Khu đấu giá Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Nội.
Địa điểm lấy mẫu- Sampling site:	CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY AN HÒA - Thôn An Hòa, Xã Vĩnh Lợi, huyện Sơn Dương, Tuyên Quang.
Loại mẫu - Type of Sample:	Khí thải KT07: Ống khói (lò vôi) Tọa độ: 21,726609; 105,281292
Ngày quan trắc – Monitoring date:	15/06/2025
Ngày nhận mẫu - Sample receiving date:	17/06/2025

II. KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM - Testing results

Ngày thí nghiệm - Testing date: 18/06/2025 – 25/06/2025

Ngày trả kết quả - Results date: 27/06/2025

STT No.	Thông số Parameters	Phương pháp thử Testing methods	Đơn vị Unit	Giới hạn phát hiện MDL	Kết quả Testing result
					KT07
1	Nhiệt độ(*)	NG.QT.KT.01 ^(a)	°C	-	27
2	Lưu lượng(*)	US EPA Method 2	m ³ /h	-	5.869
3	Bụi tổng	US EPA Method 5	mg/Nm ³	3	10,8
4	Cacbon oxit, CO(*)	NG.QT.KT.04 ^(a)	mg/Nm ³	-	<1,14(**)
5	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂ (*)	NG.QT.KT.05 ^(a)	mg/Nm ³	-	<2,62(**)
6	Nitơ oxit, NOx (tính theo NO ₂)(*)	NG.QT.KT.03 ^(a)	mg/Nm ³	-	<1,88(**)

Ghi chú – Remark:

- KT07: NG.EA.170625.04431;

- (*): Thông số đo nhanh tại hiện trường;

- (**): Kết quả đo thấp hơn Giới hạn (IDL) của thiết bị đo;

- (a): Phương pháp nội bộ;

- (-): Không quy định;

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do Phòng Kỹ thuật & Dịch vụ môi trường lấy về;



CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG NGUYỄN GIA

Địa chỉ: Ô 02, Lô D47, Khu D KĐT Lê Trọng Tấn, P. Dương Nội, TP. Hà Nội

Web: www.nguyengiaena.com

Email: nguyengia.ena@gmail.com

Hotline: 0338572255

VIMCERTS 251

Số/No.: 04432/2025/PKQ (IDTECH/25.1145)

- Quá thời hạn lưu mẫu 5 ngày kể từ ngày trả kết quả (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng), Công ty CP Nông nghiệp và Môi trường Nguyễn Gia không giải quyết việc khiếu nại.

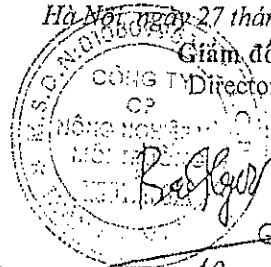
Quản lý chất lượng
QA/QC

Phạm Thị Vi

Trưởng phòng phân tích
Supervised by

Nguyễn Thế Lâm

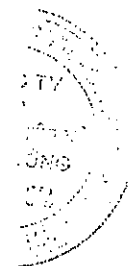
Hà Nội, ngày 27 tháng 06 năm 2025

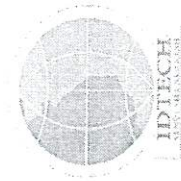


Giám đốc
Director

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Bảo Ngọc





CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM (VIMCERT 236)

Phòng quan trắc và phân tích chất lượng môi trường
Địa chỉ: Số 19C, ngõ 84, phố Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: 024.66512336 E-mail: [idtech.vn.info@gmail.com](mailto:info@idtech.vn)



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số: 971/2025/PKQ/25.69/KQTN



Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Giấy An Hòa
Địa chỉ : Thôn An Hòa, xã Bình Ca, tỉnh Tuyên Quang
Địa điểm quan trắc : Tuyên Quang
Loại mẫu : Khí thải
Ngày quan trắc : 20/11/2025

Số mẫu: 1
Ngày trả kết quả: 29/12/2025



TT	Tên thông số	Số hiệu phương pháp	Đơn vị	Kết quả phân tích	QCVN 19:2009/ BTNMT Cột B (Kp=0,8; Kv=1)	QCVN 19:2024/ BTNMT Cột B
1	Nhiệt độ(*)	NG.QT.KT.01	°C	18	-	-
2	Lưu lượng(*)	US EPA Method 2	m ³ /h	23.710	-	-
3	Bụi tổng	US EPA Method 5	mg/Nm ³	<9(**)	160	<25
4	Carbon oxit, CO(*)	NG.QT.KT.04	mg/Nm ³	<1,14(**)	800	<250
5	Lưu huỳnh điôxit, SO ₂ (*)	NG.QT.KT.05	mg/Nm ³	<2,62(**)	400	<100
6	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂)(*)	NG.QT.KT.03	mg/Nm ³	<1,88(**)	680	<350

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Công ty
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Quá thời hạn lưu mẫu phòng phân tích chất lượng môi trường không giải quyết việc khiếu nại

- (-): không quy định
- Các thông số đánh dấu (*) chưa được công nhận VIMCERT



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM (VIMCERT 236)

Phòng quan trắc và phân tích chất lượng môi trường

Địa chỉ trụ sở chính: Số 19C, ngõ 84, phố Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Lô B6 Khu đầu giá Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024.66512336

E-mail: [idtech.vn.info@gmail.com](mailto:info@idtech.vn)

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện;

- Các thông số *: Thông số thân phụ Công ty Cổ phần Nông nghiệp và Môi trường Nguyễn Gia

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 21:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp sản xuất phân bón hoá học. Cột B: quy định nồng độ C của các thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp sản xuất phân bón hoá học làm cơ sở tính toán nồng độ tối đa cho phép.

+ QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ. Cột B: quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp.

+ QCVN 19:2024/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải. Cột B quy định giá trị giới hạn cho phép của thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp của cơ sở xả khí thải công nghiệp có địa điểm hoạt động nằm trong vùng hạn chế phát thải.

- Vị trí lấy mẫu:

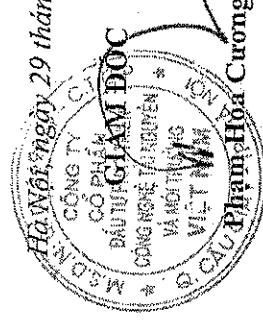
+ KT05 : Khí thải (H_2SO_4)

+ Toạ độ: 21,7246; 105,27907

PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Phương Hiền

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2025



- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Công ty

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Quá thời hạn lưu mẫu phòng phân tích chất lượng môi trường không giải quyết việc khiếu nại

- (-): không quy định

- Các thông số đánh dấu (*) chưa được công nhận VIMCERT



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM (VIMCERT 236)

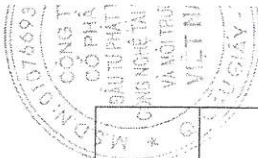
Phòng quan trắc và phân tích chất lượng môi trường
Địa chỉ trụ sở chính: Số 19C, ngõ 84, phố Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Địa chỉ phòng thí nghiệm: Lô B6 Khu đấu giá Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: 024.66512336 E-mail: [idtechvn.info@gmail.com](mailto:info@idtechvn.com)



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số: 970/2025/PKQ/25.69/KQTN

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Giấy An Hoà
Địa chỉ : Thôn An Hòa, xã Bình Ca, tỉnh Tuyên Quang
Địa điểm quan trắc : Tuyên Quang
Loại mẫu : Khí thải
Ngày quan trắc : 21/11/2025

Số mẫu: 1
Ngày trả kết quả: 29/12/2025



TT	Tên thông số	Số hiệu phương pháp	Đơn vị	Kết quả phân tích	QCVN 19:2009/ BTNMT Cột B (Kp=1; Kv=1)	QCVN 21:2009/ BTNMT Cột B (Kp=1; Kv=1)	QCVN 19:2024/ BTNMT Cột B
1	Nhiệt độ(*)	NG_QT.KT.01	°C	26	-	-	-
2	Lưu lượng(*)	US EPA Method 2	m³/h	731	-	-	-
3	Clor(*)	US EPA Method 26	mg/Nm³	<0,1	10	-	<5
4	Hơi H ₂ SO ₄ hoặc SO ₃ , tính theo SO ₃ (*)	US EPA Method 8	mg/Nm³	18,1	50	50	<30

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Không được trích sao nội dung kết quả này nếu không được sự đồng ý của Công ty.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Quá thời hạn lưu mẫu phòng phân tích chất lượng môi trường giải quyết việc khiếu nại.

- (-): không quy định
- Các thông số đánh dấu (*) chưa được công nhận Vincem



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM (VINCERT 236)

Phòng quan trắc và phân tích chất lượng môi trường

Địa chỉ trụ sở chính: Số 19C, ngõ 84, phố Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Địa chỉ phòng thí nghiệm: Lô B6 Khu đấu giá Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024.66512336

E-mail: idechvn.info@gmail.com

TT	Tên thông số	Số hiệu phương pháp	Đơn vị	Kết quả phân tích	QCVN 19:2009/ BTNMT	QCVN 19:2024/ BTNMT
8	Axit clohydric, HCl*	US EPA Method 264	mg/Nm ³	KT04 KPH	Cột B (Kp=1; Kv=1) 50	Cột B <15

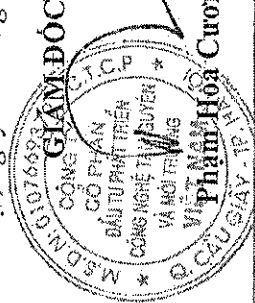
Ghi chú:

- Các thông số *: Thông số thầu phụ Công ty Cổ phần Nông nghiệp và Môi trường Nguyễn Gia
- (**): Kết quả đo thấp hơn giới hạn phát hiện (IDL) của thiết bị đo;
- Quy chuẩn so sánh:
 - + QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ. Cột B: quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp.
 - + QCVN 19:2024/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải. Cột B quy định giá trị giới hạn cho phép của thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp của cơ sở xả khí thải công nghiệp có địa điểm hoạt động nằm trong vùng hạn chế phát thải.
- Vị trí lấy mẫu:
 - + KT04 : Khí thải (chung bốc)
 - + Toạ độ: 21,7262; 105,2793

PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH

CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2025



Nguyễn Phương Hiền

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Công ty
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Quá thời hạn lưu mẫu, phòng phân tích chất lượng môi trường không giải quyết việc khiếu nại
- (-): Không quy định
- Các thông số đánh dấu (*) chưa được công nhận Vincert



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM (VIMCERT 236)

Phòng quan trắc và phân tích chất lượng môi trường

Địa chỉ: Số 19C, ngõ 84, phố Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: 024.66512336 E-mail: info@idtech.vn

IDTECH

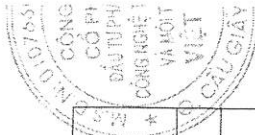


PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số: 969 /2025/PKQ/25.69/KQTN

Tên khách hàng
Địa chỉ
Địa điểm quan trắc
Loại mẫu
Ngày quan trắc

: Công ty Cổ phần Giấy An Hòa
: Thôn An Hòa, xã Bình Ca, tỉnh Tuyên Quang
: Tuyên Quang
: Khí thải
: 19/11/2025

Số mẫu: 1
Ngày trả kết quả: 29/12/2025



TT	Tên thông số	Số hiệu phương pháp	Đơn vị	Kết quả phân tích	QCVN 19:2009/ BTNMT Cột B (Kp=1; Kv=1)	QCVN 19:2024/ BTNMT Cột B
1	Cacbon oxit, CO *	NG.QT.KT.04	mg/Nm ³	<1,14(**)	1000	<400
2	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂ *	NG.QT.KT.05	mg/Nm ³	<2,62(**)	500	<300
3	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂)*	NG.QT.KT.03	mg/Nm ³	<1,88(**)	850	<400
4	Nhiệt độ*	NG.QT.KT.01	°C	42	-	-
5	Lưu lượng*	US EPA Method 2	m ³ /h	3.880	-	-
6	Bụi tổng*	US EPA Method 5	mg/Nm ³	KPH	200	<80
7	Clorua*	US EPA Method 26.4	mg/Nm ³	<0.1	10	<5

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Công ty.

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

- Quá thời hạn lưu mẫu phòng phân tích chất lượng môi trường gửi không gửi quyền việc khiếu nại.

- (-): không quy định

- Các thông số đánh dấu (*) chưa được công nhận Vincer



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM (VIMCERT 236)
Phòng quan trắc và phân tích chất lượng môi trường
Địa chỉ trụ sở chính: Số 19C, ngõ 84, phố Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Địa chỉ phòng thí nghiệm: Lô B6 Khu đấu giá Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: 024.66512336 E-mail: idtechvn.info@gmail.com

TT	Tên thông số	Số hiệu phương pháp	Đơn vị	Kết quả phân tích	QCVN 19:2009/ BTNMT	QCVN 19:2024/ BTNMT
6	Axit clohydric, HCl(*)	US EPA Method 26	mg/Nm ³	KT03	Cột B (Kp=1; Kv=1)	Cột B
7	Lưu huỳnh điôxit, SO ₂ (*)	NG. QT. KT. 05	mg/Nm ³	KPH	50	<15
8	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂)(*)	NG. QT. KT. 03	mg/Nm ³	<2,62(**)	500	<300
				<1,88(**)	850	<400

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện;
- (*): Kết quả đo thấp hơn Giới hạn phát hiện (IDL) của thiết bị đo;
- Các thông số *: Thông số đầu phụ Công ty Cổ phần Nông nghiệp và Môi trường Nguyễn Gia
- Quy chuẩn so sánh:
- + QCVN 19:2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ. Cột B: quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp.
- + QCVN 19:2024/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải. Cột B quy định giá trị giới hạn cho phép của thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp của cơ sở xả khí thải công nghiệp có địa điểm hoạt động nằm trong vùng hạn chế phát thải.
- Vị trí lấy mẫu:
- + KT03 : Khí thải (nồi nấu)

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Không được trích sao một phần kết quả nếu không được sự đồng ý của Công ty
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Quá thời hạn lưu mẫu phòng phân tích chất lượng môi trường không giải quyết việc khiếu nại

- (-): Không quy định
- Các thông số đánh dấu (*) chưa được công nhận VIMCERT



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM (VIMCERT 236)

Phòng quan trắc và phân tích chất lượng môi trường

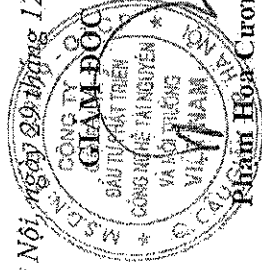
Địa chỉ trụ sở chính: Số 19C, ngõ 84, phố Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Địa chỉ phòng thí nghiệm: Lô B6 Khu đấu giá Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: 024.66512336 E-mail: idechvn.info@gmail.com

+ Tọa độ: 21, 7252; 105,2798

**PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH
CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG**

Nguyễn Phương Hiền

Hà Nội, ngày 09 tháng 12 năm 2025



- Phê duyệt quá trình này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Công ty

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Quá thời hạn lưu mẫu phòng phân tích chất lượng môi trường không giải quyết việc khiếu nại

- (-): không quy định

- Các thông số đánh dấu (*) chưa được công nhận Vimcert



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM (VINCERT 236)
Phòng quan trắc và phân tích chất lượng môi trường
Địa chỉ trụ sở chính: Số 19C, ngõ 84, phố Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Địa chỉ phòng thí nghiệm: Lô B6 Khu đấu giá Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: 024.66512336 E-mail: idechvn.info@gmail.com



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số: 968 /2025/PKQ/25.69/KQTN

Tên khách hàng
Địa chỉ
Địa điểm quan trắc
Loại mẫu
Ngày quan trắc

: Công ty Cổ phần Giấy An Hòa
: Thôn An Hòa, xã Bình Ca, tỉnh Tuyên Quang
: Tuyên Quang
: Khí thải
: 19/11/2025

Số mẫu: 1
Ngày trả kết quả: 29/12/2025

TT	Tên thông số	Số hiệu phương pháp	Đơn vị	Kết quả phân tích	QCVN 19:2009/ BTNMT Cột B (Kp=1; Kv=1)	QCVN 19:2024/ BTNMT Cột B
1	Nhiệt độ(*)	NG. QT. KT. 01	°C	KT03 70	-	-
2	Lưu lượng(*)	US EPA Method 2	m ³ /h	4.717	-	-
3	Bụi tổng(*)	US EPA Method 5	mg/Nm ³	KPH	200	<80
4	Carbon oxit, CO(*)	NG. QT. KT. 04	mg/Nm ³	1,637	1000	<400
5	Clor(*)	US EPA Method 26	mg/Nm ³	<0,1	10	<5

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

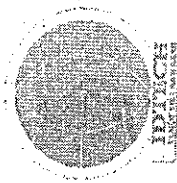
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Công ty

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Quá thời hạn lưu mẫu phòng phân tích chất lượng môi trường không giải quyết việc khiếu nại

- (-): không quy định

- Các thông số đánh dấu (*) chưa được công nhận Vincert



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM (VIMCERT 236)

Phòng quan trắc và phân tích chất lượng môi trường

Địa chỉ trụ sở chính: Số 19C, ngõ 84, phố Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Lô B6 Khu đầu giá Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024.66512336

E-mail: idechvn.info@gmail.com

TT	Tên thông số	Số hiệu phương pháp	Đơn vị	Kết quả phân tích	QCVN 19:2009/ BTNMT	QCVN 22:2009/ BTNMT	QCVN 19:2024/ BTNMT
6	Chỉ và hợp chất, tính theo Pb(*)	LS EPA Method 29	mg/Nm ³	KPH	Cột B (Kp=0,8; Kv=1)	Cột B (Kp=0,8; Kv=1)	Cột B
7	Carbon oxit, CO(*)	NG. QT. KT. 04	mg/Nm ³	209,68	800	-	<1
8	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂ (*)	NG. QT. KT. 05	mg/Nm ³	66,548	400	-	<350
9	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂)(*)	NG. QT. KT. 03	mg/Nm ³	40,11	800	-	<300

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện

- Các thông số *: Thông số đầu phụ Công ty Cổ phần Nông nghiệp và Môi trường Nguyễn Gia

- Kết quả **: kết quả đo thấp hơn giới hạn (IDL) của thiết bị đo;

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 22:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp nhiệt điện. Cột B: quy định nồng độ C làm cơ sở tính toán nồng độ tối đa cho phép các thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp nhiệt điện.

+ QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ. Cột B: quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp.

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Công ty

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Quá thời hạn lưu mẫu phòng phân tích chất lượng môi trường không giải quyết việc khiếu nại

- (-): không quy định

- Các thông số đánh dấu (*) chưa được công nhận VIMcert

01076693
CÔNG T
CÓ PHÁP
ĐẦU TƯ PHÁT
AG NÔNG NGHIỆP
VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆT NAM
GIẤY - B



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM (VINCERT 236)

Phòng quan trắc và phân tích chất lượng môi trường

Địa chỉ trụ sở chính: Số 19C, ngõ 84, phố Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Lô B6 Khu đấu giá Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024.66512336

E-mail: idechvn.info@gmail.com

+ QCVN 19:2024/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải. Cột B quy định giá trị giới hạn cho phép của thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp của cơ sở xả khí thải công nghiệp có địa điểm hoạt động nằm trong vùng hạn chế phát thải.

- Vị trí lấy mẫu:

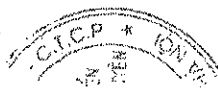
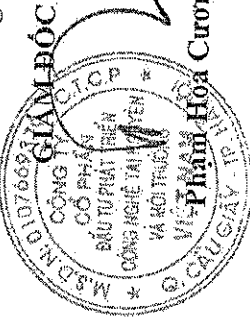
+ KT02 : Ống khói (Lò than)

+ Toạ độ: 21.7234; 105.2829

**PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH
CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG**

Nguyễn Phương Hiền

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2025



- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm

- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Công ty

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Quá thời hạn lưu mẫu, phòng phân tích chất lượng môi trường giải quyết việc khiếu nại

- (-): không quy định

- Các thông số đánh dấu (*) chưa được công nhận Vincert



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM (VIMCERT 236)
Phòng quan trắc và phân tích chất lượng môi trường
Địa chỉ: 19C, ngõ 84, phố Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: 024.66512336 E-mail: [idtech.vn.info@gmail.com](mailto:info@idtech.vn)



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số: 967/2025/PKQ/25.69/KQTN

Tên khách hàng :
Địa chỉ :
Địa điểm quan trắc :
Loại mẫu :
Ngày quan trắc :

Công ty Cổ phần Giấy An Hoà
Thôn An Hòa, xã Bình Ca, tỉnh Tuyên Quang
Tuyên Quang
Khí thải
20/11/2025

Số mẫu: 1
Ngày trả kết quả: 29/12/2025

TT	Tên thông số	Số hiệu phương pháp	Đơn vị	Kết quả phân tích	QCVN 19:2009/ BTNMT	QCVN 22:2009/ BTNMT	QCVN 19:2024/ BTNMT
1	Nhiệt độ(*)	NG_QT.KT.01	°C	KT02 86	Cột B (Kp=0,8; Kv=1)	Cột B (Kp=0,8; Kv=1)	Cột B
2	Lưu lượng(*)	US EPA Method 2	Nm³/h	465.668	-	-	-
3	Bụi tổng(*)	US EPA Method 5	mg/Nm³	<9(***)	160	-	<50
4	Asen và các hợp chất, tính theo As(*)	US EPA Method 29	mg/Nm³	KPH	8	-	<3
5	Cadmi và hợp chất, tính theo Cd(*)	US EPA Method 29	mg/Nm³	KPH	4	-	<0,2

* Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Công ty
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Quá thời hạn lưu mẫu phòng phân tích chất lượng môi trường không gửi quyết việc khiếu nại
- (-): không quy định
- Các thông số đánh dấu (*) chưa được công nhận Vimecert



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM (VIMCERT 236)

Phòng quan trắc và phân tích chất lượng môi trường

Địa chỉ trụ sở chính: Số 19C, ngõ 84, phố Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Địa chỉ phòng thí nghiệm: Lô B6 Khu đấu giá Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024.66512336

E-mail: idtechvn.info@gmail.com

TT	Tên thông số	Số hiệu phương pháp	Đơn vị	Kết quả phân tích	QCVN 19:2009/ BTNMT	QCVN 22:2009/ BTNMT	QCVN 30:2012/ BTNMT	QCVN 19:2024/ BTNMT
					Cột B (Kp=0,8; Kv=1)	Cột B (Kp=0,8; Kv=1)	Cột B	Cột B
	1,2,3,6,7,8-HxCDD(*)			KT01	-	-	-	-
	1,2,3,7,8,9-HxCDD(*)			0,0000	-	-	-	-
	1,2,3,4,7,8-HxCDF			0,0000	-	-	-	-
	1,2,3,6,7,8-HxCDF			0,0003	-	-	-	-
	1,2,3,7,8,9-HxCDF(*)			0,0004	-	-	-	-
	2,3,4,6,7,8-HxCDF(*)			0,0002	-	-	-	-
	1,2,3,4,6,7,8-HpCDD(*)			0,0000	-	-	-	-
	1,2,3,4,6,7,8-HpCDF(*)			0,0000	-	-	-	-
	1,2,3,4,7,8,9-HpCDF(*)			0,0001	-	-	-	-
	OCDD(*)			0,0000	-	-	-	-
	OCDF(*)			0,0000	-	-	-	-

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện;

- Các thông số *: Thông số thần phụ Công ty Cổ phần Nông nghiệp và Môi trường Nguyễn Gia

- Quy chuẩn so sánh:

- Phấn hải quân này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

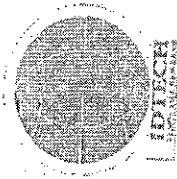
- Không được trích ra một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Công ty

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Quá thời hạn lưu mẫu phòng phân tích chất lượng môi trường giải quyết việc khiếu nại

- (-): không quy định

- Các thông số đánh dấu (*) chưa được công nhận Vincer



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM (VIMCERT 236)

Phòng quan trắc và phân tích chất lượng môi trường

Địa chỉ trụ sở chính: Số 19C, ngõ 84, phố Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Lô B6 Khu đấu giá Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024.66512336

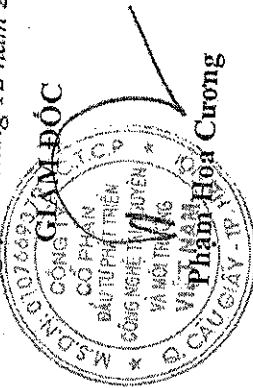
E-mail: idtechvn.info@gmail.com

- + QCVN 22:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp nhiệt điện. **Cột B:** quy định nồng độ C làm cơ sở tính toán nồng độ tối đa cho phép các thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp nhiệt điện.
- + QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp nhiệt điện.
- các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp.
- + QCVN 30:2012/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải công nghiệp. **Cột B:** quy định nồng độ C của bụi và 01/01/2015.
- + QCVN 19:2024/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải. **Cột B** quy định giá trị giới hạn cho phép của thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp của cơ sở xả khí thải công nghiệp có địa điểm hoạt động nằm trong vùng hạn chế phát thải.
- Vị trí lấy mẫu:
- + KT01 : Ống khói (lò thu hồi, động lực ống khói 120m)
 - + Toạ độ: 21,7270; 105,2797

**PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH
CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG**

Nguyễn Phương Hiền

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2025



- Phiếu lấy mẫu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Công ty
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Quá thời hạn lưu mẫu phòng phân tích chất lượng môi trường không giải quyết việc khiếu nại

- (-): không lấy định
- Các thông số đánh dấu (*) chưa được công nhận Vincert



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM (VINCERT 236)

Phòng quan trắc và phân tích chất lượng môi trường

Địa chỉ trụ sở chính: Số 19C, ngõ 84, phố Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Địa chỉ phòng thí nghiệm: Lô B6 Khu đấu giá Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: 024.66512336 E-mail: ldtechvn.info@gmail.com



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số: 966/2025/PKQ/25.69/KQTN



Tên khách hàng
Địa chỉ
Địa điểm quan trắc
Loại mẫu
Ngày quan trắc

: Công ty Cổ phần Giấy An Hòa
: Thôn An Hòa, xã Bình Ca, tỉnh Tuyên Quang
: Tuyên Quang
: Khí thải
: 17/11/2025

Số mẫu: 1
Ngày trả kết quả: 29/12/2025

TT	Tên thông số	Số hiệu phương pháp	Đơn vị	Kết quả phân tích	QCVN 19:2009/ BTNMT	QCVN 22:2009/ BTNMT	QCVN 30:2012/ BTNMT	QCVN 19:2024/ BTNMT
1	Lưu lượng	US EPA Method 2	Nm ³ /h	347.525	Cột B (Kp=0,8; Kv=1)	Cột B (Kp=0,8; Kv=1)	Cột B	Cột B
2	Asen và các hợp chất, tính theo As(*)	US EPA Method 29	mg/Nm ³	KPH	8	-	-	<0,5
3	Cadmi và hợp chất, tính theo Cd(*)	US EPA Method 29	mg/Nm ³	KPH	4	-	0,16	<0,05

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

- Không được trích sao môi phân kết quả này nếu không được sự đồng ý của Công ty

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Quá thời hạn lưu mẫu phòng phân tích chất lượng môi trường không giải quyết việc khiếu nại

- (-): không quy định

- Các thông số đánh dấu (*) chưa được công nhận Vincert



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM (VIMCERT 236)

Phòng quan trắc và phân tích chất lượng môi trường

Địa chỉ trụ sở chính: Số 19C, ngõ 84, phố Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Lô B6 Khu đấu giá Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024.66512336 E-mail: idtechvn.info@gmail.com

TT	Tên thông số	Số hiệu phương pháp	Đơn vị	Kết quả phân tích	QCVN 19:2009/ BTNMT	QCVN 22:2009/ BTNMT	QCVN 30:2012/ BTNMT	QCVN 19:2024/ BTNMT
4	Chì và hợp chất, tính theo Pb(*)	US EPA Method 29	mg/Nm ³	KT01	Cột B (Kp=0,8; Kv=1)	Cột B (Kp=0,8; Kv=1)	Cột B	Cột B
5	Clo(*)	US EPA Method 26	mg/Nm ³	<0,1	8	-	1,2	<0,5
6	Axit clohydric, HCl(*)	US EPA Method 26	mg/Nm ³	KPH	40	-	50	<15
7	Hydro sunphua, H ₂ S(*)	JIS K 0108:2010	mg/Nm ³	KPH	6	-	-	<7
8	Tổng Dioxin/Furan (tính theo TEQ) (*)	US EPA Method 23	ngTEQ/ Nm ³	0,0020	-	-	0,6	<0,3
	2,3,7,8-TCDD(*)			0,0000	-	-	-	-
	2,3,7,8-TCDF(*)			0,0002	-	-	-	-
	1,2,3,7,8-PeCDD(*)			0,0000	-	-	-	-
	1,2,3,7,8-PeCDF(*)			0,0001	-	-	-	-
	2,3,4,7,8-PeCDF(*)			0,0008	-	-	-	-
	1,2,3,6,7,8-HxCDD(*)			0,0000	-	-	-	-

- Phiên kết quả này chỉ có giá trị đối với một mẫu thử nghiệm.

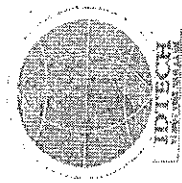
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Công ty

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Quá thời hạn lưu mẫu phòng phân tích chất lượng môi trường không giải quyết việc khiếu nại

- (-): không quy định

- Các thông số đánh dấu (*) chưa được công nhận VIMcert



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM (VIMCERT 236)

Phòng quan trắc và phân tích chất lượng môi trường

Địa chỉ trụ sở chính: Số 19C, ngõ 84, phố Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Địa chỉ phòng thí nghiệm: Lô B6 Khu đấu giá Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: 024.66512336 E-mail: idechvn.info@gmail.com

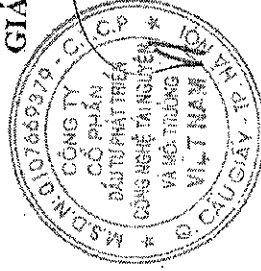
- Kết quả (**): Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn định lượng LOQ của phương pháp.
- Vị trí lấy mẫu:
- + KKAH 01: Không khí xung quanh cầu An Hòa. Tọa độ: 21,736624; 105,274367
- + KKAH 02: Không khí xung quanh trường tiểu học Vĩnh Lợi. Tọa độ: 21,755323; 105,268133
- + KKAH 03: Không khí xung quanh UBND xã Vĩnh Lợi. Tọa độ: 21,751108; 105,276875
- + KKAH 04: Không khí xung quanh thôn Đất Đỏ. Tọa độ: 21,738405; 105,284373
- Quy chuẩn so sánh:
- + QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng Không khí
- +⁽²⁾ Trung bình 1 giờ: Trung bình một giờ là giá trị trung bình của các giá trị đo được trong khoảng thời gian một giờ.
- +⁽¹⁾ Trung bình 24 giờ: Trung bình 24 giờ là giá trị trung bình của các giá trị đo được trong khoảng thời gian 24 giờ (một ngày đêm).

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2025

**PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH
CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG**

Nguyễn Phương Hiền

GIÁM ĐỐC



Phạm Hoa Cường

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

- Không được trích sao nội dung kết quả này nếu không được sự đồng ý của Công ty

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Quá thời hạn lưu mẫu phòng phân tích chất lượng môi trường không giải quyết việc khiếu nại

- (-): không quy định

- Các thông số đánh dấu (*) chưa được công nhận Vincert



VIMCERTS_251

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG NGUYỄN GIA

Địa chỉ: Tầng 2-3-4 nhà B, số 103 Vạn Phúc, Phường Hà Đông, TP. Hà Nội

Web: www.nguyengiaena.comEmail: nguyengia.ena@gmail.com

Hotline: 0338572255



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Testing Results

Số/No.: 07434/2025/PKQ (IDTECH/25.1959)

I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG – Client Information

Khách hàng - Client	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
Địa chỉ - Address	Số 19C, Ngõ 84, phố Yên Hòa, Phường Yên Hòa, TP Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu - Sampling site:	CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY AN HÒA - Thôn An Hòa, xã Bình Ca, tỉnh Tuyên Quang.
Loại mẫu - Type of Sample:	Khí thải KT01: Ống khói (lò thu hồi, động lực ống khói 120m) Tọa độ: 21,726999; 105,279699
Ngày quan trắc – Monitoring date:	17/11/2025
Ngày nhận mẫu - Sample receiving date:	29/11/2025

II. KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM - Testing results

Ngày thí nghiệm - Testing date: 30/11/2025 – 27/12/2025

Ngày trả kết quả - Results date: 27/12/2025

STT No.	Thông số Parameters	Phương pháp thử Testing methods	Đơn vị Unit	Giới hạn phát hiện MDL	Kết quả Testing result
					KT01
1	Lưu lượng(*)	US EPA Method 2	Nm ³ /h	-	347.525
2	Asen và các hợp chất, tính theo As	US EPA Method 29	mg/Nm ³	0,05	KPH
3	Cadmi và hợp chất, tính theo Cd	US EPA Method 29	mg/Nm ³	0,06	KPH
4	Chì và hợp chất, tính theo Pb	US EPA Method 29	mg/Nm ³	0,05	KPH
5	Clo ^(d)	US EPA Method 26	mg/Nm ³		<0,1
6	Axit clohydric, HCl	JIS K 0107:2012	mg/Nm ³	0,05	KPH
7	Hydro sunphua, H ₂ S	JIS K 0108:2010	mg/Nm ³	0,3	KPH
8	2,3,7,8-TCDD	US EPA METHOD 23	ngTEQ/Nm ³	-	0,0000
9	2,3,7,8-TCDF			-	0,0002
10	1,2,3,7,8-PeCDD			-	0,0000
11	1,2,3,7,8-PeCDF			-	0,0001
12	2,3,4,7,8-PeCDF			-	0,0008
13	1,2,3,4,7,8-HxCDD			-	0,0000
14	1,2,3,6,7,8-HxCDD			-	0,0000





VIMCERTS_251

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG NGUYỄN GIA

Địa chỉ: Tầng 2-3-4 nhà B, số 103 Vạn Phúc, Phường Hà Đông, TP. Hà Nội

Web: www.nguyengiaena.com Email: nguyengia.ena@gmail.com

Hotline: 0338572255

Số/No.: 07434/2025/PKQ (IDTECH/25.1959)

STT No.	Thông số Parameters	Phương pháp thử Testing methods	Đơn vị Unit	Giới hạn phát hiện MDL	Kết quả Testing result
					KT01
15	1,2,3,7,8,9-HxCDD	US EPA METHOD 23	ngTEQ/Nm ³	-	0,0000
16	1,2,3,4,7,8-HxCDF			-	0,0003
17	1,2,3,6,7,8-HxCDF			-	0,0004
18	1,2,3,7,8,9-HxCDF			-	0,0002
19	2,3,4,6,7,8-HxCDF			-	0,0000
20	1,2,3,4,6,7,8-HpCDD			-	0,0000
21	1,2,3,4,6,7,8-HpCDF			-	0,0001
22	1,2,3,4,7,8,9-HpCDF			-	0,0000
23	OCDD			-	0,0000
24	OCDF			-	0,0000
25	Tổng Dioxin/Furan (tính theo TEQ)			-	0,0020

Ghi chú – Remark:

- KT01: NG.EA.291125.07963;
- (d): Thông số thực hiện bởi nhà thầu phụ -VIMCERTS 079, chi tiết kết quả được thể hiện trong phiếu kết quả đi kèm;
- (*): Thông số đo nhanh tại hiện trường;
- (-): Không quy định;
- TEF: Hệ số độc tương đương (Toxic Equivalency Factor);
- TEQ: Hàm lượng độc tương đương (Toxic Equivalent), $TEQ = TEF \times \text{Hàm lượng}$;
- Kết quả TEQ chỉ tính theo các đồng phân phát hiện được, các đồng phân PCDD/Fs không phát hiện được lấy giá trị bằng 0;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do Phòng Kỹ thuật & Dịch vụ môi trường lấy về;
- Quá thời hạn lưu mẫu 5 ngày kể từ ngày trả kết quả (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng), Công ty CP Nông nghiệp và Môi trường Nguyễn Gia không giải quyết việc khiếu nại.

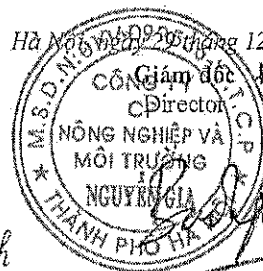
Quản lý chất lượng
QA/QC

Nguyễn Thế Lâm

Trưởng phòng phân tích
Supervised by

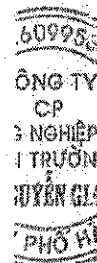
Hoàng Thị Hồng Anh

Hà Nội, ngày 09 tháng 12 năm 2025



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Bảo Ngọc





CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG NGUYỄN GIA

Địa chỉ: Tầng 2-3-4 nhà B, số 103 Vạn Phúc, Phường Hà Đông, TP. Hà Nội

Web: www.nguyengiaena.com

Email: nguyengia.ena@gmail.com

Hotline: 0338572255

VIMCERTS 251

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Hệ số độc tương đương của 17 đồng phân Dioxin/Furan theo WHO 2005

STT	Thông số	Hệ số độc tương đương (TEF-WHO 2005)
1	2,3,7,8-TetraCDD	1
2	2,3,7,8-TetraCDF	0,1
3	1,2,3,7,8-PentaCDD	1
4	1,2,3,7,8-PentaCDF	0,03
5	2,3,4,7,8-PentaCDF	0,3
6	1,2,3,4,7,8-HexaCDD	0,1
7	1,2,3,6,7,8-HexaCDD	0,1
8	1,2,3,7,8,9-HexaCDD	0,1
9	1,2,3,4,7,8-HexaCDF	0,1
10	1,2,3,6,7,8-HexaCDF	0,1
11	1,2,3,7,8,9-HexaCDF	0,1
12	2,3,4,6,7,8-HexaCDF	0,1
13	1,2,3,4,6,7,8-HeptaCDD	0,01
14	1,2,3,4,6,7,8-HeptaCDF	0,01
15	1,2,3,4,7,8,9-HeptaCDF	0,01
16	OctaCDD	0,0003
17	OctaCDF	0,0003

Phụ lục 2: Hiệu suất thu hồi các chất chuẩn thêm vào trước khi lấy mẫu

EA 291125 07963		
STT	Tên chất	Đơn vị tính (%)
1	37Cl-2378TCDD	51
2	13C-123478-HxCDD	55
3	13C-23478-PeCDF	59
4	13C-123478-HxCDF	68
5	13C-1234789-HpCDF	113



CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG NGUYỄN GIA

Địa chỉ: Tầng 2-3-4 nhà B, số 103 Vạn Phúc, Phường Hà Đông, TP. Hà Nội

Web: www.nguyengiaena.com

Email: nguyengia.ena@gmail.com

Hotline: 0338572255

VIMCERTS 251



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Testing Results

Số/No.: 07431/2025/PKQ (IDTECH/25.1960)

I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG – Client Information

Khách hàng - Client	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
Địa chỉ - Address	Số 19C, Ngõ 84, phố Yên Hòa, Phường Yên Hòa, TP Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu- Sampling site:	CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY AN HÒA - Thôn An Hòa, xã Bình Ca, tỉnh Tuyên Quang.
Loại mẫu - Type of Sample:	Khí thải KT03: Khí thải (nồi nấu) Tọa độ: 21, 725239; 105,279798
Ngày quan trắc – Monitoring date:	19/11/2025
Ngày nhận mẫu - Sample receiving date:	29/11/2025

II. KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM - Testing results

Ngày thí nghiệm - Testing date: 30/11/2025 – 27/12/2025

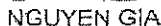
Ngày trả kết quả - Results date: 27/12/2025

STT No.	Thông số Parameters	Phương pháp thử Testing methods	Đơn vị Unit	Giới hạn phát hiện MDL	Kết quả Testing result
					KT03
1	Nhiệt độ(*)	NG.QT.KT.01 ^(a)	°C	-	70
2	Lưu lượng(*)	US EPA Method 2	Nm ³ /h	-	4.717
3	Bụi tổng	US EPA Method 5	mg/Nm ³	3	KPH
4	Cacbon oxit, CO(*)	NG.QT.KT.04 ^(a)	mg/Nm ³	-	1,637
5	Cl ^(d)	US EPA Method 26	mg/Nm ³		<0,1
6	Axit clohydric, HCl	JIS K 0107:2012	mg/Nm ³	0,05	KPH
7	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂ (*)	NG.QT.KT.05 ^(a)	mg/Nm ³	-	<2,62(**)
8	Nitơ oxit, NOx (tính theo NO ₂)(*)	NG.QT.KT.03 ^(a)	mg/Nm ³	-	<1,88(**)



Ghi chú – Remark:

- KT03: NG.EA.291125.07965;
- (d): Thông số thực hiện bởi nhà thầu phụ -VIMCERTS 079, chi tiết kết quả được thể hiện trong phiếu kết quả đi kèm;
- (a): Phương pháp đo nội bộ;
- (*): Thông số đo nhanh tại hiện trường;
- (**): Kết quả đo thấp hơn Giới hạn phát hiện (IDL) của thiết bị đo;
- (-): Không quy định;



Địa chỉ: Tầng 2-3-4 nhà B, số 103 Vạn Phúc, Phường Hà Đông, TP. Hà Nội

Web: www.nguyengiaena.com

Email: nguvengia.ena@gmail.com

Hotline: 0338572255

VIMCERTS 251

Số/No.: 07431/2023/PKO (IDTECH/25.1960)

- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do Phòng Kỹ thuật & Dịch vụ môi trường lấy về;
- Quá thời hạn lưu mẫu 5 ngày kể từ ngày trả kết quả (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng), Công ty CP Nông nghiệp và Môi trường Nguyễn Gia không giải quyết việc khiếu nại.

Quản lý chất lượng
QA/QC

Trưởng phòng phân tích
Supervised by

Uman

Đào Thị Lan Hương



Hoàng Thị Hồng Anh



Hà Nội, ngày 20 tháng 12 năm 2025

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Bảo Ngọc





CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG NGUYỄN GIA

Địa chỉ: Tầng 2-3-4 nhà B, số 103 Vạn Phúc, Phường Hà Đông, TP. Hà Nội

Web: www.nguyengiaena.com

Email: nguyengia.ena@gmail.com

Hotline: 0338572255

VIMCERTS_251



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Testing Results

Số/No.: 07432/2025/PKQ (IDTECH/25.1960)

I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG – Client Information

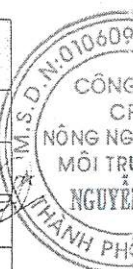
Khách hàng - Client	: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
Địa chỉ - Address	: Số 19C, Ngõ 84, phố Yên Hòa, Phường Yên Hòa, TP Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu- Sampling site:	CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY AN HÒA - Thôn An Hòa, xã Bình Ca, tỉnh Tuyên Quang.
Loại mẫu - Type of Sample:	Khí thải KT04: Khí thải (chung bốc) Tọa độ: 21,726239; 105,279312
Ngày quan trắc – Monitoring date:	19/11/2025
Ngày nhận mẫu - Sample receiving date:	29/11/2025

II. KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM - Testing results

Ngày thí nghiệm - Testing date: 30/11/2025 – 27/12/2025

Ngày trả kết quả - Results date: 27/12/2025

STT No.	Thông số Parameters	Phương pháp thử Testing methods	Đơn vị Unit	Giới hạn phát hiện MDL	Kết quả Testing result
					KT04
1	Nhiệt độ(*)	NG.QT.KT.01 ^(a)	°C	-	42
2	Lưu lượng(*)	US EPA Method 2	Nm ³ /h	-	3.880
3	Bụi tổng	US EPA Method 5	mg/Nm ³	3	KPH
4	Cacbon oxit, CO(*)	NG.QT.KT.04 ^(a)	mg/Nm ³	-	<1,14 ^(**)
5	Cl ₂ ^(d)	US EPA Method 26	mg/Nm ³		<0,1
6	Axit clohydric, HCl	JIS K 0107:2012	mg/Nm ³	0,05	KPH
7	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂ (*)	NG.QT.KT.05 ^(a)	mg/Nm ³	-	<2,62 ^(**)
8	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂)(*)	NG.QT.KT.03 ^(a)	mg/Nm ³	-	<1,88 ^(**)



Ghi chú – Remark:

- KT04: NG.EA.291125.07967;
- (d): Thông số thực hiện bởi nhà thầu phụ -VIMCERTS 079, chi tiết kết quả được thể hiện trong phiếu kết quả đi kèm;
- (a): Phương pháp đo nội bộ;
- (*): Thông số đo nhanh tại hiện trường;
- (**): Kết quả đo thấp hơn Giới hạn phát hiện (IDL) của thiết bị đo;
- (-): Không quy định;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện của phương pháp;



CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG NGUYỄN GIA

Địa chỉ: Tầng 2-3-4 nhà B, số 103 Vạn Phúc, Phường Hà Đông, TP. Hà Nội

Web: www.nguyengiaena.com

Email: nguyengia.ena@gmail.com

Hotline: 0338572255

VIMCERTS 251

Số/No.: 07432/2025/PKQ (IDTECH/25.1960)

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do Phòng Kỹ thuật & Dịch vụ môi trường lấy về;
- Quá thời hạn lưu mẫu 5 ngày kể từ ngày trả kết quả (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng), Công ty CP Nông nghiệp và Môi trường Nguyễn Gia không giải quyết việc khiếu nại.

Quản lý chất lượng
QA/QC

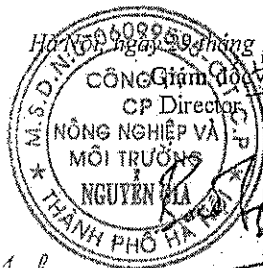
Ưng

Đào Thị Lan Hương

Trưởng phòng phân tích
Supervised by

HL

Hoàng Thị Hồng Anh



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Bảo Ngọc





CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG NGUYỄN GIA

Địa chỉ: Tầng 2-3-4 nhà B, số 103 Vạn Phúc, Phường Hà Đông, TP. Hà Nội

Web: www.nguyengiaena.com

Email: nguyengia.ena@gmail.com

Hotline: 0338572255

VIMCERTS_251



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Testing Results

Số/No.: 07436/2025/PKQ (IDTECH/25.1961)

I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG – Client Information

Khách hàng - Client	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
Địa chỉ - Address	Số 19C, Ngõ 84, phố Yên Hòa, Phường Yên Hòa, TP Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu- Sampling site:	CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY AN HÒA - Thôn An Hòa, xã Bình Ca, tỉnh Tuyên Quang.
Loại mẫu - Type of Sample:	Khí thải KT07: Ống khói (lò vôi) Tọa độ: 21,726395; 105,281408
Ngày quan trắc – Monitoring date:	20/11/2025
Ngày nhận mẫu - Sample receiving date:	29/11/2025

II. KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM - Testing results

Ngày thí nghiệm - Testing date: 30/11/2025 – 27/12/2025

Ngày trả kết quả - Results date: 27/12/2025

STT No.	Thông số Parameters	Phương pháp thử Testing methods	Đơn vị Unit	Giới hạn phát hiện MDL	Kết quả Testing result
					KT07
1	Nhiệt độ(*)	NG.QT.KT.01 ^(a)	°C	-	18
2	Lưu lượng(*)	US EPA Method 2	Nm ³ /h	-	23.710
3	Bụi tổng	US EPA Method 5	mg/Nm ³	3	<9(**)
4	Cacbon oxit, CO(*)	NG.QT.KT.04 ^(a)	mg/Nm ³	-	<1,14(**)
5	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂ (*)	NG.QT.KT.05 ^(a)	mg/Nm ³	-	<2,62(**)
6	Nitơ oxit, NOx (tính theo NO ₂)(*)	NG.QT.KT.03 ^(a)	mg/Nm ³	-	<1,88(**)

Ghi chú – Remark:

- KT07: NG.EA.291125.07968;
- (a): Phương pháp đo nội bộ;
- (*): Thông số đo nhanh tại hiện trường;
- (**): Kết quả đo thấp hơn Giới hạn phát hiện (IDL) của thiết bị đo;
- (***) : Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn định lượng LOQ của phương pháp;
- (-): Không quy định;
- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do Phòng Kỹ thuật & Dịch vụ môi trường lấy về;
- Quá thời hạn lưu mẫu 5 ngày kể từ ngày trả kết quả (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng), Công ty CP Nông nghiệp và Môi trường Nguyễn Gia không giải quyết việc khiếu nại.

Quản lý chất lượng
QA/QC

Phạm Thị Hương

Phạm Thị Hương

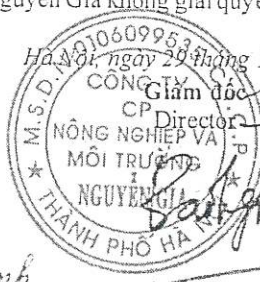
BM.NG 7.8/02

Trưởng phòng phân tích
Supervised by

Nguyễn Thị Hồng Anh

Nguyễn Thị Hồng Anh

Lần ban hành: 06.2025



Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2025

Giám đốc

CP Director

NÔNG NGHIỆP VÀ

MÔI TRƯỜNG

NGUYỄN GIA

THANH PHỐ HÀ NỘI

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Bảo Ngọc



NGUYEN GIA

VIMCERTS_251

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG NGUYỄN GIA

Địa chỉ: Tầng 2-3-4 nhà B, số 103 Vạn Phúc, Phường Hà Đông, TP. Hà Nội

Web: www.nguyengiaena.com

Email: nguyengia.ena@gmail.com

Hotline: 0338572255



GIẤY KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Testing Results

Số/No.: 07437/2025/PKQ (IDTECH/25.1961)

I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG – Client Information

Khách hàng - Client	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
Địa chỉ - Address	Số 19C, Ngõ 84, phố Yên Hòa, Phường Yên Hòa, TP Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu - Sampling site:	CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY AN HÒA - Thôn An Hòa, xã Bình Ca, tỉnh Tuyên Quang.
Loại mẫu - Type of Sample:	Khí thải KT02: Ống khói (lò than) Tọa độ: 21,72337; 105,282865
Ngày quan trắc – Monitoring date:	20/11/2025
Ngày nhận mẫu - Sample receiving date:	29/11/2025

II. KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM - Testing results

Ngày thí nghiệm - Testing date: 30/11/2025 – 27/12/2025

Ngày trả kết quả - Results date: 27/12/2025

STT No.	Thông số Parameters	Phương pháp thử Testing methods	Đơn vị Unit	Giới hạn phát hiện MDL	Kết quả Testing result
					KT02
1	Nhiệt độ(*)	NG.QT.KT.01 ^(a)	°C	-	86
2	Lưu lượng(*)	US EPA Method 2	Nm ³ /h	-	465.668
3	Bụi tổng	US EPA Method 5	mg/Nm ³	3	<9 ^(**)
4	Asen và các hợp chất, tính theo As	US EPA Method 29	mg/Nm ³	0,05	KPH
5	Cadmi và hợp chất, tính theo Cd	US EPA Method 29	mg/Nm ³	0,06	KPH
6	Chì và hợp chất, tính theo Pb	US EPA Method 29	mg/Nm ³	0,05	KPH
7	Cacbon oxit, CO(*)	NG.QT.KT.04 ^(a)	mg/Nm ³	-	209,68
8	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂ (*)	NG.QT.KT.05 ^(a)	mg/Nm ³	-	66,548
9	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂)(*)	NG.QT.KT.03 ^(a)	mg/Nm ³	-	40,11

Ghi chú – Remark:

- KT02: NG.EA.291125.07970;

- (*): Thông số đo nhanh tại hiện trường;

- (**): Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn định lượng LOQ của phương pháp;

- (-): Không quy định;

- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện của phương pháp;





CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG NGUYỄN GIA

Địa chỉ: Tầng 2-3-4 nhà B, số 103 Vạn Phúc, Phường Hà Đông, TP. Hà Nội

Web: www.nguyengiaena.com

Email: nguyengia.ena@gmail.com

Hotline: 0338572255

VIMCERTS_251

Số/No.: 07437/2025/PKQ (IDTECH/25.1961)

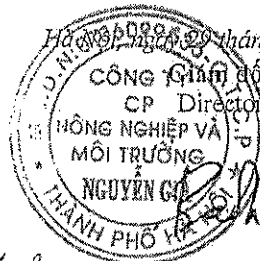
- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do Phòng Kỹ thuật & Dịch vụ môi trường lấy về;
- Quá thời hạn lưu mẫu 5 ngày kể từ ngày trả kết quả (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng), Công ty CP Nông nghiệp và Môi trường Nguyễn Gia không giải quyết việc khiếu nại.

Quản lý chất lượng
QA/QC

Đào Thị Lan Hương

Trưởng phòng phân tích
Supervised by

Hoàng Thị Hồng Anh



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Bảo Ngọc





KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Testing Results

Số/No.: 07429/2025/PKQ (IDTECH/25.1962)

I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG – Client Information

Khách hàng - Client	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
Địa chỉ - Address	Số 19C, Ngõ 84, phố Yên Hòa, Phường Yên Hòa, TP Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu - Sampling site:	CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY AN HÒA - Thôn An Hòa, xã Bình Ca, tỉnh Tuyên Quang.
Loại mẫu - Type of Sample:	Khí thải KT05: Khí thải (H ₂ SO ₄) Tọa độ: 21,724560; 105,279072
Ngày quan trắc – Monitoring date:	21/11/2025
Ngày nhận mẫu - Sample receiving date:	29/11/2025

II. KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM - Testing results

Ngày thí nghiệm - Testing date: 30/11/2025 – 27/12/2025

Ngày trả kết quả - Results date: 27/12/2025

STT No.	Thông số Parameters	Phương pháp thử Testing methods	Đơn vị Unit	Giới hạn phát hiện MDL	Kết quả Testing result
					KT05
1	Nhiệt độ ^(*)	NG.QT.KT.01 ^(a)	°C	-	26
2	Lưu lượng ^(*)	US EPA Method 2	Nm ³ /h	-	731
3	Cl ₂ ^(d)	US EPA Method 26	mg/Nm ³		<0,1
4	Hơi H ₂ SO ₄ hoặc SO ₃ , tính theo SO ₃	US EPA Method 8	mg/Nm ³	2	18,1

Ghi chú – Remark:

- KT05: NG.EA.291125.07972;
- (a): Phương pháp đo nội bộ;
- (d): Thông số thực hiện bởi nhà thầu phụ -VIMCERTS 079, chi tiết kết quả được thể hiện trong phiếu kết quả đi kèm;
- (*): Thông số đo nhanh tại hiện trường;
- (**): Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn định lượng LOQ của phương pháp;
- (-): Không quy định;
- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do Phòng Kỹ thuật & Dịch vụ môi trường lấy về;
- Quá thời hạn lưu mẫu 5 ngày kể từ ngày trả kết quả (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vì sinh và mẫu dễ hư hỏng), Công ty CP Nông nghiệp và Môi trường Nguyễn Gia không giải quyết việc khiếu nại.

Quản lý chất lượng
QA/QC

Thương

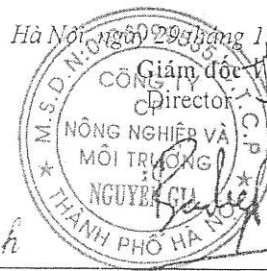
Đào Thị Lan Hương
BM.NG 7.8/02

Trưởng phòng phân tích
Supervised by

Hoàng Thị Hồng Anh

Lần ban hành: 06.2025

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2025



GIÁM ĐỐC 1/1
Nguyễn Bảo Ngọc